

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**



ISO 9001 : 2008

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN

Sinh viên : Trần Xuân Dương

Giảng viên hướng dẫn: Th.s Nguyễn Văn Thụ

HẢI PHÒNG - 2011

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

**HOÀN THIỆN TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN
NGUYÊN VẬT LIỆU TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP
VIỆT NHẬT**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ LIÊN THÔNG
NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN**

Sinh viên : Trần Xuân Dương

Giảng viên hướng dẫn: Th.s Nguyễn Văn Thụ

HẢI PHÒNG - 2011

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên: Trần Xuân Dương

Mã SV: 1364010064

Lớp: QTL301K

Ngành: Kế toán – Kiểm toán

Tên đề tài: Hoàn thiện tổ chức công tác kế toán nguyên vật liệu tại công ty cổ phần thép Việt Nhật.

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp (về lý luận, thực tiễn, các số liệu cần tính toán và các bản vẽ).
 - Hệ thống hoá một cách chi tiết và đầy đủ các vấn đề cơ bản về tổ chức công tác kế toán Nguyên vật liệu trong Doanh nghiệp.
 - Giới thiệu những nét cơ bản về Công ty cổ phần thép Việt Nhật như lịch sử hình thành và phát triển, đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh, mô hình tổ chức bộ máy quản lý, bộ máy kế toán.
 - Trình bày chi tiết và cụ thể thực trạng tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần thép Việt Nhật .
 - Đánh giá ưu điểm, nhược điểm của công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần thép Việt Nhật và đưa ra những giải pháp hoàn thiện có tính khả thi.
2. Các số liệu cần thiết để thiết kế, tính toán.
 - Số liệu tính toán cụ thể vào Quý IV năm 2010.
3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp.

Công ty cổ phần thép Việt Nhật

Địa chỉ: Km 9 Quốc lộ 5 Quận Hồng Bàng-Hải Phòng.

CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Người hướng dẫn thứ nhất:

Họ và tên: Nguyễn Văn Thụ

Học hàm, học vị: Thạc sĩ

Cơ quan công tác: Trường ĐHDL Hải Phòng

Nội dung hướng dẫn: Hoàn thiện tổ chức công tác kế toán nguyên vật liệu tại công ty cổ phần thép Việt Nhật

Người hướng dẫn thứ hai:

Họ và tên:.....

Học hàm, học vị:.....

Cơ quan công tác:.....

Nội dung hướng dẫn:.....

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày 11 tháng 04 năm 2011

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày 16 tháng 07 năm 2011

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

Sinh viên

Người hướng dẫn

Hải Phòng, ngày tháng.....năm 2011

Hiệu trưởng

GS.TS.NGƯT *Trần Hữu Nghị*

PHẦN NHẬN XÉT TÓM TẮT CỦA CÁN BỘ HƯỚNG DẪN

- 1. Tinh thần thái độ của sinh viên trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp:**
 - Nghiêm túc trong học tập và nghiên cứu tài liệu cũng như tìm hiểu thực tiễn của doanh nghiệp.
 - Chịu khó học hỏi, tìm tòi tài liệu, số liệu liên quan đến vấn đề nghiên cứu.
 - Chăm chỉ, khiêm tốn, cố gắng, nỗ lực trong quá trình làm bài để hoàn thành khoá luận theo đúng tiến độ của giảng viên hướng dẫn và của nhà trường.
- 2. Đánh giá chất lượng của tiểu luận (so với nội dung yêu cầu đã đề ra trong nhiệm vụ Đ.T. T.N trên các mặt lý luận, thực tiễn, tính toán số liệu...):**
 - Bài viết trình bày rõ cơ sở lý luận về kế toán nguyên vật liệu
 - Nắm được tình hình kế toán nói chung tại công ty Cổ Phần thép Việt Nhật và công tác kế toán nguyên vật liệu nói riêng.
 - Đánh giá được thực trạng công tác kế toán của công ty Cổ Phần thép Việt Nhật
 - Đã đưa ra được một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán tại công ty Cổ Phần thép Việt Nhật.
 - Phương pháp trình bày dễ hiểu, văn phong gọn gàng
- 3. Cho điểm của cán bộ hướng dẫn (ghi bằng cả số và chữ):**

.....
.....

Hải Phòng, ngày tháng năm

Cán bộ hướng dẫn

Ths. Nguyễn Văn Thụ

LỜI MỞ ĐẦU

Cùng với xu hướng phát triển của kinh tế thế giới, trong những năm vừa qua kinh tế Việt Nam có nhiều chuyển biến khởi sắc. Trong điều kiện nền kinh tế thị trường có sự quản lý của Nhà nước, các doanh nghiệp được phép hoạt động kinh doanh, cạnh tranh lành mạnh trong khuôn khổ pháp luật. Để có thể khẳng định chỗ đứng của mình thì bất kể doanh nghiệp nào cũng cần phải có những chính sách đường lối cũng như các công cụ quản lý đặc lực.

Là một trong những yếu tố cơ bản của quá trình sản xuất, nguyên vật liệu là tư liệu lao động chủ yếu cấu thành nên thực thể sản phẩm, đồng thời còn ảnh hưởng trực tiếp đến giá thành và chất lượng sản phẩm. Thực hiện tốt công tác kế toán, đặc biệt là công tác kế toán nguyên vật liệu sẽ hạn chế được những thất thoát lãng phí và là cơ sở để giảm chi phí, tăng lợi nhuận cho doanh nghiệp, đảm bảo cho sự tồn tại và phát triển của doanh nghiệp trong hiện tại và tương lai.

Xuất phát từ tầm quan trọng của kế toán nguyên vật liệu trong các doanh nghiệp sản xuất, trên cơ sở lý luận đã được học trong nhà trường và thời gian thực tập tại Công ty cổ phần thép Việt Nhật, em đã đi sâu tìm hiểu về phần hành kế toán kế toán nguyên vật liệu và chọn đề tài “*Hoàn thiện tổ chức công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty cổ phần thép Việt Nhật*” làm khoá luận tốt nghiệp của mình.

Ngoài lời mở đầu và kết luận, khoá luận của em gồm 3 chương:

Chương 1: Những vấn đề lý luận cơ bản về công tác kế toán nguyên vật liệu trong Doanh nghiệp.

Chương 2: Thực trạng tổ chức công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty cổ phần thép Việt Nhật.

Chương 3: Một số giải pháp nhằm hoàn thiện tổ chức công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty cổ phần thép Việt Nhật.

Do thời gian và trình độ có hạn nên khoá luận của em chắc chắn không tránh khỏi thiếu sót. Em rất mong nhận được ý kiến đóng góp của các thầy cô và các bạn để bài viết của em được hoàn thiện hơn.

Em xin chân thành cảm ơn!

CHƯƠNG I: NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TRONG DOANH NGHIỆP

1.1: Những vấn đề chung về kế toán nguyên vật liệu trong doanh nghiệp

1.1.1: Sự cần thiết phải tổ chức công tác kế toán nguyên vật liệu trong doanh nghiệp

Nguyên vật liệu là một bộ phận trọng yếu của tư liệu sản xuất, nguyên vật liệu là đối tượng của lao động đã qua sự tác động của con người. Trong đó vật liệu là những nguyên liệu đã trải qua chế biến. Vật liệu được chia thành vật liệu chính, vật liệu phụ và nguyên liệu gọi tắt là nguyên vật liệu. Việc phân chia nguyên liệu thành vật liệu chính, vật liệu phụ không phải dựa vào đặc tính vật lý, hoá học hoặc khối lượng tiêu hao mà là sự tham gia của chúng vào cấu thành sản phẩm. Trong quá trình sản xuất, chi phí sản xuất gắn liền với việc sử dụng nguyên nhiên vật liệu, máy móc và thiết bị sản xuất và trong quá trình đó vật liệu là một trong ba yếu tố cơ bản của quá trình sản xuất, là cơ sở vật chất cấu thành lên sản phẩm. Trong quá trình tham gia vào hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp vật liệu bị tiêu hao toàn bộ và chuyển giá trị một lần vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.

Trong doanh nghiệp sản xuất chi phí về vật liệu thường chiếm tỷ trọng lớn từ 65%- 70% trong tổng giá trị sản phẩm. Do vậy việc cung cấp nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ kịp thời hay không có ảnh hưởng to lớn đến việc thực hiện kế hoạch sản xuất của doanh nghiệp, việc cung cấp nguyên vật liệu còn cần quan tâm đến chất lượng, chất lượng các sản phẩm phụ thuộc trực tiếp vào chất lượng của vật liệu mà chất lượng sản phẩm là một điều kiện tiên quyết để doanh nghiệp có uy tín và tồn tại trên thị trường. Trong cơ chế thị trường hiện nay việc cung cấp vật liệu còn cần đảm bảo giá cả hợp lý tạo điều kiện cho doanh nghiệp làm ăn có hiệu quả.

Nguyên vật liệu có vị trí hết sức quan trọng đối với hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp, nếu thiếu nguyên vật liệu thì không thể tiến hành được các hoạt động sản xuất vật chất.

Trong quá trình sản xuất sản phẩm, thông qua công tác kế toán nguyên vật liệu công cụ, dụng cụ từ đó có thể đánh giá những khoản chi phí chưa hợp lý, lãng phí hay tiết kiệm. Bởi vậy cần tập trung quản lý chặt chẽ vật liệu ở tất cả các khâu: thu mua, bảo quản, dự trữ và sử dụng vật liệu nhằm hạ thấp chi phí sản xuất sản phẩm trong chừng mực nhất định, giảm mức tiêu hao vật liệu trong sản xuất còn là cơ sở để tăng thêm sản phẩm cho xã hội. Có thể nói rằng vật liệu giữ vị trí quan trọng không thể thiếu được trong quá trình sản xuất sản phẩm.

1.1.2: Khái niệm, đặc điểm nguyên vật liệu

** Khái niệm:*

Nguyên vật liệu là đối tượng lao động được biểu hiện bằng hình thái vật chất khi tham gia vào quá trình sản xuất, trị giá nguyên vật liệu được chuyển một lần vào chi phí sản xuất kinh doanh.

** Đặc điểm của nguyên vật liệu.*

Nguyên vật liệu là đối tượng lao động mua ngoài hoặc tự chế biến cần thiết trong quá trình hoạt động sản xuất của doanh nghiệp, nguyên vật liệu mang những đặc điểm sau:

- Tham gia vào một chu kỳ sản xuất.
- Thay đổi hình dáng ban đầu sau quá trình sử dụng.
- Chuyển toàn bộ giá trị vào sản phẩm sản xuất ra.

Thông thường trong cấu tạo của giá thành sản phẩm thì chi phí về nguyên vật liệu chiếm tỷ trọng khá lớn nên việc sử dụng nguyên vật liệu tiết kiệm, đúng mục đích và đúng kế hoạch có ý nghĩa quan trọng trong việc hạ giá thành sản phẩm và thực hiện tốt kế hoạch sản xuất kinh doanh.

1.1.3: Nhiệm vụ của kế toán nguyên vật liệu trong doanh nghiệp sản xuất.

Kế toán là công cụ phục vụ việc quản lý kinh tế vì thế để đáp ứng một cách khoa học, hợp lý xuất phát từ đặc điểm của vật liệu; từ yêu cầu quản lý vật liệu; từ chức năng của kế toán vật liệu trong các doanh nghiệp sản xuất cần thực hiện các nhiệm vụ sau:

+ Tổ chức ghi chép, phản ánh tổng hợp số liệu về tình hình thu mua, vận chuyển, bảo quản, tình hình nhập, xuất và tồn kho vật liệu. Tính giá thành thực

tế vật liệu đã thu mua và nhập kho, kiểm tra tình hình thực hiện kế hoạch thu mua vật liệu tư về các mặt: số lượng, chủng loại, giá cả, thời hạn nhằm đảm bảo cung cấp kịp thời, đầy đủ, đúng chủng loại.

+ Áp dụng đúng đắn các phương pháp về kỹ thuật hạch toán vật liệu, hướng dẫn, kiểm tra các bộ phận, đơn vị trong doanh nghiệp thực hiện đầy đủ chế độ hạch toán ban đầu về vật liệu (lập chứng từ, luân chuyển chứng từ) mở chế độ đúng phương pháp quy định nhằm đảm bảo sử dụng thống nhất trong công tác kế toán, tạo điều kiện thuận lợi cho công tác lãnh đạo, chỉ đạo công tác kế toán trong phạm vi ngành kinh tế và toàn bộ nền kinh tế quốc dân.

+ Kiểm tra việc chấp hành chế độ bảo quản, dự trữ và sử dụng vật tư phát hiện ngăn ngừa và đề xuất những biện pháp xử lý vật tư thừa, thiếu, ứ đọng hoặc mất phẩm chất. Tính toán, xác định chính xác số lượng và giá trị vật tư thực tế đưa vào sử dụng và đã tiêu hao trong quá trình sản xuất kinh doanh.

+ Phải theo dõi vật liệu theo từng loại, từng thứ vật liệu cả về số lượng cũng như giá trị.

+ Xác định đúng giá trị nguyên vật liệu, phân loại nguyên vật liệu theo yêu cầu tình hình đặc điểm cụ thể của doanh nghiệp và các nguyên tắc chung do nhà nước qui định.

+ Với mỗi doanh nghiệp cụ thể tùy thuộc về lĩnh vực hoạt động, ngành nghề qui mô mà lựa chọn phương pháp kế toán hàng tồn kho. Công tác ghi sổ sách, chứng từ sử dụng các tài khoản ... phải phù hợp.

+ Phản ánh chính xác, trung thực sự biến động nguyên vật liệu trong kỳ hạch toán và vật liệu tồn kho và cung cấp số liệu chính xác để tổng hợp chi phí sản xuất, xác định giá thành sản phẩm.

+ Đánh giá, phân tích những thành tích và yếu kém trong khâu mua, xuất sử dụng nguyên vật liệu để rút kinh nghiệm cho những kỳ sau.

+ Tạo điều kiện thuận lợi cho các nhân viên kiểm toán hoàn thành công việc khi có các đợt kiểm toán.

1.1.4: Phân loại, đánh giá nguyên vật liệu

1.1.4.1: Phân loại nguyên vật liệu

Trong các doanh nghiệp sản xuất, vật liệu bao gồm rất nhiều loại khác nhau, đặc biệt là trong ngành sản xuất với nội dung kinh tế và tính năng lý hoá học khác nhau. Để có thể quản lý chặt chẽ và tổ chức hạch toán chi tiết tới từng loại vật liệu phục vụ cho kế hoạch quản trị ... cần thiết phải tiến hành phân loại nguyên vật liệu.

** Nếu căn cứ vào vai trò, công dụng chủ yếu của nguyên vật liệu thì nguyên vật liệu được chia thành:*

+ Nguyên vật liệu chính: Là đối tượng lao động chủ yếu trong doanh nghiệp sản xuất, là cơ sở vật chất cấu thành lên thực thể chính của sản phẩm.

+ Vật liệu phụ: Là những loại vật liệu tham gia vào quá trình sản xuất, không cấu thành thực thể chính của sản phẩm. Vật liệu phụ chỉ tác dụng phụ trong quá trình sản xuất, chế tạo sản phẩm: Làm tăng chất lượng vật liệu chính và sản phẩm, phục vụ cho công tác quản lý, cho nhu cầu công nghệ kỹ thuật bao gói sản phẩm.

+ Nhiên liệu: Về thực thể là một loại vật liệu phụ, nhưng có tác dụng cung cấp nhiệt lượng trong quá trình sản xuất, kinh doanh tạo điều kiện cho quá trình chế tạo sản phẩm có thể diễn ra bình thường. Nhiên liệu có thể tồn tại ở thể lỏng, khí, rắn như: xăng, dầu, than củi, hơi đốt dùng để phục vụ cho công nghệ sản xuất sản phẩm, cho các phương tiện máy móc, thiết bị hoạt động.

+ Phụ tùng thay thế: Là những loại vật tư, sản phẩm dùng để thay thế, sửa chữa máy móc thiết bị, phương tiện vận tải, công cụ dụng cụ sản xuất...

+ Phế liệu: Là các loại vật liệu loại ra trong quá trình sản xuất như sắt, thép vụn hoặc phế liệu thu hồi trong quá trình thanh lý tài sản cố định. Tùy thuộc vào yêu cầu quản lý và công ty kế toán chi tiết của từng doanh nghiệp mà trong từng loại vật liệu nêu trên lại được chia thành từng nhóm, từng thứ một cách chi tiết hơn bằng cách lập sổ danh điểm vật liệu. Trong đó mỗi loại, nhóm, thứ vật liệu được sử dụng một ký hiệu riêng bằng hệ thống các chữ số thập phân để thay thế

tên gọi, nhãn hiệu, quy cách của vật liệu. Ký hiệu đó được gọi là sổ danh điểm vật liệu và được sử dụng thống nhất trong phạm vi doanh nghiệp.

**Nếu căn cứ vào nguồn cung cấp nguyên vật liệu, nguyên vật liệu được chia thành:*

- Nguyên vật liệu mua ngoài.
- Nguyên vật liệu tự sản xuất.
- Nguyên vật liệu có từ nguồn khác. (Được cấp, nhận vốn góp, ...)

Cách phân loại này làm căn cứ cho việc lập kế hoạch thu mua và kế hoạch sản xuất nguyên vật liệu, là cơ sở để xác định trị giá vốn thực tế nguyên vật liệu nhập kho.

1.1.4.2: Đánh giá nguyên vật liệu

Các loại nguyên vật liệu thuộc hàng tồn kho của doanh nghiệp, do đó về nguyên tắc đánh giá vật tư cũng phải tuân thủ nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho. Vật tư trong doanh nghiệp có thể được đánh giá theo trị giá gốc (hay còn gọi là giá vốn thực tế) và giá hạch toán.

Đánh giá vật liệu có ý nghĩa quan trọng trong việc hạch toán đúng đắn tình hình tài sản cũng như chi phí sản xuất kinh doanh. Đánh giá vật liệu là dùng thước đo tiền tệ để biểu hiện giá trị của vật liệu thực tế, tức là toàn bộ số tiền mà doanh nghiệp bỏ ra để có được số vật tư hàng hoá đó.

** Đánh giá nguyên vật liệu theo trị giá vốn thực tế.*

** Giá thực tế vật tư nhập kho:*

Theo chuẩn mực kế toán số 02, hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì được tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc nguyên vật liệu bao gồm: chi phí thu mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh có được hàng tồn kho ở thời điểm hiện tại.

- Chi phí mua của nguyên vật liệu bao gồm: giá mua, các loại thuế không được hoàn lại; chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua nguyên vật liệu. Các

khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được loại trừ khỏi chi phí thu mua.

- Chi phí chế biến nguyên vật liệu bao gồm: Những chi phí liên quan trực tiếp đến sản phẩm sản xuất như chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung cố định và chi phí sản xuất chung biến đổi phát sinh trong quá trình chuyển hóa nguyên vật liệu thành thành phẩm.

- Chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh tính vào giá gốc nguyên vật liệu bao gồm các khoản chi phí khác ngoài chi phí mua và chi phí chế biến nguyên vật liệu.

Chi phí không được tính vào giá nguyên vật liệu bao gồm:

- Chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công và các chi phí sản xuất kinh doanh khác phát sinh trên mức bình thường.

- Chi phí bảo quản nguyên vật liệu trừ các chi phí bảo quản nguyên vật liệu cần thiết cho quá trình sản xuất tiếp theo và chi phí bảo quản trong quá trình mua hàng.

Trên thực tế, nguyên vật liệu của doanh nghiệp được hình thành từ các nguồn khác nhau như: mua ngoài, nhập kho tự sản xuất, nhập do thuê ngoài gia công chế biến, nhập do nhận vốn góp liên doanh, nhập do được cấp do đó mà giá thực tế nhập kho cũng khác nhau. Tùy theo nguồn nhập mà giá thực tế của vật liệu được xác định như sau:

- Đối với vật tư mua ngoài thì giá thực tế nhập kho:

$$\begin{aligned} \text{Giá thực tế nhập kho} &= \text{Giá mua ghi trên hoá đơn} + \text{Các khoản thuế không được khấu trừ hoặc hoàn lại} \\ &+ \text{Chi phí mua thực tế (Chi phí vận chuyển bốc xếp)} - \text{Các khoản chiết khấu giảm giá (nếu có)} \end{aligned}$$

Trong đó giá mua ghi trên hóa đơn được xác định như sau:

+ Đối với cơ sở sản xuất kinh doanh thuộc đối tượng nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ thì giá trị nguyên vật liệu mua vào là giá mua thực tế chưa bao gồm thuế GTGT đầu vào.

+ Đối với cơ sở sản xuất kinh doanh thuộc đối tượng nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp và cơ sở kinh doanh không thuộc đối tượng chịu thuế GTGT thì giá trị nguyên vật liệu mua vào là tổng giá thanh toán phải trả cho người bán (bao gồm cả thuế GTGT đầu vào).

- Đối với vật tư do doanh nghiệp tự gia công chế biến:

$$\begin{array}{l} \text{Giá thực tế} \\ \text{nhập kho} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Giá thực tế xuất} \\ \text{kho chế biến} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Chi phí gia} \\ \text{công chế biến} \end{array}$$

- Đối với vật tư thuê ngoài gia công chế biến:

$$\begin{array}{l} \text{Giá thực tế} \\ \text{nhập kho} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Giá thực tế vật tư} \\ \text{xuất thuê chế biến} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Chi phí vận chuyển bốc} \\ \text{dỡ đến nơi thuê chế biến} \\ \\ \text{Chi phí thuê gia} \\ \text{công chế biến} \end{array}$$

- Đối với vật tư nhận vốn góp liên doanh, vốn góp cổ phần thì trị giá vốn thực tế là giá được các bên liên doanh, góp vốn đánh giá và chấp thuận.

- Đối với phế liệu, phế phẩm thu hồi được đánh giá theo giá ước tính.

*** Giá thực tế vật tư xuất kho.**

Do nguyên vật liệu của doanh nghiệp được nhập kho từ nhiều nguồn khác nhau, vào những khoảng thời gian khác nhau nên giá thực tế nhập kho cũng khác nhau. Vì vậy khi xuất kho phải tính toán, xác định được giá thực tế xuất kho cho các yêu cầu và đối tượng sử dụng khác nhau.

Theo chuẩn mực kế toán số 02 về hàng tồn kho, việc tính giá trị nguyên vật liệu được áp dụng theo các phương pháp khác nhau, tuy nhiên khi doanh nghiệp áp dụng phương pháp nào thì phải đảm bảo tính nhất quán trong một niên độ kế toán.

Một số phương pháp tính giá nguyên vật liệu xuất kho chủ yếu:

+ Phương pháp tính theo giá thực tế đích danh:

Phương pháp này thường được áp dụng đối với các loại nguyên vật liệu có giá trị cao, các loại vật tư đặc chủng. Giá thực tế nguyên vật liệu xuất kho được căn cứ vào đơn giá thực tế của nguyên vật liệu nhập kho theo từng lô, từng lần nhập và số lượng xuất kho theo từng lần.

+ Phương pháp tính theo giá đơn vị bình quân gia quyền:

Theo phương pháp này, trị giá thực tế nguyên vật liệu xuất kho được tính dựa trên cơ sở số lượng thực xuất trong kỳ và đơn giá bình quân.

$$\text{Giá thực tế xuất kho} = \frac{\text{Số lượng thực tế xuất kho}}{\text{Giá bình quân một đơn vị sản phẩm}} \times$$

$$\text{Đơn giá bình quân} = \frac{\text{Trị giá vật liệu tồn đầu kỳ} + \text{Trị giá vật liệu nhập trong kỳ}}{\text{Lượng vật liệu tồn đầu kỳ} + \text{Lượng vật liệu nhập trong kỳ}}$$

- Đơn giá bình quân thường được tính cho từng loại nguyên vật liệu.

- Đơn giá bình quân có thể xác định cho cả kỳ được gọi là đơn giá bình quân cả kỳ hay đơn giá bình quân cố định. Theo cách tính này, khối lượng tính toán giảm nhưng chỉ tính được trị giá thực tế của nguyên vật liệu vào thời điểm cuối kỳ nên không thể cung cấp thông tin kịp thời.

- Đơn giá bình quân có thể xác định sau mỗi lần nhập được gọi là đơn giá bình quân liên hoàn hay đơn giá bình quân di động. Theo cách tính này, hàng ngày cung cấp thông tin kịp thời nhưng khối lượng công việc tính toán sẽ nhiều hơn nên phương pháp này rất thích hợp đối với những doanh nghiệp sử dụng phần mềm kế toán.

Giá đơn vị bình quân sau mỗi lần nhập (bình quân gia quyền liên hoàn):

$$\text{Giá đơn vị bình quân sau mỗi lần nhập} = \frac{\text{Giá thực tế từng loại tồn kho sau mỗi lần nhập}}{\text{Lượng thực tế từng loại tồn kho sau mỗi lần nhập}}$$

Cách tính theo đơn giá bình quân sau mỗi lần nhập khắc phục được nhược điểm của cả 2 phương pháp trên, vừa chính xác, vừa cập nhật, phản ánh kịp thời sự biến động của giá cả; tuy nhiên tốn nhiều công sức, tính toán nhiều lần.

+ Phương pháp nhập trước, xuất trước (FIFO):

Theo phương pháp này, giả thiết số nguyên vật liệu nào nhập trước thì xuất trước và lấy giá thực tế của lần nhập đó là giá của nguyên vật liệu xuất kho. Nói cách khác, cơ sở của phương pháp này là giá thực tế của nguyên vật liệu nhập kho trước sẽ được dùng làm giá để tính giá thực tế của nguyên vật liệu xuất trước

và do vậy, giá trị nguyên vật liệu cuối kỳ sẽ là giá thực tế của nguyên vật liệu nhập kho sau cùng. Phương pháp này thích hợp trong trường hợp giá cả ổn định hoặc có xu hướng giảm.

+ Phương pháp nhập sau, xuất trước (LIFO):

Phương pháp này giả định những nguyên vật liệu nhập kho sau cùng sẽ được xuất trước tiên, ngược lại với phương pháp nhập trước, xuất trước ở trên. Như vậy giá trị nguyên vật liệu tồn cuối kỳ chính là giá thực tế của nguyên vật liệu nhập kho thuộc các lần nhập đầu kỳ. Phương pháp này thích hợp trong trường hợp lạm phát.

*** Đánh giá vật tư theo giá hạch toán.**

Đối với các doanh nghiệp có quy mô lớn, khối lượng, chủng loại vật liệu, tình hình nhập xuất diễn ra thường xuyên; việc xác định giá thực tế của nguyên vật liệu hàng ngày rất khó khăn và ngay cả trong trường hợp có thể xác định được hàng ngày đối với từng lần nhập, đợt nhập nhưng quá tốn kém nhiều chi phí không hiệu quả cho công tác kế toán, có thể sử dụng giá hạch toán để hạch toán tình hình nhập, xuất hàng ngày. Giá hạch toán là giá ổn định do doanh nghiệp tự xây dựng, được sử dụng thống nhất trong doanh nghiệp, trong thời gian dài có thể là giá kế hoạch của nguyên vật liệu. Như vậy hàng ngày sử dụng giá hạch toán để ghi sổ chi tiết giá vật liệu. Cuối kỳ phải điều chỉnh giá hạch toán theo giá thực tế để có số liệu ghi vào sổ kế toán tổng hợp và báo cáo kế toán. Việc điều chỉnh giá hạch toán theo giá thực tế tiến hành như sau:

Trước hết phải tính được hệ số giữa giá thực tế và giá hạch toán của nguyên vật liệu luân chuyển trong kỳ (H) theo công thức sau:

$$H = \frac{\text{Trị giá thực tế NVL tồn đầu kỳ} + \text{Trị giá thực tế NVL nhập trong kỳ}}{\text{Trị giá hạch toán NVL tồn đầu kỳ} + \text{Trị giá hạch toán NVL nhập trong kỳ}}$$

Sau đó tính trị giá của nguyên vật liệu xuất trong kỳ theo công thức:

$$\begin{array}{l} \text{Giá trị thực tế của} \\ \text{NVL xuất trong kỳ} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Trị giá hạch toán của} \\ \text{NVL xuất trong kỳ} \end{array} \cdot \text{Hệ số giá}$$

Tùy thuộc vào đặc điểm, yêu cầu về trình độ quản lý của doanh nghiệp mà trong các phương pháp tính giá nguyên vật liệu xuất kho theo đơn giá thực tế hoặc hệ số giá (trong trường hợp sử dụng giá hạch toán) có thể tính riêng cho từng thứ, nhóm hoặc cả loại vật liệu.

1.2: Nội dung tổ chức công tác kế toán nguyên vật liệu

1.2.1: Kế toán chi tiết nguyên vật liệu

*** Các phương pháp kế toán chi tiết vật liệu:**

Trong doanh nghiệp sản xuất, việc quản lý vật liệu do nhiều bộ phận tham gia. Song việc quản lý tình hình nhập, xuất, tồn kho vật liệu hàng ngày được thực hiện chủ yếu ở bộ phận kho và phòng kế toán doanh nghiệp. Trên cơ sở các chứng từ kế toán về nhập, xuất vật liệu thủ kho và kế toán vật liệu phải tiến hành hạch toán kịp thời, tình hình nhập, xuất, tồn kho vật liệu hàng ngày theo từng loại vật liệu. Sự liên hệ và phối hợp với nhau trong việc ghi chép và thẻ kho, cũng như việc kiểm tra đối chiếu số liệu giữa kho và phòng kế toán đã hình thành nên phương pháp hạch toán chi tiết vật liệu giữa kho và phòng kế toán.

Hiện nay trong các doanh nghiệp sản xuất, việc hạch toán vật liệu giữa kho và phòng kế toán có thể thực hiện theo các phương pháp sau:

- Phương pháp thẻ song song
- Phương pháp sổ đối chiếu lưu chuyển
- Phương pháp sổ số dư

Mọi phương pháp đều có những nhược điểm riêng. Trong việc hạch toán chi tiết vật liệu giữa kho và phòng kế toán cần có sự nghiên cứu, lựa chọn phương pháp thích hợp với điều kiện cụ thể của doanh nghiệp. Và như vậy cần thiết phải nắm vững nội dung, ưu nhược điểm và điều kiện áp dụng của mỗi phương pháp đó.

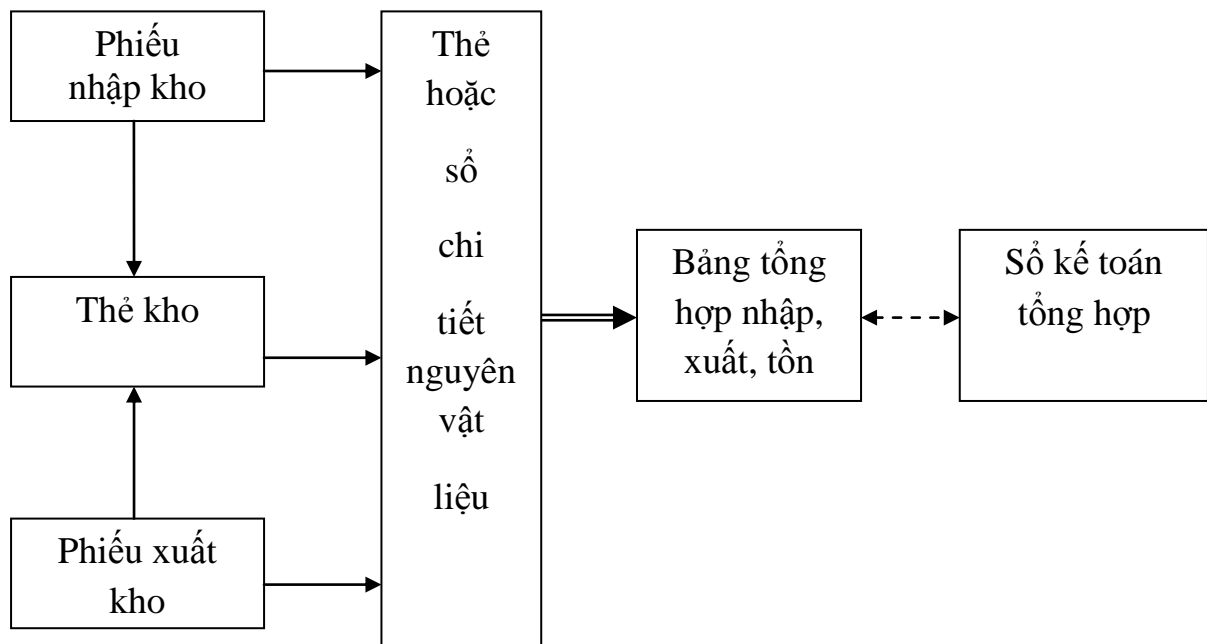
1.2.1.1. Phương pháp thẻ song song

- Ở kho: Việc ghi chép tình hình nhập, xuất, tồn kho hàng ngày do thủ kho tiến hành trên thẻ kho và chỉ ghi theo số lượng.

Khi nhận các chứng từ nhập, xuất vật liệu, thủ kho phải triểm tra tính hợp lý, hợp pháp của chứng từ rồi tiến hành ghi chép số thực nhập, thực xuất vào chứng từ thẻ kho. Cuối ngày tính ra số tồn kho ghi vào thẻ kho. Định kỳ thủ kho gửi (hoặc kế toán xuống kho nhận) các chứng từ xuất, nhập đã được phân loại theo từng thứ vật liệu cho phòng kế toán.

- Ở phòng kế toán: Kế toán sử dụng sổ (thẻ) kế toán chi tiết vật liệu để ghi chép tình hình xuất, nhập, tồn kho theo chỉ tiêu hiện vật và giá trị. Về cơ bản, sổ (thẻ) kế toán chi tiết vật liệu có kết cấu giống như thẻ kho nhưng có thêm các cột để ghi chép theo chỉ tiêu giá trị. Cuối tháng kế toán cộng sổ chi tiết vật liệu và kiểm tra đối chiếu với thẻ kho. Ngoài ra để có số liệu đối chiếu, kiểm tra với kế toán tổng hợp số liệu kế toán chi tiết từ các sổ chi tiết vào bảng. Tổng hợp nhập, xuất, tồn kho vật liệu theo từng nhóm, loại vật liệu. Có thể khái quát, nội dung, trình tự kế toán chi tiết vật liệu theo phương pháp thẻ song song theo sơ đồ sau:

Kế toán chi tiết vật liệu theo phương pháp thẻ song song



Ghi chú:

- : Ghi hàng tháng
- ⇒ : Ghi cuối tháng
- ⇔ : Đối chiếu kiểm tra

Với tư cách kiểm tra, đối chiếu như trên, phương pháp thẻ song song có các ưu điểm và nhược điểm:

Ưu điểm: ghi chép đơn giản, dễ kiểm tra đối chiếu, phát hiện sai sót trong việc ghi chép, quản lý chặt chẽ tình hình biến động về số hiện có của từng loại vật liệu theo số liệu và giá trị của chúng.

Nhược điểm: việc ghi chép giữa thủ kho và phòng kế toán cần trùng lặp về chỉ tiêu số lượng, khối lượng công việc ghi chép quá lớn nếu chủng loại vật tư nhiều và tình hình nhập, xuất diễn ra thường xuyên hàng ngày. Hơn nữa việc kiểm tra đối chiếu chủ yếu tiến hành vào cuối tháng, do vậy hạn chế chức năng của kế toán. Phương pháp thẻ song song được áp dụng thích hợp trong các doanh nghiệp có ít chủng loại vật liệu, khối lượng các nghiệp vụ (chứng từ) nhập, xuất ít, không thường xuyên và trình độ nghiệp vụ chuyên môn của cán bộ kế toán còn hạn chế.

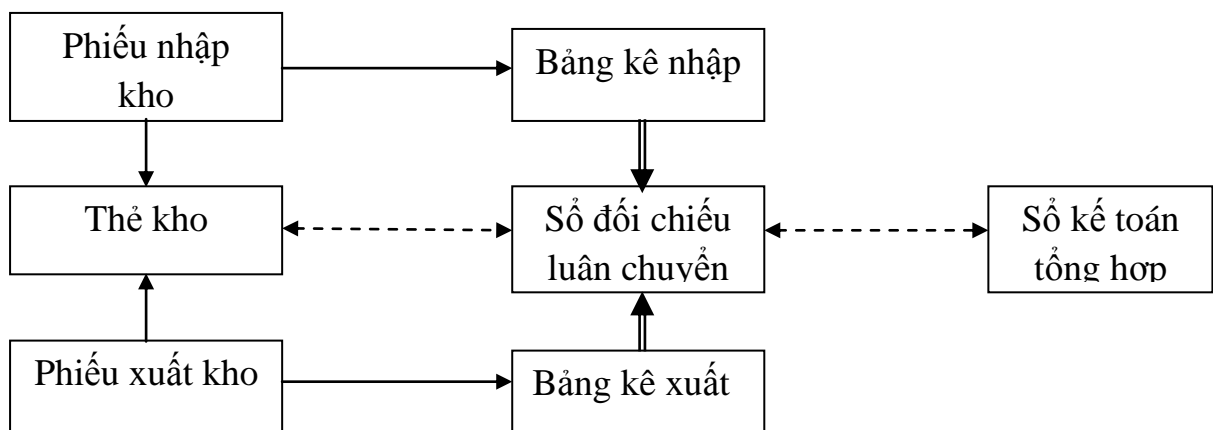
2.2. Phương pháp sổ đối chiếu luân chuyển:

- Ở Kho: Việc ghi chép ở kho của thủ kho cũng được thực hiện trên thẻ kho giống như phương pháp thẻ song song.

- Ở phòng kế toán: Kế toán mở sổ đối chiếu luân chuyển để ghi chép tình hình nhập, xuất, tồn kho của từng thứ vật liệu ở từng kho dùng cả năm nhưng mỗi tháng chỉ ghi một lần vào cuối tháng. Để có số liệu ghi vào sổ đối chiếu luân chuyển, kế toán phải lập bảng kê nhập, bảng kê xuất trên cơ sở các chứng từ nhập, xuất định kỳ thủ kho gửi lên. Sổ đối chiếu luân chuyển cũng được theo dõi và về chỉ tiêu giá trị.

Cuối tháng tiến hành kiểm tra đối chiếu số liệu giữa sổ đối chiếu luân chuyển với thẻ kho và số liệu kế toán tổng hợp.

Nội dung và trình tự kế toán chi tiết vật liệu theo phương pháp sổ đối chiếu luân chuyển



Ghi chú:

Ghi hàng ngày	—————>
Ghi cuối tháng hoặc định kỳ	=====>
Quan hệ đối chiếu kiểm tra	←----->

*Quy trình hạch toán:

- **Tại kho:** Thủ kho sử dụng thẻ kho để ghi chép hàng ngày tình hình nhập, xuất, tồn giống như phương pháp thẻ song song.

- **Tại phòng kế toán:** Kế toán sử dụng sổ đối chiếu luân chuyển để hạch toán số lượng và số tiền của từng loại nguyên vật liệu theo từng kho. Sổ này ghi mỗi tháng một lần vào cuối tháng trên cơ sở tổng hợp các chứng từ nhập, xuất phát sinh trong tháng của từng loại nguyên vật liệu, mỗi loại chỉ ghi một dòng trong sổ. Sau đó tính ra số tồn kho cuối tháng và ghi vào sổ đối chiếu luân chuyển. Cuối tháng tiến hành kiểm tra đối chiếu số liệu giữa sổ đối chiếu luân chuyển với thẻ kho và số liệu kế toán tổng hợp.

***Điều kiện áp dụng:**

Phù hợp với những doanh nghiệp có ít chủng loại nguyên vật liệu, không có điều kiện ghi chép nhập, xuất hàng ngày.

Phương pháp này thường ít áp dụng trong thực tế.

***Nhận xét:**

-**Ưu điểm:** Khối lượng ghi chép của kế toán được giảm bớt do chỉ ghi một lần vào cuối tháng.

-**Nhược điểm:** Việc ghi sổ bị trùng lặp giữa thủ kho và phòng kế toán do việc kiểm tra đối chiếu số lượng chỉ được tiến hành vào cuối tháng nên vẫn hạn chế trong kiểm tra.

Với những doanh nghiệp, ưu nhược điểm nêu trên phương pháp sổ đối chiếu luân chuyển được áp dụng thích hợp trong các doanh nghiệp có khối lượng nghiệp vụ nhập, xuất không nhiều, không bố trí riêng nhân viên kế toán vật liệu, do vậy không có điều kiện ghi chép, theo dõi tình hình kế toán nhập, xuất hàng ngày.

1.2.3. Phương pháp sổ số dư:

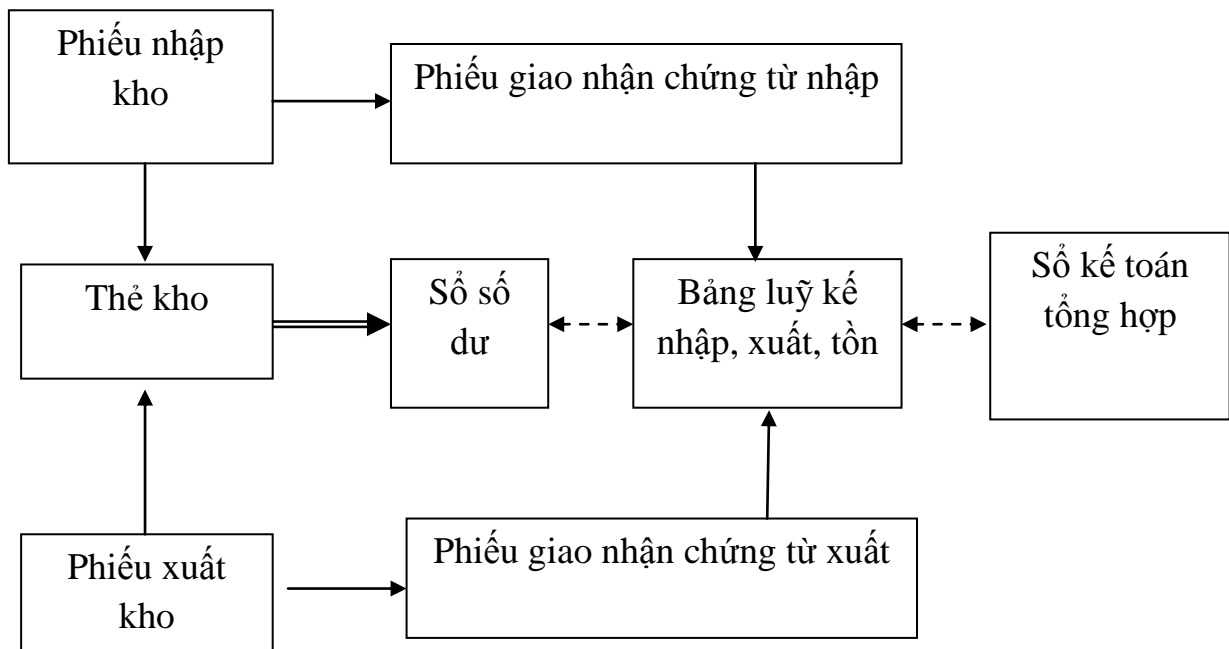
Nội dung phương pháp sổ số dư hạch toán chi tiết vật liệu giữa kho và phòng kế toán như sau:

- Ở kho: Thủ kho cũng là thẻ kho để ghi chép tình hình nhập, xuất, tồn kho, nhưng cuối tháng phải ghi sổ tồn kho đã tách trên thẻ kho sang sổ số dư vào cột số lượng.

- Ở phòng kế toán: Kế toán mở sổ số dư theo từng kho chung cho cả năm để ghi chép tình hình nhập, xuất. Từ các bảng kê nhập, bảng kê xuất kế toán lập bảng lũy kế nhập, lũy kế xuất rồi từ các bảng lũy kế lập bảng tổng hợp nhập, xuất, tồn kho theo từng nhóm, loại vật liệu theo chỉ tiêu giá trị.

Cuối tháng khi nhận sổ số dư do thủ kho gửi lên, kế toán căn cứ vào số tồn cuối tháng do thủ kho tính ghi ở sổ số dư và đơn giá hạch toán tính ra giá trị tồn kho để ghi vào cột số tiền tồn kho trên sổ số dư và bảng kê tổng hợp nhập, xuất tồn (cột số tiền) và số liệu kế toán tổng hợp. Nội dung, trình tự kế toán chi tiết vật liệu theo phương pháp sổ số dư được khái quát theo sơ đồ sau:

Kế toán chi tiết vật liệu theo phương pháp sổ số dư



Ghi chú:

Ghi hàng ngày \longrightarrow

Ghi cuối tháng hoặc định kỳ \Longrightarrow

Quan hệ đối chiếu kiểm tra \longleftrightarrow

***Quy trình hạch toán:**

- **Tại kho:** Hàng ngày hoặc định kỳ sau khi ghi thẻ kho xong, thủ kho tập hợp toàn bộ chứng từ nhập, xuất kho phát sinh trong ngày, trong kỳ và phân loại

theo từng nhóm chi tiết cho nguyên vật liệu theo quy định. Sau đó lập phiếu giao nhận chứng từ trong đó ghi số lượng, số hiệu chứng từ của từng nhóm nguyên vật liệu và giao cho phòng kế toán kèm theo phiếu nhập, xuất kho. Cuối tháng, thủ kho ghi số lượng vật liệu tồn kho theo từng danh mục vào sổ số dư. Sổ số dư được kế toán mở cho từng kho và ghi cả năm, cuối tháng kế toán giao cho thủ kho để ghi vào sổ, ghi xong thủ kho phải chuyển trả cho phòng kế toán để kiểm tra và tính thành tiền cho vật liệu.

- **Tại phòng kế toán:** Khi nhận được các chứng từ nhập, xuất kho của thủ kho, kế toán kiểm tra chứng từ, ghi giá hạch toán và tính thành tiền cho vật liệu. Tổng cộng số tiền trên chứng từ nhập, xuất kho theo từng nhóm nguyên vật liệu để ghi vào cột số tiền trên phiếu giao nhận chứng từ, căn cứ vào phiếu này ghi vào bảng nhập-xuất-tồn. Bảng này mở cho từng kho, mỗi kho một tờ, ghi trên cơ sở chứng từ nhập-xuất. Cuối tháng tính ra số tồn kho trên bảng kê nhập-xuất-tồn. Số liệu tồn kho của từng nhóm vật liệu sử dụng để đối chiếu với sổ số dư và đối chiếu với kế toán tổng hợp theo từng nhóm.

***Điều kiện áp dụng:** Phương pháp này sử dụng cho các doanh nghiệp dùng giá hạch toán để hạch toán vật liệu nhập-xuất-tồn kho.

***Nhận xét:**

Ưu điểm: Tránh được sự ghi chép trùng lặp giữa kho và phòng kế toán, giảm bớt được khối lượng công việc ghi sổ kế toán do chỉ tiêu ghi sổ theo chỉ tiêu giá trị và theo nhóm, loại vật liệu. Công việc kế toán tiến hành đều trong tháng, tạo điều kiện cung cấp kịp thời tài liệu kế toán phục vụ công tác lãnh đạo và quản lý ở doanh nghiệp, thực hiện kiểm tra, giám sát thường xuyên của kế toán đối với việc nhập, xuất vật liệu hàng ngày.

Nhược điểm: Do kế toán chỉ ghi sổ theo chỉ tiêu giá trị, theo nhóm, loại vật liệu nên qua số liệu kế toán không thể không nhận biết được số hiện có và tình hình tăng giảm vật liệu mà phải xem số liệu trên thẻ kho. Ngoài ra khi đối chiếu, kiểm tra số liệu ở sổ số dư và bảng tổng hợp nhập, xuất, tồn kho nếu không khớp đúng thì việc kiểm tra để phát hiện sự nhầm lẫn, sai sót trong việc ghi sổ sẽ

có nhiều khó khăn, phức tạp và tốn nhiều công sức. Phương pháp sổ số dư được áp dụng thích hợp trong các doanh nghiệp có khối lượng các nghiệp vụ kinh tế (chứng từ nhập, xuất) về nhập, xuất vật liệu diễn ra thường xuyên, nhiều chủng loại vật liệu và đã xây dựng được hệ thống danh điểm vật liệu, dùng giá hạch toán để hạch toán hàng ngày tình hình nhập, xuất, tồn kho, yêu cầu và trình độ quản lý, trình độ cán bộ kế toán của doanh nghiệp tương đối cao.

1.2.2: Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu

Theo chế độ hiện hành có hai phương pháp kế toán hàng tồn kho là: phương pháp kê khai thường xuyên và phương pháp kiểm kê định kỳ. Việc lựa chọn phương pháp kế toán hàng tồn kho phải căn cứ vào đặc điểm, tính chất, số lượng, chủng loại vật tư, hàng hóa và yêu cầu quản lý để có sự vận dụng thích hợp và phải thực hiện nhất quán trong niên độ kế toán.

1.2.2.1. Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp kê khai thường xuyên là phương pháp theo dõi việc nhập, xuất và tồn kho vật liệu một cách thường xuyên trên sổ kế toán. Đây là phương pháp theo dõi và phản ánh tình hình hiện có, biến động tăng giảm hàng tồn kho vật liệu một cách thường xuyên liên tục trên các tài khoản phản ánh loại hàng tồn kho. Vì thế giá trị hàng tồn kho trên sổ kế toán có thể xác định ở bất kỳ thời điểm nào trong kỳ kế toán.

Cuối kỳ kế toán, căn cứ vào số liệu kiểm kê thực tế hàng tồn kho, so sánh đối chiếu với số liệu hàng tồn kho trên sổ kế toán. Về nguyên tắc, số tồn kho thực tế phải hoàn toàn phù hợp với số hàng tồn kho trên sổ kế toán. Nếu có chênh lệch phải tìm nguyên nhân và có biện pháp xử lý kịp thời.

Phương pháp kê khai thường xuyên áp dụng cho các đơn vị sản xuất (công nghiệp, xây lắp...) và các đơn vị kinh doanh các mặt hàng có giá trị lớn như máy móc, thiết bị; hàng có kỹ thuật, chất lượng cao.

**Tài khoản sử dụng:*

✓ **Tài khoản 152 “Nguyên liệu, vật liệu”:** Tài khoản này dùng để phản ánh trị giá hiện có và tình hình biến động tăng giảm của các loại nguyên liệu, vật liệu trong kho của doanh nghiệp.

Kết cấu và nội dung phản ánh của tài khoản 152:

Bên Nợ: - Trị giá thực tế của nguyên liệu, vật liệu nhập kho do mục ngoài, tự chế, thuê gia công, chế biến, nhận góp vốn hoặc từ các nguồn khác.

- Trị giá nguyên liệu, vật liệu thừa phát hiện khi kiểm kê.

Bên Có: - Trị giá thực tế của nguyên liệu, vật liệu xuất kho dùng vào sản xuất, kinh doanh, để bán, thuê ngoài gia công chế biến hoặc đưa đi góp vốn.

- Trị giá nguyên liệu, vật liệu trả lại người bán hoặc được giảm giá người mua.

- Chiết khấu thương mại nguyên liệu, vật liệu khi mua được hưởng.

- Trị giá nguyên liệu, vật liệu hao hụt, mất mát phát hiện khi kiểm tra.

Số dư bên Nợ: Trị giá thực tế của nguyên liệu, vật liệu tồn kho cuối kỳ.

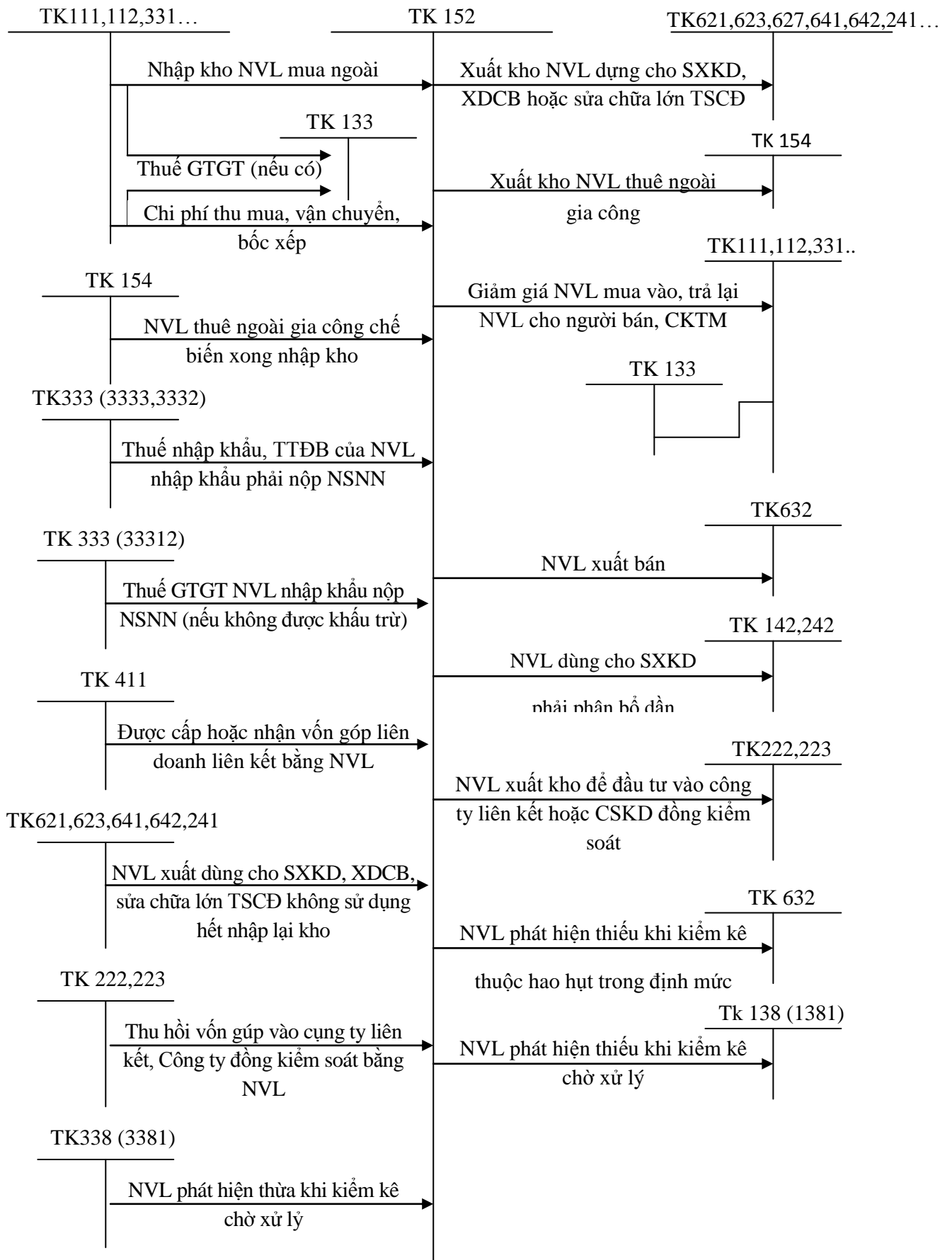
✓ **TK 151 “Hàng mua đang đi đường”:** Tài khoản này dùng để phản ánh trị giá của các loại vật tư, hàng hóa mua ngoài đã thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp còn đang trên đường vận chuyển, ở bến cảng, bến bãi hoặc đã về đến doanh nghiệp nhưng còn đang chờ kiểm nhận nhập kho.

Ngoài ra trong quá trình hạch toán, kế toán còn sử dụng một số tài khoản liên quan khác như: TK111, TK112, TK331...

***Phương pháp hạch toán:**

Phương pháp hạch toán tổng hợp nguyên liệu, vật liệu theo phương pháp kê khai thường xuyên được thể hiện trên sơ đồ

Sơ đồ hạch toán NVL theo phương pháp kê khai thường xuyên.



1.2.2.2. Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu theo phương pháp kiểm kê định kỳ.

Phương pháp kiểm kê định kỳ là phương pháp hạch toán căn cứ vào kết quả kiểm kê thực tế để phản ánh giá trị tồn kho cuối kỳ của vật tư trên sổ kế toán tổng hợp và từ đó tính giá trị của vật tư đã xuất dùng theo công thức:

$$\begin{array}{rcccl} \text{Trị giá hàng} & & & & \text{Trị giá hàng} \\ \text{xuất kho} & = & \text{Trị giá hàng} & + & \text{Tổng trị giá} & - & \text{Trị giá hàng} \\ \text{trong kỳ} & & \text{tồn kho đầu kỳ} & + & \text{hàng nhập} & - & \text{tồn kho} \\ & & & & \text{kho trong kỳ} & & \text{cuối kỳ} \end{array}$$

Theo phương pháp này, mọi biến động của vật tư hàng hóa (nhập, xuất, tồn kho) không theo dõi phản ánh trên các tài khoản kế toán hàng tồn kho. Giá trị của vật tư mua vào nhập kho trong kỳ được theo dõi phản ánh trên một tài khoản kế toán riêng: TK611 “Mua hàng”.

Công tác kiểm kê vật tư, hàng hóa được tiến hành cuối mỗi kỳ kế toán để xác định trị giá vật tư, hàng hóa tồn kho thực tế; trị giá vật tư hàng hóa xuất kho trong kỳ làm căn cứ để ghi sổ kế toán của TK611 “Mua hàng”.

Áp dụng phương pháp kiểm kê định kỳ, các tài khoản kế toán hàng tồn kho chỉ sử dụng ở đầu kỳ kế toán (để kết chuyển số dư đầu kỳ và cuối kỳ kế toán, phản ánh giá trị thực tế hàng tồn kho cuối kỳ)

*Tài khoản sử dụng:

✓ **Tài khoản 611 “Mua hàng”:** Tài khoản này sử dụng để phản ánh trị giá nguyên liệu, vật liệu mua vào, nhập kho, hoặc sử dụng trong kỳ.

Kết cấu và nội dung phản ánh của TK 611:

Bên Nợ: - Kết chuyển giá gốc hàng hoá, nguyên liệu, vật liệu tồn kho đầu kỳ (theo kết quả kiểm kê).

- Giá gốc hàng hoá, nguyên liệu, vật liệu, mua vào trong kỳ, hàng hoá đã bán bị trả lại, ...

Bên Có: - Kết chuyển giá gốc hàng hoá, nguyên liệu, vật liệu tồn kho cuối kỳ (theo kết quả kiểm kê).

- Giá gốc hàng hoá, nguyên liệu, vật liệu xuất sử dụng trong kỳ, hoặc giá gốc hàng hoá xuất bán (chưa xác định là đã bán trong kỳ).

- Giá gốc nguyên liệu, vật liệu hàng hoá mua vào trả lại cho người bán, hoặc được giảm giá.

TK 611 không có số dư cuối kỳ.

✓ **Tài khoản 152 “Nguyên liệu, vật liệu”**: Dùng để phản ánh thực tế nguyên liệu, vật liệu tồn kho, chi tiết theo từng loại.

Bên Nợ: Kết chuyển trị giá thực tế của nguyên liệu, vật liệu tồn kho cuối kỳ.

Bên Có: Kết chuyển trị giá thực tế của nguyên liệu, vật liệu tồn kho đầu kỳ.

Số dư bên Nợ: Trị giá thực tế của nguyên liệu, vật liệu tồn kho cuối kỳ

✓ **Tài khoản 151 “Hàng mua đang đi đường”**:

Bên Nợ: Kết chuyển trị giá thực tế của hàng hoá, vật tư mua đang đi đường cuối kỳ.

Bên Có: Kết chuyển trị giá thực tế của hàng hoá, vật tư đã mua đang đi đường đầu kỳ.

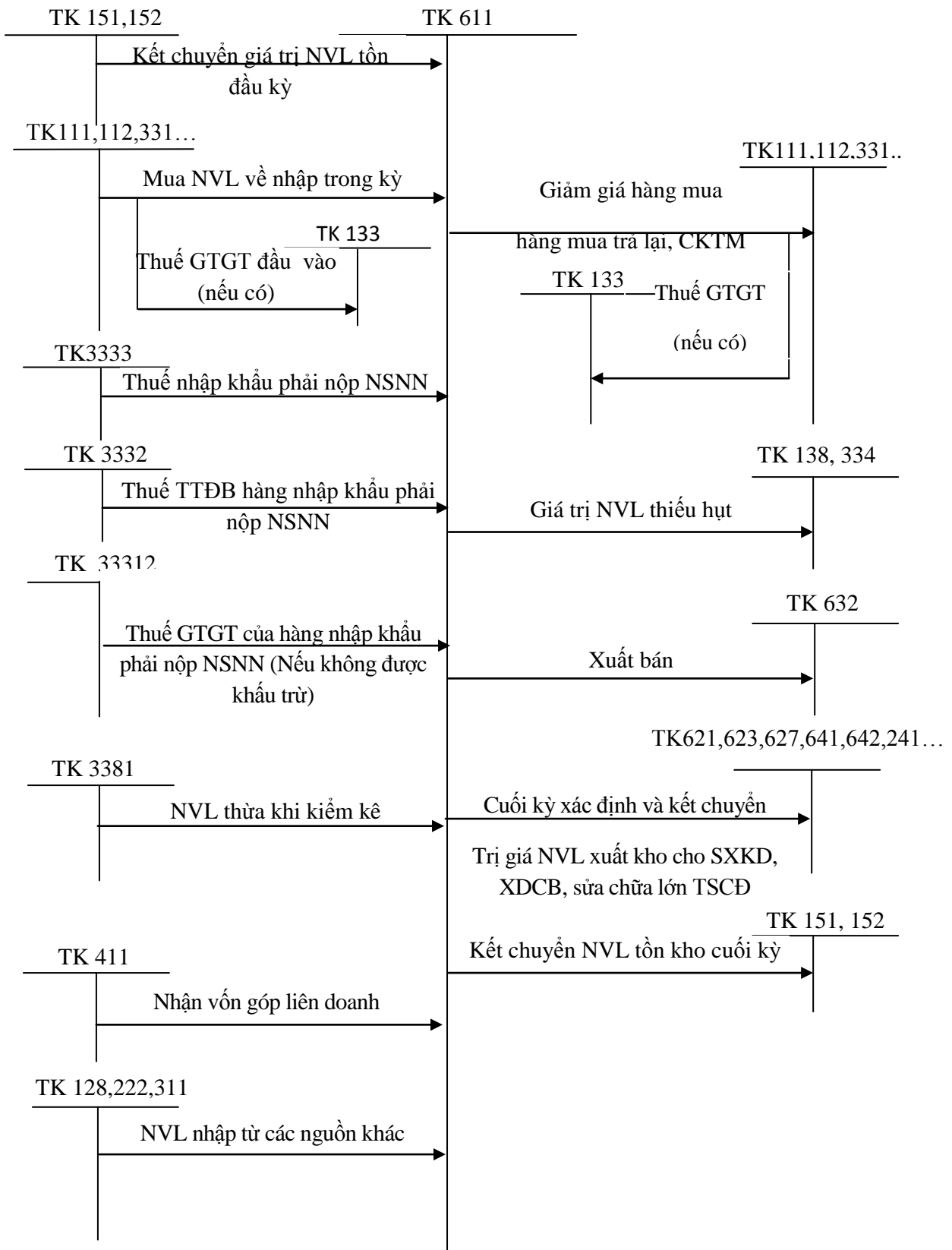
Số dư bên Nợ: Trị giá hàng hoá, vật tư đã mua nhưng còn đang đi đường.

Ngoài ra trong quá trình hạch toán, kế toán còn sử dụng một số tài khoản liên quan khác như: TK111, TK112, TK331...

***Phương pháp hạch toán:**

Hạch toán tổng hợp nguyên vật liệu theo phương pháp kê khai định kỳ được mô tả theo sơ đồ

Sơ đồ hạch toán tổng hợp NVL theo phương pháp kê khai định kỳ.



1.3. Kế toán dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

Dự phòng là khoản dự tính trước để đưa vào chi phí sản xuất kinh doanh phần giá trị bị ghi xuống thấp hơn so với giá trị đã ghi sổ kế toán của hàng tồn kho.

Việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho nhằm bù đắp các khoản thiệt hại thực tế xảy ra do vật tư, sản phẩm, hàng hóa tồn kho bị giảm giá đồng thời cũng để phản ánh đúng giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho của doanh nghiệp khi lập báo cáo tài chính vào cuối kỳ kế toán.

Trong chuẩn mực kế toán số 02 về hàng tồn kho, quy định việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

Cuối kỳ kế toán năm, khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc thì phải lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho. Số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho và giá trị thuần chính là số dự phòng giảm giá hàng tồn kho. Việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải được tính theo từng loại vật tư, sản phẩm, hàng hóa tồn kho. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt.

Việc ước tính giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho phải dựa trên bằng chứng tin cậy thu thập được tại thời điểm ước tính. Ngoài ra khi ước tính giá trị thuần có thể thực hiện được phải xét đến mục đích của việc dự trữ hàng tồn kho.

Để hạch toán nghiệp vụ dự phòng giảm giá hàng tồn kho, kế toán sử dụng tài khoản 159 “Dự phòng giảm giá hàng tồn kho”. Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự giảm giá của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho.

Kết cấu và nội dung của tài khoản 159:

Bên Nợ: Giá trị dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hoàn ghi giảm giá vốn hàng bán trong kỳ.

Bên Có: Giá trị dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã lập tính vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

Số dư bên Có: Giá trị dự phòng giảm giá hàng tồn kho hiện có cuối kỳ.

Theo chế độ kế toán hiện hành, vào cuối kỳ kế toán năm, khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc thì phải lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

* Phương pháp hạch toán

Cuối kỳ kế toán năm, khi lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lần đầu tiên, ghi:
Nợ TK 632 - Giá vốn hàng bán

Có TK 159 - Dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

- Trường hợp khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải được lập ở cuối kỳ kế toán năm nay lớn hơn khoản dự phòng đã được lập ở cuối kỳ kế toán năm trước thì kế toán phản ánh số chênh lệch (bổ sung thêm) như sau:

Nợ TK 632: Giá vốn hàng bán (Chi tiết dự phòng giảm giá hàng tồn kho).

Có TK 159: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

- Trường hợp khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải được lập ở cuối kỳ kế toán năm nay nhỏ hơn khoản dự phòng đã được lập ở cuối kỳ kế toán năm trước thì kế toán phản ánh số chênh lệch (hoàn nhập) như sau:

Nợ TK 159: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

Có TK 632: Giá vốn hàng bán (Chi tiết dự phòng giảm giá hàng tồn kho).

1.4: Vận dụng hệ thống sổ sách kế toán vào tổ chức công tác kế toán nguyên vật liệu

Quá trình hạch toán bao giờ cũng xuất phát từ chứng từ gốc vì kết thúc bằng các báo cáo kế toán qua việc ghi chép, theo dõi, tính toán xử lý số liệu trên các sổ sách kế toán. Sổ sách kế toán là khâu trung gian của toàn bộ công tác kế toán. Sổ của phần kế toán tổng hợp được gọi là sổ kế toán tổng hợp. Các doanh nghiệp sử dụng sổ kế toán tổng hợp vật liệu tùy thuộc vào hình thức kế toán áp dụng tại doanh nghiệp.

+ Trong hình thức kế toán nhật ký chứng từ, kế toán tổng hợp nhập, xuất vật liệu được thực hiện trên nhiều sổ sách kế toán.

Nhưng nghiệp vụ kinh tế liên quan đến bên có tài khoản 151 được phản ánh ở nhật ký chứng từ số 6 - ghi có TK 151 hàng đang đi đường. Nhật ký chứng từ số 6 phản ánh hàng mua đang đi đường đầu tháng đã về nhập kho doanh nghiệp trong tháng. Cuối tháng được cộng số ghi vào bảng kê số 3: "Bảng tính giá thành thực tế vật liệu, công cụ, dụng cụ". Những nghiệp vụ kinh tế có định khoản kế toán liên quan bên có, bên nợ TK 331 được phản ánh trước hết vào sổ chi tiết mở cho TK 331 - sổ chi tiết số 6. Cuối tháng ghi chuyển số liệu từ sổ chi tiết TK331 vào nhật ký chứng từ số 5 (Mẫu 05/NKCT). Giá trị của vật liệu xuất kho trước hết được phản ánh vào bảng phân bổ nguyên vật liệu và công cụ dụng cụ (Bảng phân bổ số 2, Mẫu 02/BPB) giá trị của vật liệu xuất kho được phản ánh theo từng đối tượng sử dụng. Số liệu ở bảng phân bổ số 2 được dùng để ghi vào bảng kê số 4 "Tập hợp chi phí đầu tư xây dựng cơ bản, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, tập hợp chi phí trả trước, chi phí phải trả". Ngoài ra bảng phân bổ số 2 còn được dùng để ghi vào các nhật ký chứng từ: Nhật ký chứng từ số 7 (Mẫu số 07/NKCT) "Tập hợp chi phí sản xuất kinh doanh toàn doanh nghiệp" và sau đó giá trị vật liệu xuất kho còn được phản ánh vào các bảng kê, sổ chi tiết, nhật ký chứng từ có ghi số phát sinh bên có của TK 152.

+ Trong hình thức kế toán nhật ký sổ cái, từ chứng từ gốc kế toán lập bảng tổng hợp nhập xuất vật liệu. Căn cứ vào sổ tổng cộng của bảng tổng hợp để ghi vào nhật ký sổ cái một dòng. Chứng từ gốc và bảng tổng hợp sau khi ghi nhật ký sổ cái sẽ được ghi sổ hoặc thẻ kế toán chi tiêu liên quan.

Nhật ký sổ cái là sổ kế toán tổng hợp dùng để phản ánh tất cả các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo trình tự thời gian và hệ thống hoá theo nội dung kinh tế.

Hàng ngày căn cứ vào chứng từ kế toán ghi vào các sổ hoặc thẻ kế toán chi tiết. Cuối tháng hoặc cuối quý phải tổng hợp số liệu và khoá các sổ và thẻ kế toán chi tiết, lập các bảng tổng hợp chi tiết. Bảng tổng hợp chi tiết được dùng để đối chiếu số liệu với sổ nhật ký - sổ cái cuối tháng.

+ Trong hình thức kế toán chứng từ ghi sổ: hàng ngày, kế toán căn cứ vào chứng từ gốc đã được kiểm tra để lập chứng từ ghi sổ (đối với chứng từ gốc ít phát sinh) hoặc căn cứ vào chứng từ gốc cùng loại đã được kiểm tra phân loại để lập bảng tổng hợp chứng từ gốc để lập chứng từ ghi sổ (kèm theo chứng từ gốc). Sau khi lập xong trình kế toán trưởng ký và ghi sổ. Chứng từ ghi sổ sau khi đã ghi vào sổ đăng ký CTGS để ghi vào sổ cái và sổ hoặc thẻ chi tiết liên quan.

+ Trình tự ghi sổ kế toán:

- Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ đã kiểm tra được dùng làm căn cứ ghi sổ, trước hết ghi nghiệp vụ phát sinh vào sổ Nhật Ký Chung, sau đó căn cứ số liệu đã ghi trên sổ Nhật Ký Chung để ghi vào sổ cái theo các tài khoản kế toán phù hợp. Nếu đơn vị có mở sổ, thẻ kế toán chi tiết thì đồng thời với việc ghi sổ Nhật Ký Chung, các nghiệp vụ phát sinh được ghi vào các sổ, thẻ kế toán chi tiết liên quan.

- Cuối tháng, cuối quý, cuối năm, cộng số liệu trên sổ cái, lập bảng cân đối số phát sinh. Sau khi đã kiểm tra đối chiếu khớp đúng, số liệu ghi trên sổ cái và bảng tổng hợp chi tiết được dùng để lập các Báo cáo tài chính.

Hình thức kế toán Nhật Ký Chung gồm các loại sổ chủ yếu sau:

- Sổ Nhật Ký Chung; Sổ Nhật Ký đặc biệt;
- Sổ Cái;
- Các sổ; thẻ kế toán chi tiết.

+ Hình thức kế toán trên máy vi tính:

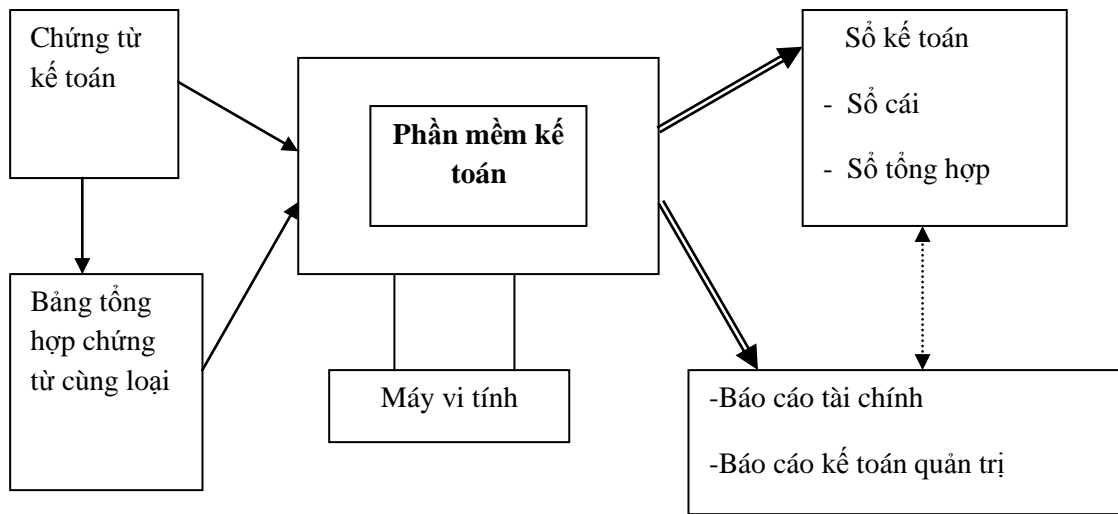
- Hàng ngày kế toán căn cứ vào chứng từ kế toán hoặc bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại đã được kiểm tra, được dùng làm căn cứ ghi sổ, xác định tài khoản ghi nợ, tài khoản ghi có để nhập dữ liệu vào máy vi tính theo các bảng biểu được thiết kế sẵn trên phần mềm kế toán.

- Cuối kỳ, kế toán thực hiện các thao tác khóa sổ và lập báo cáo tài chính. Việc đối chiếu giữa số liệu tổng hợp với số liệu chi tiết được thực hiện tự động và luôn đảm bảo chính xác, trung thực theo thông tin được nhập trong kỳ.

Người làm kế toán có thể kiểm tra, đối chiếu số liệu giữa sổ kế toán với báo cáo tài chính sau khi đã in ra giấy

- Cuối tháng, cuối năm sổ kế toán tổng hợp và sổ kế toán chi tiết được in ra giấy, đóng thành quyển và thực hiện các thủ tục pháp lý theo quy định về sổ kế toán ghi bằng tay

Quy trình ghi sổ theo hình thức kế toán máy



CHƯƠNG II: THỰC TRẠNG TỔ CHỨC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP VIỆT NHẬT

2.1: Khái quát chung về công ty Cổ phần thép Việt Nhật

2.1.1: Quá trình hình thành và phát triển



Các thông tin cơ bản về công ty

- Tên công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP VIỆT NHẬT**
- Tên tiếng Anh: **VIỆT NHẬT STEEL JOINT STOCK COMPANY**
- Tên viết tắt: **HPS**
- Giám đốc/Tổng giám đốc: Nguyễn Văn Bình
- Mã số thuế: 0200289981
- Ngành nghề kinh doanh : Kinh doanh và sản xuất thép các loại.
- Hệ thống Quản lý: ISO 9001:2000; ISO14001:2004; VLAS 156.
- Trụ sở: Km 09, QL 05, Quán Toan, Hồng Bàng, Hải Phòng
 - Điện thoại: (84-31) 3749998 Fax: (84-31) 3748452
 - Địa chỉ email: HPS@hn.vnn.vn - website: Thepvietnhat.vnn.vn

Công ty Cổ phần Thép Việt Nhật được thành lập theo giấy phép thành lập số 00668 GP/TLDN-03 ngày 27 tháng 11 năm 1998 của UBND Thành phố Hải Phòng.

Giấy chứng nhận kinh doanh số 055556 ngày 18 tháng 12 năm 1998 của sở kế hoạch đầu tư Thành phố Hải Phòng với số vốn điều lệ 30 tỷ đồng, số vốn đầu tư 140 tỷ đồng.

- **Lịch sử hình thành và phát triển**

Xuất phát là một doanh nghiệp cổ phần với hơn 10 năm hoạt động và phát triển công ty đã áp dụng được những công thức và công nghệ sản xuất của Nhật Bản là quốc gia hàng đầu trong lĩnh vực sản xuất thép. Với quy mô sản xuất lớn nên các sản phẩm của công ty lại có chất lượng khá tốt và công ty đã tạo dựng được cho mình lòng tin và sự tín nhiệm của khách hàng về sản phẩm của mình. Do vậy công ty không chỉ tạo dựng được uy tín với khách hàng mà còn tạo dựng được uy tín với các nhà cung cấp, với bạn hàng.

Tuy được thành lập trong hoàn cảnh thị trường thép trong nước và trên thế giới biến động lớn về giá cả, sự cạnh tranh gay gắt trong ngành thép do quan hệ cung cầu mất cân đối, chỉ số giá tiêu dùng, giá nguyên liệu đầu vào không ổn định và ngày một tăng cao; thành lập tương đối muộn so với các doanh nghiệp sản xuất thép nhưng công ty đã đạt được những thành tựu khả quan.

Thương hiệu được bảo hộ độc quyền trên lãnh thổ Việt Nam và một số quốc gia Châu á. Sản phẩm của công ty cổ phần thép Việt - Nhật đạt được nhiều huy chương, bằng khen và đạt giải thưởng Sao vàng Đất Việt. Thép Việt Nhật tự hào là nhà cung cấp chính cho các công trình mang tầm cỡ quốc gia do những nhà thầu quốc tế giám sát: Cầu Thanh Trì - cầu bê tông lớn nhất Việt Nam, cầu Vĩnh Tuy (Hà Nội) – Cầu Bính (Hải Phòng), Trung tâm Hội nghị Quốc Gia Hà Nội, Đờng Cao Tốc Hà Nội – Lào Cai, Đờng Cao Tốc Hà Nội – Thái Nguyên đặc biệt là nhà cung cấp thép độc quyền vào dự án Tòa nhà KeangNam Landmark Tower (tại HN, tòa nhà cao nhất Việt Nam, 75 tầng),.... và nhiều công trình lớn tại các khu đô thị mới trên khắp cả nước. Là doanh nghiệp dẫn đầu ở Hải Phòng trong việc bảo hộ lao động và chăm lo sức khỏe cho người lao động.

Trong quá trình phát triển công ty, cùng với sự cố gắng của tập thể cán bộ công nhân và nhà quản lý, công ty đã đạt được một số những giải thưởng và chứng nhận quan trọng như:

- Hệ thống Quản lý: ISO 9001:2000;
 - ISO14001:2004; VLAS 156.
- Bộ thương mại trao tặng bằng khen và 8 huy chương vàng tại triển lãm EXPO 2002-Hà Nội
- Bộ Thương Mại trao tặng bằng khen tại hội chợ Thương mại Việt –Lào 2002
- Đạt quả cầu vàng tại hội chợ Hàng Việt Nam chất lượng cao Hà Nội 2003
- Bộ khoa học và công nghệ trao tặng Cúp vàng AFTA Hải Phòng 2004
- Ủy ban Quốc gia về hợp tác kinh tế quốc tế trao tặng giải thưởng Sao Vàng Đất Việt 2004-2008
- Bộ khoa học Công nghệ trao giải Cúp vàng ISO 2008
- Cúp vàng thương hiệu mạnh và phát triển bền vững 2008
- Cúp sen vàng và cúp vinh quang vì sự nghiệp xanh phát triển bền vững 2008
- TOP 500 doanh nghiệp hàng đầu Việt Nam do Báo điện tử Vietnamnet bình chọn năm 2009
- Bộ tài nguyên và môi trường trao tặng bằng khen giải thưởng Môi trường năm 2010
- Bộ văn hóa-Thể thao-Du lịch trao tặng cúp Vàng văn hóa doanh nghiệp năm 2010
- Công ty Cổ phần Thép Việt-Nhật được Thủ tướng chính phủ tặng bằng khen năm 2004, cờ thi đua 2005 và nhận huân chương Lao động hạng 3 của Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2010

Những Dự án Trọng điểm sử dụng sản phẩm Thép Việt Nhật

Công ty trong những năm qua đã cung cấp 95% thép cho cầu Thanh Trì Hà Nội (Nhà Thầu Nhật bản).

- Sản phẩm của công ty được rất nhiều dự án lớn sử dụng như:Cầu Vĩnh Tuy Hà Nội (Nhà Thầu Nhật bản), Cầu Đông Trù , Cầu Bính Hải Phòng (Nhà Thầu Nhật bản) , Cầu Khuê - Hải Phòng , Cảng Hải Phòng , Cảng

Cái Lân , Nhiệt điện Na Dương, Nhà máy Nhiệt điện HP, Nhà máy Nhiệt điện QN, Thủy điện Sơn La, Hàm đèo Hải Vân, Sân Vận động Chi Lăng, Trung tâm hội nghị QG, Bệnh viện TW Huế, Toàn nhà cao nhất Việt Nam KRANGNAM với sản phẩm thép xây dựng chất lượng SD490 (Độc quyền phân phối thép), Toàn bộ các trung tâm nhà cao tầng Trung Hòa Nhân Chính.....

2.1.2: Sản phẩm và quy trình sản xuất

- Một số sản phẩm của công ty cổ phần Thép Việt Nhật
 - Công ty có công suất thiết kế 240.000 tấn sản phẩm / năm với các sản phẩm thép tròn đót, thép tròn cuộn và thép tròn trơn. Sản phẩm của thép Việt Nhật chủ yếu phục vụ- xây dựng , đường kính cỡ từ $\Phi 8$ đến $\Phi 40$, đã được đăng ký bản quyền tại Cục phát minh sáng chế của Bộ công nghệ môi trường theo tiêu chuẩn của Việt Nam và Nhật Bản.
 - Thép cuộn



Thép tròn cuộn của HPS được sản xuất theo các tiêu chuẩn JIS G3505 (Nhật Bản) và TCVN 1651-1985 (Việt Nam), kích cỡ $\Phi 5.5$, $\Phi 6$, $\Phi 8$ và $\Phi 10$. Được sản xuất bằng dây chuyền 24 giá cán hoàn toàn tự động của Nhật Bản với tốc độ

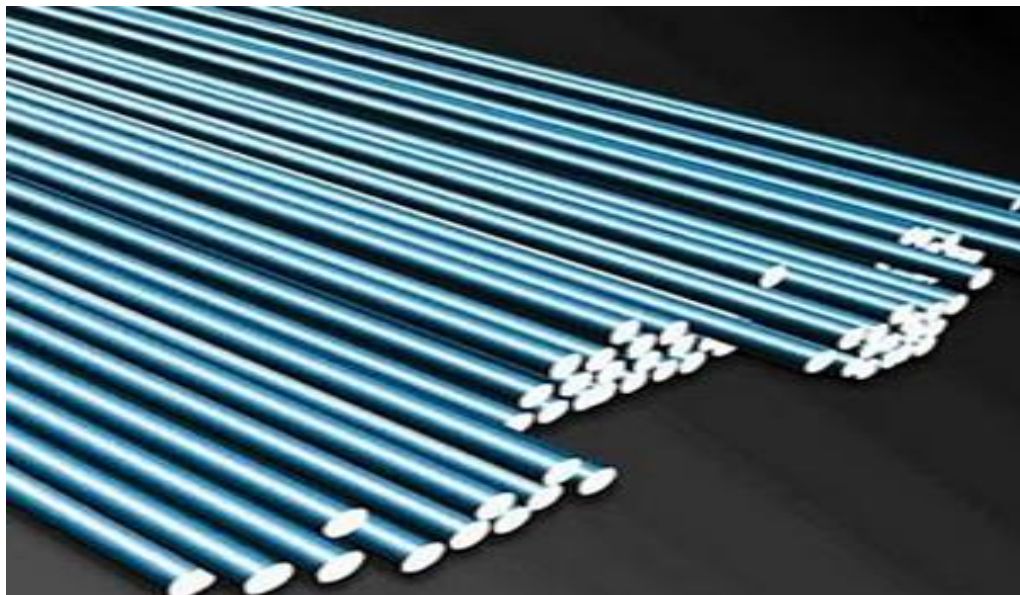
60m/s và làm nguội trực tiếp bằng nước với áp lực lớn nên thép tròn cuộn của HPS có tiết diện tròn đều, bề mặt nhẵn bóng và có khả năng chống ôxy hoá cao.

- Thép thanh vằn:



Thép thanh vằn hay còn gọi là thép cốt bê tông mặt ngoài có gân đường kính từ 10mm đến 40mm ở dạng thanh có chiều dài 11,7m hoặc theo yêu cầu của khách hàng.

- Thép thanh tròn trơn

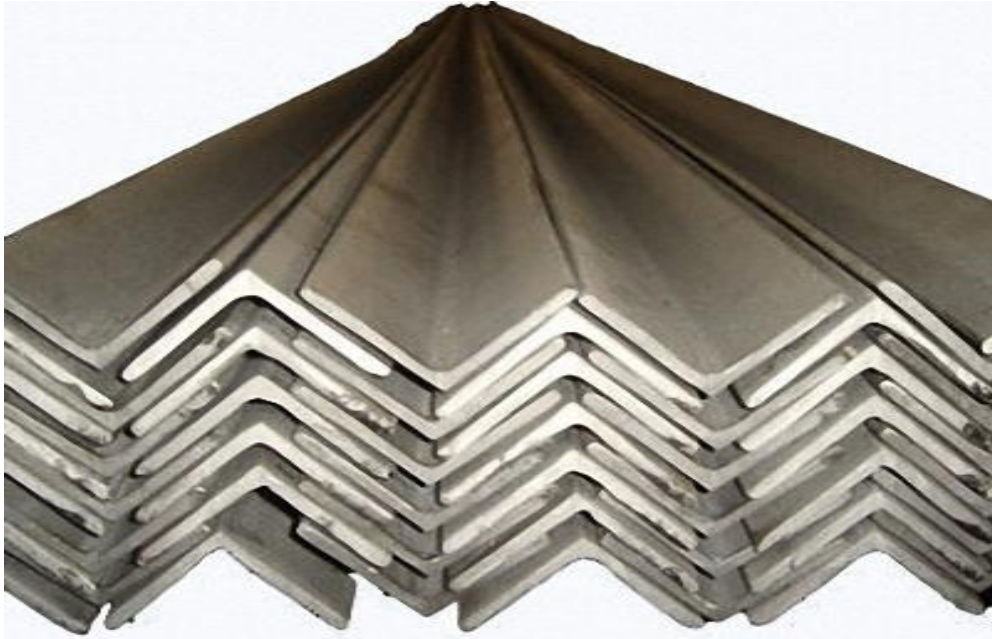


Thép tròn, nhẵn có đường kính từ 9 đến 60mm, dạng thanh có chiều dài từ 6m đến 8,6m và theo yêu cầu của khách hàng.

Được đóng bó với khối lượng không quá 5 tấn, sản phẩm được bó ít nhất bằng 3 dây thép hoặc đai.

Các thông số kích thước, diện tích mặt cắt ngang, khối lượng 1m chiều dài, sai lệch cho phép và các đại lượng cần tính toán khác theo quy định cụ thể trong tiêu chuẩn.

- Thép góc chữ L



Thép góc đều cạnh có kích thước 25x25mm đến 150x150mm với nhiều độ dày khác nhau, chiều dài thanh từ 6m đến 12m hoặc theo yêu cầu của khách hàng. Các thông số kích thước, diện tích mặt cắt ngang, khối lượng 1m chiều dài, sai lệch cho phép và các đại lượng cần tính toán khác theo quy định cụ thể trong tiêu chuẩn.

*** Quy trình công nghệ cán thép:**

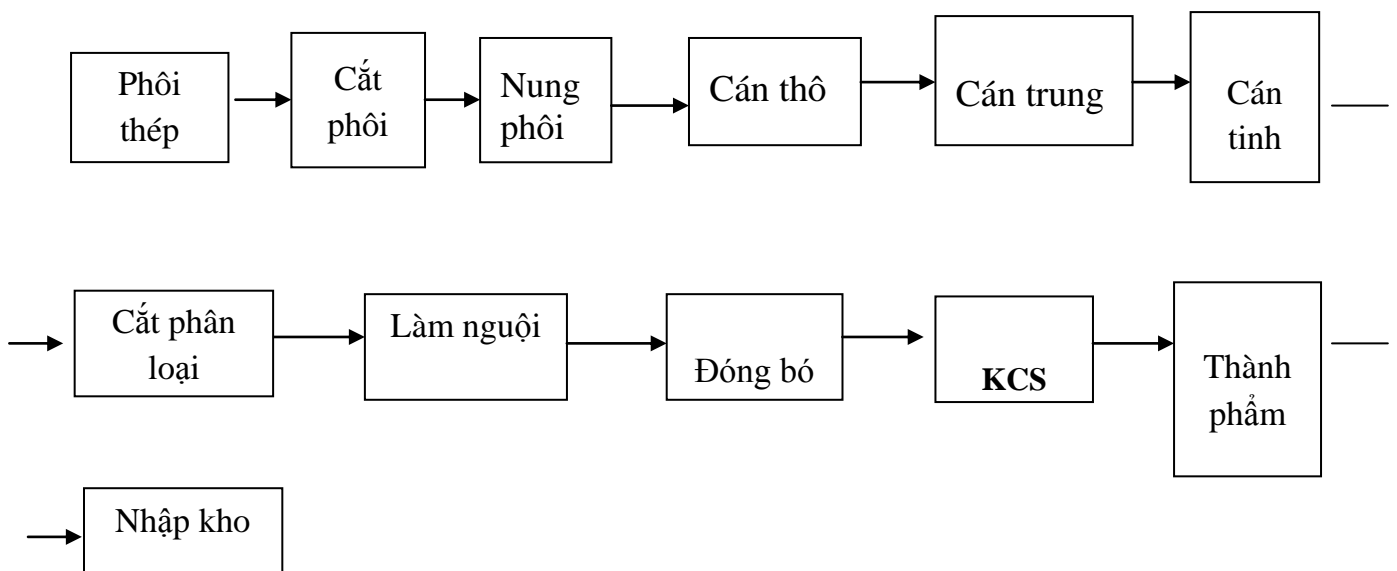
Phôi thép nhập về được chuyển về kho trong nhà máy bằng ô tô, xuống bãi bằng cầu trục 10 tấn. Tại kho chứa phôi trong gian lò máy, phôi được cắt thành từng đoạn có chiều dài 3 mét bằng máy cắt nguội 1000 tấn hoặc mỏ cắt O2 - C2H2. Phôi chờ nung được xếp thành từng kiện ở cạnh lò. Việc nạp lò được tiến hành nhờ cầu trục 5 tấn cẩu phôi lên sàn nhận liệu, mỗi lần cẩu 8 thanh. Con lăn sẽ đưa phôi đến lò nung. Máy đẩy thủy lực 70 tấn sẽ đẩy thép vào lò nung liên

tục ở nhiệt độ từ 1100 - 1150 0C khi đạt yêu cầu nung, thép ra lò rơi vào đường con lăn và được chuyển đến máy cán qua các giá cán.

Tại máy cán thô 3 trục $\Phi 525$, phôi được cán 5 lần. Tiết diện phôi ra khoảng 55x55mm được đưa đến nhóm cán trung liên tục cán tiếp 4 lần. Sau đó, phôi được cắt đầu và đi vào một trong hai tuyến của nhóm cán tinh cán tối đa 10 lần.

Sau khi ra khỏi giá cán cuối cùng, thép được cắt phân loại theo kích thước < 56m bằng hai máy cắt bay kiểu đĩa. Nhờ có hệ thống con lăn và máy đẩy, thép được chuyển đến sàn làm nguội và được cắt theo chiều dài tiêu chuẩn là 11,7m hoặc theo yêu cầu của khách hàng và đóng thành từng bó, sau đó thép được kiểm tra, phân loại, đóng nhãn hiệu và nhập kho thành phẩm

* Sơ đồ lưu trình công nghệ cán thép:



*** Phân xưởng sản xuất :**



- Bao gồm nhiều tổ sản xuất có nhiệm vụ tiến hành sản xuất sản phẩm theo kế hoạch đã được vạch ra . Mỗi tổ sản xuất có một tổ trưởng chịu trách nhiệm đôn đốc, kiểm tra công việc của các công nhân trong tổ của mình.

- Bộ phận sản xuất chính: gồm 3 tổ

+ Tổ lò nung: Có nhiệm vụ lái máy đẩy phôi và cầu trục, móc cáp, nạp phôi vào lò, nung phôi.

+ Tổ cán thép: Có nhiệm vụ lái máy đai điều khiển, điều chỉnh cán phôi qua giá cán thô, giá cán trung, giá cán tinh.

+ Tổ sàn nguội: Có nhiệm vụ trực sàn nguội, lái cầu trục, phụ cắt máy chọn phé bavia và bó buộc sản phẩm.

- Bộ phận sản xuất phụ: chia làm 5 tổ

+ Tổ mặt bằng: Có nhiệm vụ vệ sinh xưởng sau mỗi ca sản xuất, móc cáp, chọn phé đầu mẫu.

+ Tổ cắt phôi: Có nhiệm vụ cắt phôi trước khi nạp vào lò nung và lái xe nâng, lái cầu trục.

+ Tổ điện: Có nhiệm vụ trực, sửa điện trong xưởng, đặt và quản lý các thông số điều khiển điện trên đường công nghệ.

+ Tổ cơ bị kiện: Có nhiệm vụ sửa chữa máy móc, thiết bị dây chuyền cán, gia công sửa chữa bị kiện, hàn, cắt, xử lý sự cố.

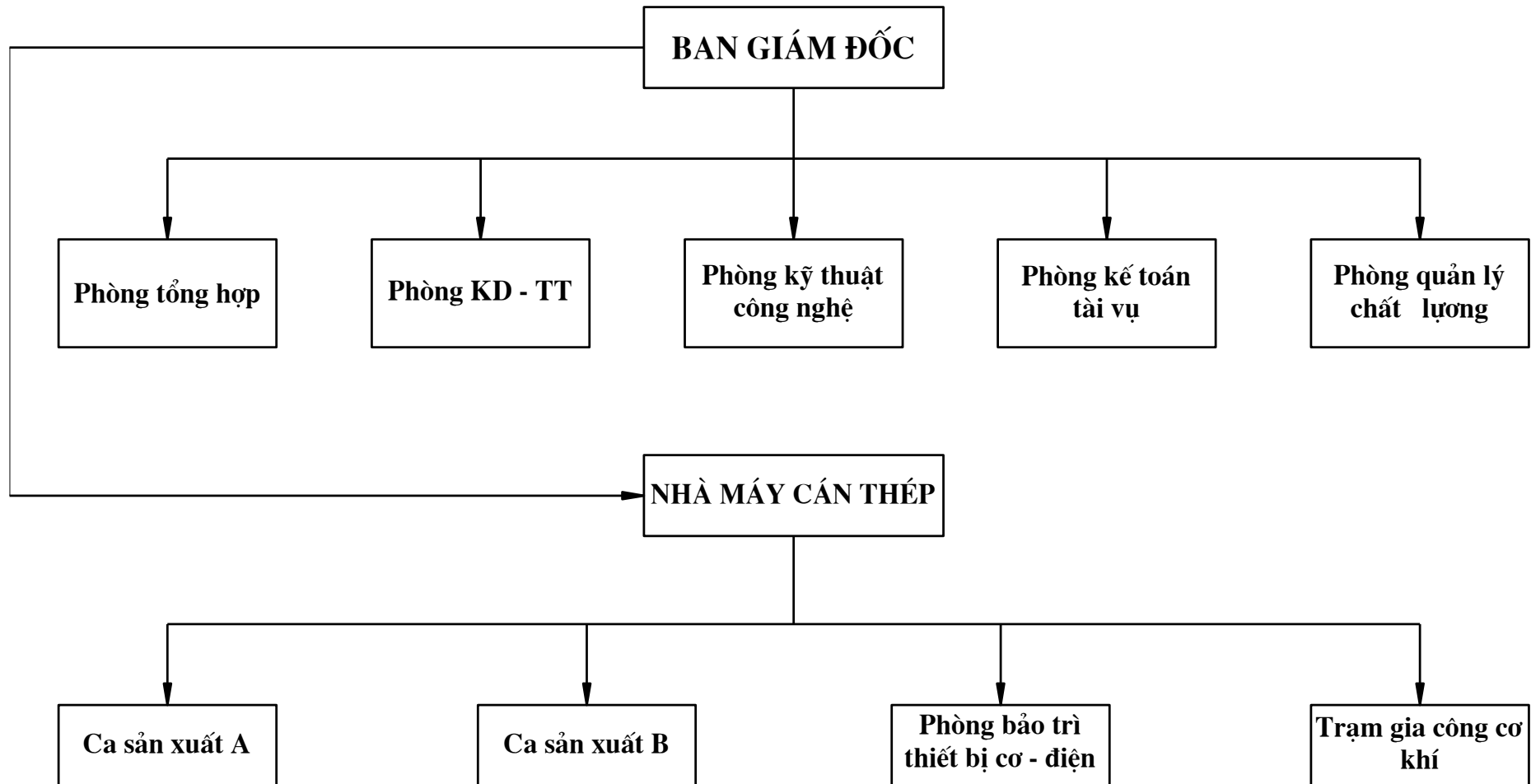
+ Tổ gia công cơ khí: Có nhiệm vụ tiện, phay, bào thép, gia công cơ khí theo yêu cầu sản xuất.

Bộ phận sản xuất chính chia làm 2 ca: Ca A, Ca B. Mỗi ca sản xuất 10 giờ luân phiên nhau hàng ngày, bộ phận sản xuất phụ (Ca C) bố trí tập trung làm vào 4 giờ đổi ca của ca sản xuất chính và chia đều thời gian phục vụ cho 2 ca sản xuất chính. Các tổ sản xuất được hợp lý hoá, phân công trách nhiệm rõ ràng, đảm bảo cho việc tổ chức và quản lý sản xuất được chặt chẽ, đảm bảo cho quy trình sản xuất nhịp nhàng, đúng tiến độ và chất lượng

2.1.3: Tổ chức bộ máy quản lý

Biểu 2.1

Bộ máy tổ chức của công ty cổ phần thép Việt Nhật



Chức năng, nhiệm vụ của các phòng ban trong bộ máy tổ chức của công ty cổ phần Thép Việt Nhật :

✓ * *Ban giám đốc* : Là những người đứng đầu công ty, đại diện cho công ty trước pháp luật, trực tiếp điều hành, đề ra các chiến lược phát triển cho công ty, chịu trách nhiệm về kết quả hoạt động kinh doanh. Là người trực tiếp tham gia kí kết các hợp đồng kinh tế, lựa chọn và đề ra các quyết định phương án kinh doanh, làm tròn nghĩa vụ với nhà nước. Có những nhiệm vụ như:

- Xây dựng chính sách chất lượng và mục tiêu chất lượng của công ty.
- Điều hành mọi hoạt động của công ty một cách có hiệu quả.
- Cung cấp các nguồn lực cần thiết để thực hiện mục tiêu chiến lược có hiệu quả.
- Phân công chức năng và nhiệm vụ các thành viên trong ban điều hành.
- Chịu trách nhiệm quan hệ với các cơ quan chức năng bên ngoài.

* *Phòng tổng hợp*

Là nơi tổ chức nhân sự, quản lý lương thưởng, các khoản thuộc bảo hiểm, quản trị văn phòng, quản lý và lưu trữ hồ sơ, chứng từ, văn thư. Phòng tổng hợp cũng có chức năng lên kế hoạch, thực hiện mua vật tư, máy móc nguyên liệu ; Xây dựng, đánh giá thẩm định các nhà thầu ; Tổ chức kho bãi, giao nhận vật tư, sản phẩm.

* *Phòng thị trường* :

Phòng thị trường có trách nhiệm thực hiện các hợp đồng mua bán hàng hoá. Đồng thời nghiên cứu thị trường và tiếp thị sản phẩm cũng như lập kế hoạch sản xuất.

* *Phòng kỹ thuật công nghệ*

Đây là phòng tổ chức quản lý việc thực hiện quá trình công nghệ, theo dõi việc quản lý bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị, lên kế hoạch dự toán các hạng mục đại tu, trung tu dây chuyền thiết bị. Phòng này cũng có chức năng đăng ký định kì chất lượng sản phẩm, kiểm tra nghiệm thu chất lượng sản phẩm và các hạng mục cần thiết về vật tư, thiết bị, dây chuyền sản xuất ; Thiết kế công nghệ, thiết bị mới phục vụ sản xuất.

** Phòng kế toán tài vụ :*

Phòng này có chức năng trợ giúp lãnh đạo công ty trong việc quản lý, sử dụng vốn và nguồn vốn. Tổ chức công tác thu thập, xử lý các thông tin liên quan đến nghiệp vụ kinh tế tài chính phát sinh. Phòng kế toán tài vụ còn lên kế hoạch tài chính cho từng tuần, tháng, quý, năm và báo cáo các thông tin tài chính kế toán.

** Phòng quản lý chất lượng :*

Phòng có chức năng lập và quản lý hệ thống chất lượng tại công ty. Theo dõi, áp dụng quy trình quản lý chất lượng , tổng hợp, đề ra các phương án cải tiến chất lượng sản phẩm. Kiểm soát, quản lý chất lượng toàn bộ vật tư đầu vào , kiểm soát quá trình cán thép và sản phẩm thép cán ra. Nơi đây còn có nhiệm vụ báo cáo các thông tin về chất lượng sản phẩm và đăng ký định kỳ chất lượng sản phẩm.

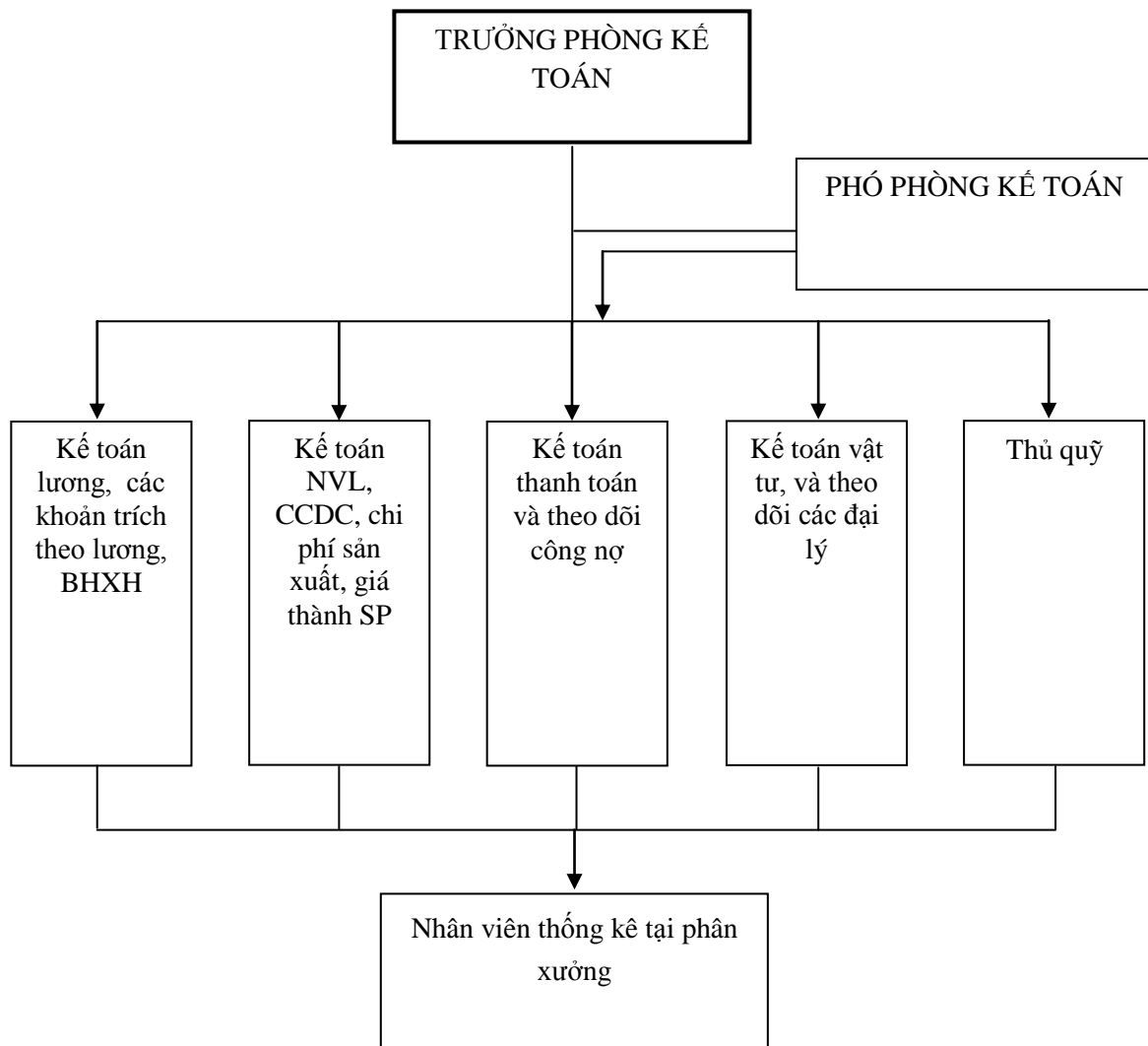
** Nhà máy cán thép :*

- Tổ chức thực hiện kế hoạch do ban Giám đốc đề ra.
- Quản lý hệ thống dây chuyền sản xuất.
- Quản lý công nhân trong nhà máy.

2.1.4: Tổ chức công tác kế toán tại công ty cổ phần thép Việt Nhật

2.1.4.1: Tổ chức bộ máy kế toán

Sơ đồ bộ máy kế toán tại công ty Cổ phần thép Việt Nhật



Bộ máy kế toán của công ty được tổ chức theo mô hình tập trung. Các nghiệp vụ kế toán chính phát sinh được tập trung ở phòng kế toán của công ty, thuộc dãy nhà văn phòng. Tại đây thực hiện việc tổ chức hướng dẫn và kiểm tra thực hiện toàn bộ phương pháp thu thập xử lý thông tin ban đầu, thực hiện đầy đủ chiến lược ghi chép ban đầu, chế độ hạch toán và chế độ quản lý tài chính theo đúng quy định của Bộ tài chính, cung cấp một cách đầy đủ chính xác kịp thời những thông tin toàn cảnh về tình hình tài chính của công ty. Từ đó tham mưu cho Ban Tổng Giám đốc để đề ra biện pháp các quy định phù hợp với đường lối phát triển của công ty.

Tại Phòng Kế toán của công ty thuộc khối văn phòng bao gồm có 7 nhân viên:

- **Trưởng phòng Kế toán:** là một Kế toán tổng hợp, có mối liên hệ trực tuyến với các Kế toán viên thành phần, có năng lực điều hành và tổ chức. Kế toán trưởng liên hệ chặt chẽ với Phó Tổng Giám đốc Kinh doanh, tham mưu cho Ban Tổng Giám đốc về các chính sách Tài chính - Kế toán của Công ty, ký duyệt các tài liệu kế toán, phổ biến chủ trương và chỉ đạo thực hiện chủ trương về chuyên môn, đồng thời yêu cầu các bộ phận chức năng khác trong bộ máy quản lý ở đơn vị cùng phối hợp thực hiện những công việc chuyên môn có liên quan tới các bộ phận chức năng.

Các Kế toán thành phần có mối liên hệ chặt chẽ với nhau, chịu sự chỉ đạo trực tiếp về nghiệp vụ của Kế toán trưởng, trao đổi trực tiếp với Kế toán trưởng về các vấn đề liên quan đến nghiệp vụ cũng như về chế độ kế toán, chính sách tài chính của Nhà nước.

- **Phó phòng Kế toán:** là nhân viên kế toán công nợ phải thu, thuế và các khoản phải nộp nhà nước. Chịu trách nhiệm theo dõi toàn bộ tình hình tăng giảm của tài sản trong công ty, đồng thời tính và trích khấu hao cho tài sản cố định. Bên cạnh đó, kế toán còn kiêm phần đề xuất xây dựng và kiểm tra kế hoạch liên doanh, liên kết đầu tư, tình hình vay trả trong đầu tư.

- **Kế toán tiền lương và BHXH:** tính toán và hạch toán tiền lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, các khoản khấu trừ vào lương, các khoản thu nhập, trợ cấp cho cán bộ, công nhân viên trong công ty. Hàng tháng căn cứ vào sản lượng của các xí nghiệp và đơn giá lương của xí nghiệp cùng với hệ số lương gián tiếp đồng thời ghi nhận các bảng thanh toán lương do các nhân viên ở phòng kế toán gửi lên, tổng hợp số liệu lập bảng tổng hợp thanh toán lương của công ty, lập bảng phân bổ.

- **Kế toán nguyên vật liệu, chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm:** có nhiệm vụ tổng hợp tài liệu từ các phần hành kế toán khác nhau để theo dõi trên các bảng kê, bảng phân bổ làm cơ sở cho việc tính chi phí và giá thành sản

phẩm. Đồng thời kế toán cũng theo dõi cả phần phụ liệu. Hàng tháng, nhận các báo từ các phân xưởng sản xuất gửi lên, lập báo cáo nguyên vật liệu, căn cứ vào bảng phân bổ, bảng tổng hợp chi phí sản xuất để cuối tháng ghi vào bảng kê.

- **Kế toán thanh toán:** chịu trách nhiệm trong việc thanh toán và tình hình thanh toán với tất cả khách hàng cộng thêm cả phần công nợ phải trả. Sau khi kiểm tra tính hợp lệ hợp pháp của chứng từ gốc, kế toán thanh toán viết phiếu thu chi (đối với tiền mặt), séc, uỷ nhiệm chi....(đối với tiền gửi ngân hàng) hàng tháng lập bảng kê tổng hợp séc và sổ chi tiết đối chiếu với sổ sách thủ quỹ, sổ phụ ngân hàng, lập kế hoạch tiền mặt gửi lên cho ngân hàng có quan hệ giao dịch. Quản lý các tài khoản 111, 112 và các tài khoản chi tiết của nó. Đồng thời theo dõi các khoản công nợ phải thu, phải trả trong công ty và giữa công ty với khách hàng... phụ trách tài khoản 131, 141, 331, 333.

- **Kế toán vật tư và theo dõi các đại lý:** Làm nhiệm vụ hạch toán chi tiết nguyên vật liệu. Cuối tháng, tổng hợp các số liệu lập bảng kê theo dõi nhập xuất tồn và nộp báo cáo cho bộ phận kế toán tính giá thành. Phụ trách tài khoản 152. Khi có yêu cầu bộ phận kế toán nguyên vật liệu và các bộ phận khác tiến hành kiểm kê lại kho vật tư, đối chiếu với sổ kế toán. Nếu có thiếu hụt sẽ tìm nguyên nhân và biện pháp xử lý ghi trong biên bản kiểm kê. Thêm vào đó còn chịu trách nhiệm cuối cùng của quá trình tính lương và các khoản trích theo lương căn cứ vào đó để tập hợp lên bảng phân bổ tiền lương và cũng theo dõi tình hình tiêu thụ của các đại lý của công ty.

- **Thủ quỹ:** Quản lý quỹ tiền mặt của công ty, hằng ngày căn cứ vào phiếu thu chi tiền mặt để xuất hoặc nhập quỹ tiền mặt, ghi sổ quỹ phần thu chi. Sau đó tổng hợp, đối chiếu thu chi với kế toán có liên quan.

2.1.4.2: Chế độ kế toán áp dụng tại doanh nghiệp

- Kỳ kế toán năm: Bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc ngày 31/12.
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam. (VND)
- Chế độ kế toán áp dụng: Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam
- Hình thức kế toán áp dụng: Kế toán máy

- Hình thức sổ sách kế toán áp dụng: Nhật ký chung
- Phương pháp khấu hao tài sản cố định: Tài sản cố định của công ty bao gồm tài sản cố định hữu hình, và tài sản cố định vô hình. Tài sản cố định được theo nguyên giá và khấu hao lũy kế. Khấu hao tài sản cố định được tính theo phương pháp: đường thẳng
- Phương pháp áp dụng thuế: Phương pháp khấu trừ
- Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và tương đương tiền: Trong các năm nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển sang VND thực tế tại ngày phát sinh theo tỷ giá thông báo của Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam.
- Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho: Hàng tồn kho được tính theo giá gốc; Giá hàng xuất kho và hàng tồn kho được tính theo phương pháp tính giá bình quân liên hoàn; hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.
- Thuế suất thuế Thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ quy định của Nhà nước tính trên Thu nhập chịu thuế.

2.1.4.3. Tổ chức hệ thống tài khoản tại Công ty.

Công ty vận dụng hệ thống chứng từ tài khoản kế toán ban hành theo QĐ số 15/2006 ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC.

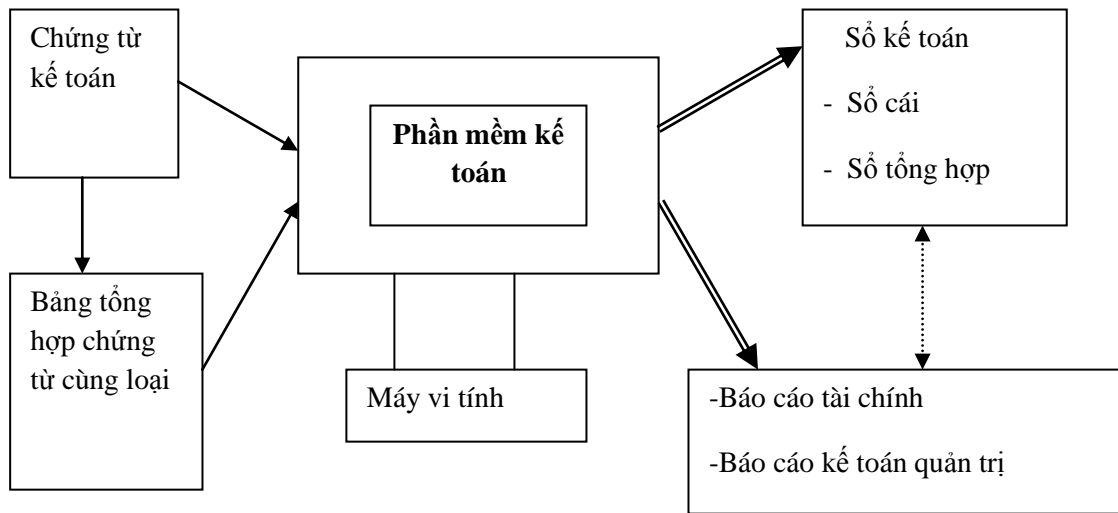
2.1.4.4: Hệ thống sổ sách kế toán và hình thức kế toán

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính ghi sổ theo hình thức Nhật ký chung. Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán trên máy vi tính là công việc kế toán được thực hiện theo một chương trình phần mềm. hiện nay Công ty đang sử dụng phần mềm Esoft. Phần mềm kế toán hiển thị đầy đủ quy trình ghi sổ kế toán, in được đầy đủ sổ sách kế toán và Báo cáo Tài Chính theo quy định.

Các loại sổ của hình thức kế toán trên máy vi tính :

Phần mềm kế toán được thiết kế theo hình thức kế toán Nhật ký chung nên sẽ có các loại sổ của hình thức kế toán Nhật ký chung, nhưng không hoàn toàn giống mẫu sổ kế toán ghi bằng tay khi được in ra sử dụng.

Giới thiệu phần mềm kế toán ESOFT



Ghi chú:

Nhập số liệu hàng ngày \longrightarrow

In sổ, báo cáo cuối tháng, cuối năm \Longrightarrow

Đối chiếu, kiểm tra \longleftrightarrow

Màn hình ESOFT được thiết kế bao gồm những phần sau: Biểu 2.2



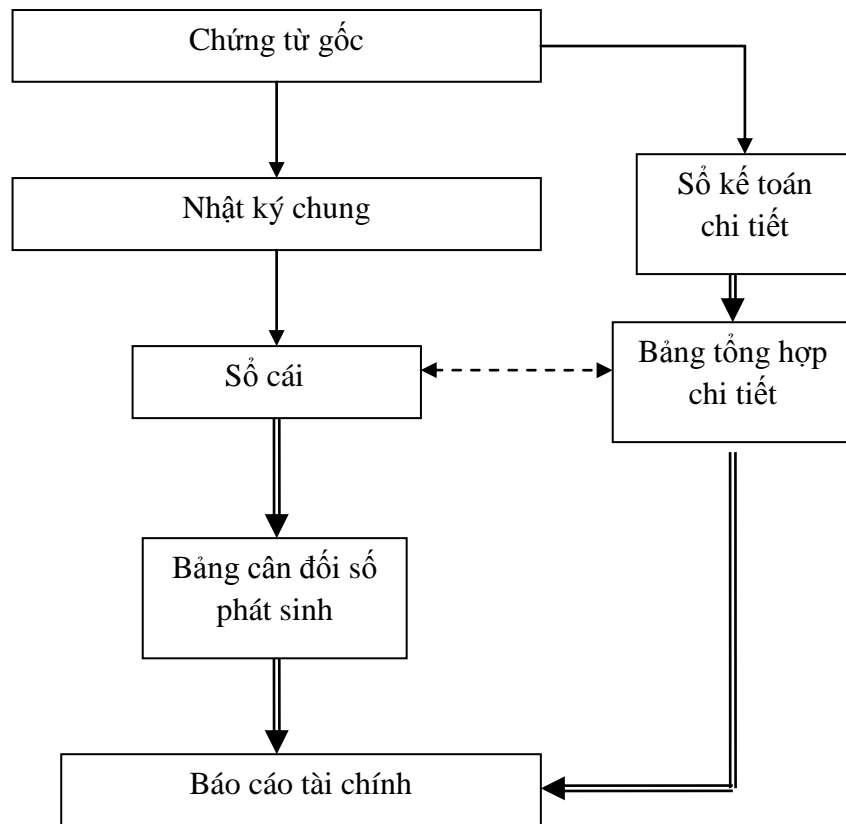
ESOFT là một phần mềm có mức độ tự động hóa cao. ESOFT luôn có khả năng trợ giúp cho các nhân viên kế toán một cách tối đa, nhân viên kế toán chỉ phải thực hiện một số ít các thao tác còn lại. Doanh nghiệp dùng phần mềm kết hợp trình tự ghi sổ theo hình thức nhật lý chung.

Căn cứ vào hệ thống tài khoản kế toán, chế độ thể lệ kế toán, quy mô đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, trình độ của đội ngũ kế toán yêu cầu quản lý cũng như điều kiện trên máy vi tính. Công ty đã áp dụng hình thức kế toán nhật ký chung. Đây là hình thức đơn giản phù hợp với quy mô của doanh nghiệp vừa và nhỏ, đồng thời trong điều kiện công ty đã áp dụng kế toán máy thì giúp hệ thống hoá thông tin chính xác khoa học.



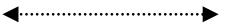
Hệ thống sổ sách báo cáo của công ty cũng khá linh hoạt và đầy đủ phù hợp với chế độ quy định của nhà nước.

Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chung.

Biểu 2.3



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày: 
- Ghi cuối quý: 
- Đối chiếu : 

Hàng ngày căn cứ vào chứng từ kế toán, kế toán viên nhập dữ liệu vào phần mềm Esoft. Theo trình tự được cài đặt sẵn, máy tính sẽ tự động xử lý số liệu để ghi vào Sổ Nhật ký chung. Từ Nhật ký chung thông tin sẽ được ghi vào Sổ Cái các tài khoản có liên quan. Đồng thời từ các chứng từ gốc, thông qua khai báo chi tiết máy tính cũng tự xử lý số liệu ghi vào Sổ Chi tiết các tài khoản có liên quan.

Cuối kỳ (hoặc bất kỳ thời điểm nào cần thiết) kế toán thực hiện các bút toán khoá sổ trên máy vi tính để lập các Báo cáo. Máy tính sẽ tự xử lý số liệu từ Sổ Cái để lập Bảng cân đối số phát sinh và Sổ chi tiết để lập Bảng tổng hợp chi tiết, sau đó theo chương trình cài đặt sẵn, số liệu được xử lý để lập Báo cáo tài chính.

Cuối kỳ các sổ kế toán tổng hợp và sổ chi tiết sẽ được in đóng thành quyển và thực hiện các thủ tục pháp lý theo quy định về ghi chép và lưu trữ sổ sách kế toán.

2.2: Thực trạng tổ chức kế toán NVL tại công ty Cổ phần thép Việt Nhật

2.2.1: Kế toán chi tiết nguyên vật liệu

2.2.1.1: Thủ tục nhập xuất

***Trình tự nhập kho nguyên vật liệu**

a. Mua hàng :

-Căn cứ vào kế hoạch SXKD và thực tế sử dụng các bộ phận và phân xưởng sẽ lập được nhu cầu sử dụng hàng hoá và dịch vụ và vật tư, phụ tùng cho năm kế hoạch bao gồm : số lượng và yêu cầu về chất lượng, ký mã hiệu, thời hạn cần có, hãng sản xuất, thời gian và phương pháp đánh giá chất lượng số lượng nguyên vật liệu.

-Phòng vật tư : lập kế hoạch mua hàng năm trình Tổng Giám đốc duyệt. Căn cứ vào nhu cầu sử dụng, dữ liệu mua, các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật, các báo cáo tồn kho và đánh giá chất lượng lưu kho, các báo cáo đánh giá phản hồi chất lượng của nơi sử dụng, diễn biến của thị trường cung cấp giá cả.

-Căn cứ vào kế hoạch mua hàng năm, căn cứ vào nhu cầu thực tế phòng Kỹ thuật vật tư lập kế hoạch mua theo quý, tháng trình Tổng giám đốc trước 7 ngày và thực hiện mua hàng trước 2 ngày của quý, tháng kế hoạch.

+ Phôi thép : Căn cứ vào kế hoạch tiêu thụ theo năm, quý, tháng của Bộ phận Kinh doanh, Bộ phận Kỹ thuật - Vật tư lập kế hoạch mua phôi thép, chi tiết chủng loại theo yêu cầu chủng loại sản phẩm của Bộ phận Kinh doanh. Khi bộ

phận kinh doanh có phát sinh về số lượng và chủng loại phôi thép phải thông báo kịp thời biến động về bộ phận kế hoạch vật tư điều chỉnh kế hoạch mua.

+ Hàng nhập khẩu : Căn cứ vào kế hoạch sản xuất kinh doanh năm, Bộ phận kỹ thuật vật tư làm thủ tục với các cơ quan chức năng xin giấy phép nhập khẩu tiếp căn cứ vào hợp đồng nhập khẩu, cán bộ quản lý soạn thảo các văn bản, tờ khai nhập khẩu theo quy định của nhà nước trình Tổng giám đốc làm thủ tục nhập khẩu

-Tiếp nhận hàng :

+ Thông báo thời gian giao hàng : Nhân viên mua hàng/XNK thông báo tiếp nhận hàng để các bộ phận phối hợp. Đối với phôi thép và hàng hoá cần đề nghị về phương tiện vận tải xếp dỡ phải thông báo bằng văn bản trình Giám đốc Kỹ thuật vật tư hoặc trưởng phòng Vật tư - XNK ký để gửi tới các Bộ phận cùng phối hợp tiếp nhận hàng hoá.

+ Viết đề nghị nghiệm thu khi hàng về để hoàn tất thủ tục nhập kho. Phòng vật tư - XNK căn cứ vào biên bản nghiệm thu làm thủ tục nhập kho. Nhân viên mua hàng và xuất nhập khẩu nhận và đảm nhận đã kiểm tra nội dung chứng từ và tính hợp pháp và đúng đắn chuyển cho nhân viên kế hoạch vật tư. Nhân viên kế hoạch vật tư tập hợp chứng từ, kiểm tra lại tính hợp lệ và hợp pháp đề nghị thanh toán trình trưởng phòng Vật tư xuất nhập khẩu rồi chuyển sang bộ phận kế toán.

b) Nhập kho, bảo quản, và đánh giá chất lượng :

- Nhập kho vật tư :

Thủ kho : Căn cứ vào hoá đơn, kết quả giám định hoặc nghiệm thu tiến hành nhập kho hàng hoá phù hợp với các yêu cầu của hợp đồng, đơn hàng hoặc kết luận trong các biên bản nghiệm thu của xưởng sản xuất, cập nhật vào thẻ kho.

Nhân viên kế toán vật tư : Căn cứ bộ chứng từ trên viết phiếu nhập kho và nhập vào báo cáo chi tiết nhập xuất tồn nguyên vật liệu.

- Việc quản lý chặt chẽ nguyên vật liệu nhập kho là vấn đề quan trọng, giúp Công ty đảm bảo được tình hình cung cấp nguyên vật liệu, đánh giá được việc

thường xuyên cung cấp nguyên vật liệu, đánh giá được chi phí đầu vào của Công ty. Do đó các chứng từ hóa đơn phải được lưu giữ đầy đủ theo quy định hiện hành.

Chứng từ sử dụng cho thủ tục nhập nguyên vật liệu gồm:

- Hóa đơn GTGT.
- Phiếu nhập kho.

Trình tự nhập kho:

Khi nguyên vật liệu về đến Công ty, phòng kỹ thuật vật tư sẽ kiểm tra tính hợp lý, hợp lệ của hóa đơn và tiến hành kiểm tra về mặt số lượng, chất lượng nguyên vật liệu nhập kho khi tổ chức bốc xếp vào kho. Trong trường hợp nguyên vật liệu nhập kho kém phẩm chất, không đủ số lượng thì phải báo ngay với phòng kỹ thuật vật tư và cùng với bộ phận kiểm tra chất lượng tiến hành kiểm tra lại lô hàng để có biện pháp xử lý kịp thời.

Phiếu nhập kho được lập khi có đủ chữ ký của các bên có liên quan. Phiếu nhập kho được lập thành 3 liên:

- Liên 1: Kế toán sử dụng để vào sổ
- Liên 2: Giao cho người giao hàng.
- Liên 3: Giao cho thủ kho để vào thẻ kho.

VD: Ngày 03 tháng 12 Công ty nhập kho Quặng thép để làm Thép của Công ty Cổ phần Gang Thép Thái Nguyên.

Căn cứ vào HĐGTGT số 004384 (Biểu 2.1) và số lượng thực tế kế toán tiến hành khai báo số liệu từ hóa đơn vào phần mềm ESOFT (Biểu 2.2 và 2.3) và in ra phiếu nhập (Biểu 2.4). Phiếu nhập in ra 3 liên chuyển cho các bên liên quan



CÔNG TY CỔ PHẦN GANG THÉP THÁI NGUYÊN

Địa chỉ: Phường Cam Giá- Thành phố Thái Nguyên

Tel:(84) 0280 3832236 – Fax: (84) 0280 3832056

Website:www.tisco.com.vn

MÃ SỐ THUẾ: (OUR CODE) : 4600100155

**HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
INVOICE (VAT)**

Liên 2(page2):khách hàng(Buyer)

Series: VN/2010T

No:**004384**

Ngày (Date)

03/12/2010

TÊN KHÁCH HÀNG (BUYER):CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP VIỆT NHẬT

Địa chỉ (Address): Km 9 Quốc lộ 5 Quận Hồng Bàng-Hải Phòng

Mã số thuế (Buyer' Code): 0200289981

Theo lệnh (Order):.....

Xuất tại kho (Warehouse): CÔNG TY CỔ PHẦN GANG THÉP THÁI NGUYÊN

TÊN HÀNG HÓA Description	MÃ SỐ Code	ĐVT Unit	SỐ LƯỢNG Quantily	ĐƠN GIÁ Unit Price	THÀNH TIỀN Total
Quặng Thép	QT	Tấn	400	2.298.145	919.258.000
Cộng (Sub Total)					919.258.000
Thuế GTGT (VAT) 10%					91.925.800
Tổng (Total)					1.011.183.800

Số tiền bằng chữ (Total in Words): Một tỷ không trăm mười một triệu một trăm tám mươi ba ngàn tám trăm đồng chẵn

NGƯỜI NHẬN HÀNG

Consignees Signature

LẬP PHIẾU

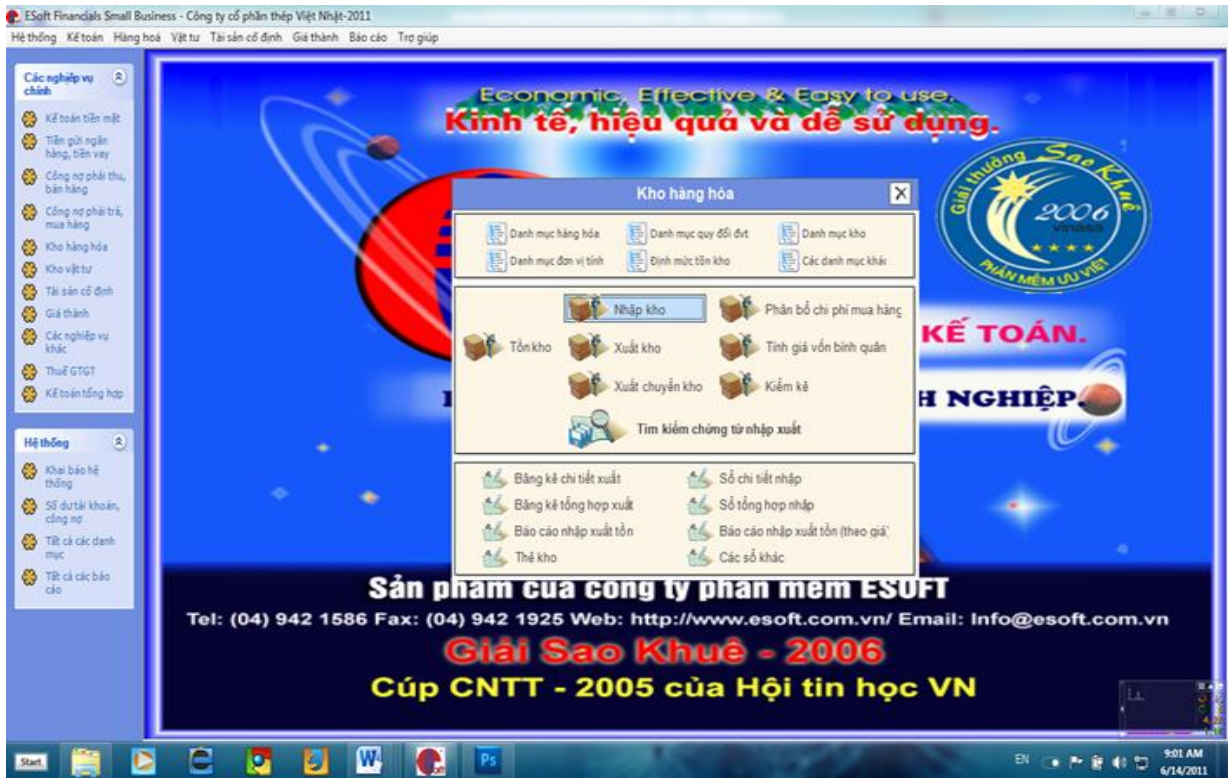
Write's Signature

KẾ TOÁN TRƯỞNG

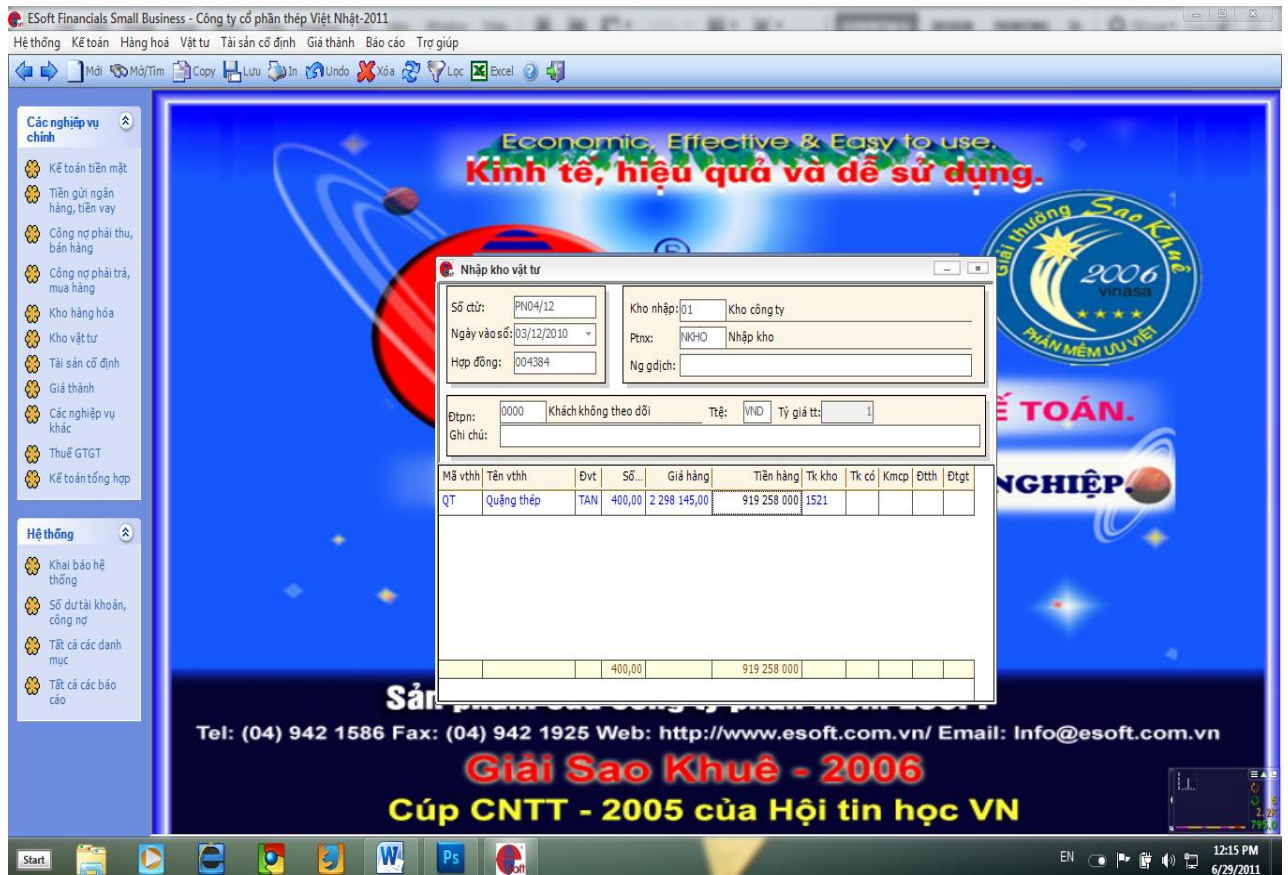
Chief Accountant

TỔNG GIÁM ĐỐC

General Director



Biểu 2.2



Biểu 2.3

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP VIỆT NHẬT
Km 9, quốc lộ 5, Quán Toan, Hồng Bàng, Hải Phòng

Mẫu số 01- VT
(Ban hành theo QĐ số : 15/2006/QĐ-BTC ngày
20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU NHẬP KHO

Số: 04/12

Ngày 3 tháng 12 năm 2010

Họ tên người giao hàng: **Lê Bảo Phúc** Đơn vị bán: **Công ty cổ phần gang thép Thái Nguyên**

Theo: Hóa đơn Số 004384 Ngày 03 tháng 12 năm 2010

Biên bản kiểm nhập ngày 03 tháng 12 năm 2010

Của: Nhập nguyên liệu

Nhập tại kho: Kho nguyên liệu (Kho 1 – kho công ty)

STT	Tên, quy cách vật tư	Mã số	ĐVT	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Theo CT	Thực nhập		
1	Quặng thép	QT	Tấn	400	400	2.298.145	919.258.000
	Tổng cộng						919.258.000

Tổng số tiền (Viết bằng chữ): Chín trăm mười chín triệu hai trăm năm tám ngàn đồng chẵn

Số chứng từ gốc kèm theo: 01

Ngày 03 tháng 12 năm 2010

**Người lập
phiếu**
(Ký, họ tên)

**Người giao
hàng**
(Ký, họ tên)

Thủ kho
(Ký, họ tên)

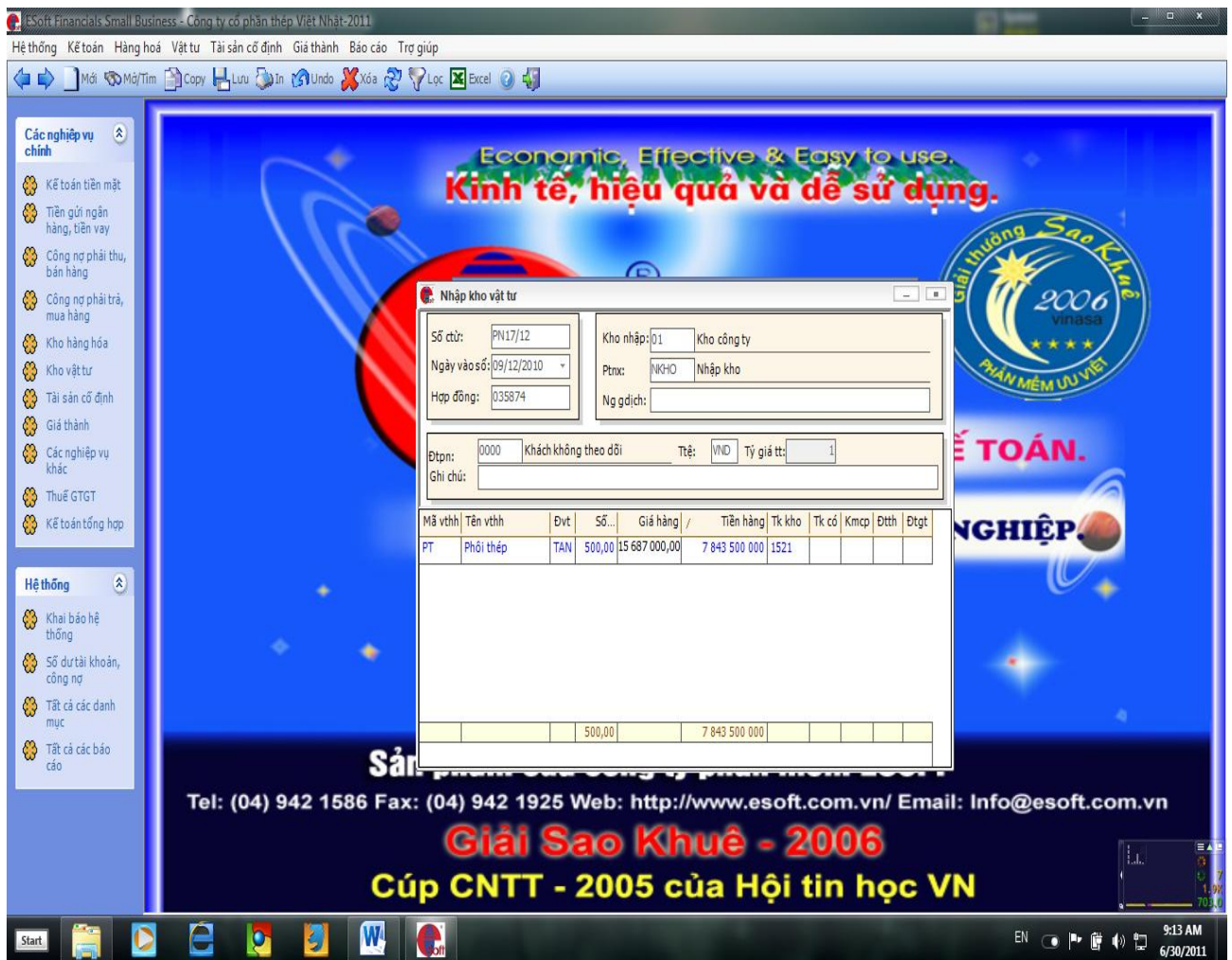
**Kế toán
trưởng**
(Ký, họ tên)

**Thủ trưởng
đơn vị**
(Ký, họ tên)

VD 2: Ngày 09/12 mua nhập kho 500 tấn phôi thép từ Công ty thép Đình Vũ

Căn cứ vào HĐGTGT số 035874 (Biểu 2.5) và số lượng thực tế kế toán tiến hành khai báo số liệu từ hóa đơn vào phần mềm ESOFIT (Biểu2.6) và in ra phiếu nhập (Biểu2.7). Phiếu nhập in ra 3 liên chuyển cho các bên liên quan

Biểu 2.6



CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP VIỆT NHẬT
Km 9, quốc lộ 5, Quán Toan, Hồng Bàng, Hải Phòng

Mẫu số 01- VT
(Ban hành theo QĐ số : 15/2006/QĐ-BTC ngày
20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU NHẬP KHO

Số: 17/12

Ngày 09 tháng 12 năm 2010

Họ tên người giao hàng: **Lê Bảo Phúc** Đơn vị bán: **Công ty cổ phần thép Đình Vũ**

Theo: Hóa đơn Số 035874 Ngày 09 tháng 12 năm 2010

Nhập :nguyên vật liệu

Nhập tại kho: Kho nguyên liệu (Kho 1 – Kho công ty)

Số NMN:.....

Nợ:.....

Có:.....

STT	Tên, quy cách vật tư	Mã số	ĐV T	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Theo CT	Thực nhập		
1	Phôi thép	PT1	Tấn	500	500	15.687.000	7.843.500.000
	Tổng cộng						7.843.500.000

**Tổng số tiền (Viết bằng chữ): Bảy tỷ tám trăm bốn mươi ba triệu năm trăm ngàn
đồng chẵn**

Số chứng từ gốc kèm theo: 01

Ngày 09 tháng 12 năm 2010

**Người lập
phiếu**
(Ký, họ tên)

**Người giao
hàng**
(Ký, họ tên)

Thủ kho
(Ký, họ tên)

**Kế toán
trưởng**
(Ký, họ tên)

**Thủ trưởng
đơn vị**
(Ký, họ tên)

*** Trình tự xuất kho :**

Nguyên vật liệu tại Công ty được dùng chủ yếu cho sản xuất, ngoài ra khi có yêu cầu có thể xuất bán hoặc xuất khác. Tuy nhiên, cũng đòi hỏi các chứng từ có liên quan đến nghiệp vụ xuất cũng phải được phê chuẩn đầy đủ và hợp lệ.

Từ các phiếu xuất kho, thủ kho vào thẻ kho để theo dõi mặt số lượng của nguyên vật liệu xuất kho. Mỗi thẻ kho được mở cho từng loại nguyên vật liệu.

Kế toán kiểm tra tính hợp pháp hợp lệ của phiếu xuất kho (phải có đủ chữ ký của người có liên quan), sau đó tính giá thực tế của nguyên vật liệu xuất kho để điền vào phiếu.

Phiếu xuất kho được lập thành 3 liên:

- * Liên 1: Phòng kế toán vào sổ
- * Liên 2: Giao cho thủ kho để vào thẻ kho.
- * Liên 3: Giao cho người nhận vật tư

VD 1: Xuất kho quặng thép để phục vụ sản xuất: Ngày 04/12/2010 công ty xuất 100 tấn quặng thép phục vụ sản xuất

Đơn vị sử dụng phương pháp bình quân gia quyền liên hoàn nên đơn giá quặng thép được phần mềm tính được như sau:

$$\text{Đơn giá bình quân} = (257.820.000 + 919.258.000) / 500 = 2.354.156$$

Trị giá 100 tấn quặng thép xuất kho được tính bằng: $100 \times 2.354.156 = 235.415.600$

VD 2: Ngày 10/12 năm 2010. Công ty xuất 300 tấn phôi thép phục vụ sản xuất

Đơn giá bình quân được phần mềm kế toán xác định như sau:

- Trị giá hàng tồn kho: 12.929.779.250

- Số lượng hàng tồn kho: 850 Tấn

$$\text{Đơn giá bình quân} = 12.929.779.250 / 850 = 15.211.505$$

Trị giá 300 tấn phôi thép xuất kho: $300 \times 15.211.505 = 4.563.451.500$

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP VIỆT NHẬT
Km 9, quốc lộ 5, Quán Toan, Hồng Bàng, Hải Phòng

Mẫu số 02- VT
(Ban hành theo QĐ số : 15/2006/QĐ-BTC ngày
20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU XUẤT KHO

Số: 08/12

Ngày 04 tháng 12 năm 2010

Lý do xuất: Xuất kho phục vụ sản xuất

Kho xuất: Kho nguyên liệu (kho 1 – kho công ty)

STT	Tên, quy cách vật tư	Mã số	ĐVT	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Theo CT	Thực xuất		
1	Quặng thép	QT	Tấn	100	100	2.354.156	235.415.600
	Tổng cộng						235.415.600

**Tổng số tiền (Viết bằng chữ): Hai trăm ba mươi năm triệu bốn trăm mười năm
ngàn sáu trăm đồng**

Số chứng từ gốc kèm theo: 01

Ngày 04 tháng 12 năm 2010

Người lập phiếu
(Ký, họ tên)

Người nhận
hàng
(Ký, họ tên)

Thủ kho
(Ký, họ tên)

Kế toán
trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên)

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP VIỆT NHẬT
Km 9, quốc lộ 5, Quán Toan, Hồng Bàng, Hải Phòng

Mẫu số 02- VT
(Ban hành theo QĐ số : 15/2006/QĐ-BTC ngày
20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU XUẤT KHO

Số: 11/12

Ngày 10 tháng 12 năm 2010

Lý do xuất: Xuất kho phục vụ sản xuất

Kho xuất: Kho nguyên liệu (kho 1 – kho công ty)

STT	Tên, quy cách vật tư	Mã số	ĐVT	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Theo CT	Thực xuất		
1	Phôi thép	PT	Tấn	300	300	15.211.505	4.563.451.500
	Tổng cộng						4.563.451.500

**Tổng số tiền (Viết bằng chữ): Bốn tỷ năm trăm sáu mươi ba triệu bốn trăm năm
mốt ngàn năm trăm đồng chẵn.**

Số chứng từ gốc kèm theo: 01

Ngày 10 tháng 12 năm 2010

Người lập phiếu
(Ký, họ tên)

Người nhận
hàng
(Ký, họ tên)

Thủ kho
(Ký, họ tên)

Kế toán
trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên)

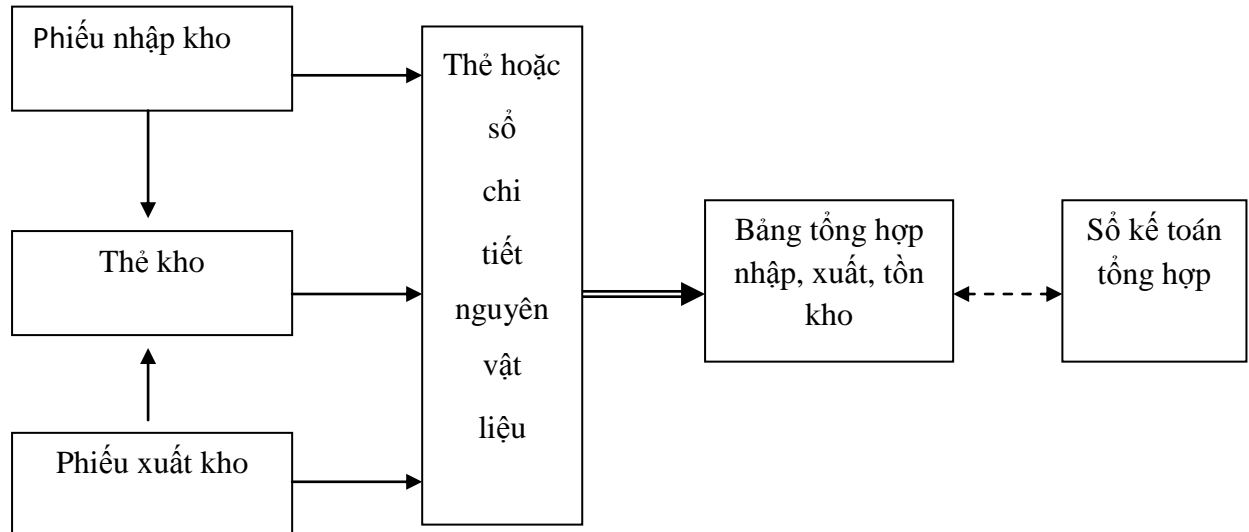
2.2.2.2 Phương pháp kế toán chi tiết nguyên vật liệu tại Công ty.

Kế toán chi tiết nguyên vật liệu là công việc kết hợp chặt chẽ giữa việc hạch toán nghiệp vụ của thủ kho và việc ghi chép kế toán tại phòng kế toán Công ty trong việc quản lý vật tư mà ở đó thủ kho có trách nhiệm quản lý về mặt số lượng còn kế toán kiểm soát cả mặt số lượng và giá trị.

Công việc hạch toán chi tiết là công việc khá phức tạp đòi hỏi phải phản ánh kịp thời, đầy đủ cả về mặt hiện vật và giá trị trong quá trình kiểm soát các loại nguyên vật liệu.

Quá trình nhập xuất tại Công ty diễn ra rất thường xuyên liên tục nên hiện tại doanh nghiệp hạch toán chi tiết nguyên vật liệu theo phương pháp ghi thẻ song song. Trình tự kế toán chi tiết nguyên vật liệu tại Công ty được mô tả theo sơ đồ sau:

Sơ đồ hạch toán chi tiết nguyên vật liệu theo phương pháp ghi thẻ song song.



- Ghi chú:
- Ghi hàng ngày —————>
 - Ghi cuối tháng hoặc định kỳ ══════=>
 - Quan hệ đối chiếu kiểm tra ←- - - ->

* **Tại kho:** Hàng ngày, thủ kho căn cứ vào các chứng từ nhập, xuất nguyên vật liệu ghi số lượng thực nhập, thực xuất vào thẻ kho, cuối tháng tính ra số tồn kho ghi vào thẻ kho.

***Tại phòng kế toán:**

Tại phòng kế toán, kế toán phải theo dõi tình hình nhập-xuất nguyên vật liệu theo cả chỉ tiêu số lượng và chỉ tiêu giá trị. Sau khi kiểm tra các nội dung chủ yếu của chứng từ kế toán, khi đã đủ điều kiện, kế toán ghi vào sổ chi tiết nguyên vật liệu.

Tại màn hình giao diện chính chọn mục nhập dữ liệu, màn hình nhập nguyên vật liệu hiện ra. Tại ô loại chứng từ ta có thể chọn các phiếu nhập, phiếu xuất. Khi cập nhật dữ liệu trên máy, kế toán nhập số hiệu của chứng từ, ngày tháng phát sinh nghiệp vụ và nội dung của chứng từ theo các nội dung cài đặt sẵn trên màn hình.

Đối với vật liệu nhập kho, kế toán nhập số lượng, đơn giá, đơn vị khách hàng, sau đó máy sẽ tự động tính thành tiền.

Đối với nghiệp vụ xuất kho, kế toán nhập số liệu xuất, xác định đối tượng chi phí, đơn giá xuất máy sẽ tự động tính theo phương pháp bình quân cả kỳ dự trữ.

Sau khi cập nhật xong chứng từ vào máy, máy sẽ quản lý vật liệu theo tên hoặc mã quy định. Khi muốn xem sổ chi tiết nào đó chỉ cần đánh tên vật liệu hoặc mã của vật liệu đó. Ta có thể xem chi tiết số liệu của từng loại vật liệu theo ngày, tháng, năm .

Các loại sổ có thể xem là: Sổ chi tiết vật tư, Bảng cân đối vật tư, bảng cân đối vật tư theo mã.

VD 1 : Ngày 03/12/2010. Công ty cổ phần thép Việt Nhật mua 400 tấn quặng thép từ công ty cổ phần gang thép Thái Nguyên.

Tại phòng kế toán, căn cứ vào HĐGTGT số 04384 và các chứng từ có liên quan kế toán khai báo vào phần mềm kế toán để in phiếu nhập kho (Biểu 2.4). Từ số liệu đã được khai báo, máy tính sẽ tự động xử lý số liệu ghi vào sổ chi tiết TK152 (Biểu 2.11).

Cuối kỳ, máy tính tự động xử lý số liệu từ các sổ chi tiết lập bảng tổng hợp Nhập - Xuất - Tồn.

- Tại kho, thủ kho căn cứ vào phiếu nhập (Biểu 2.4) vào thẻ kho (Biểu 2.10)
- Ngày 04/09, tại phòng kế toán, theo yêu cầu về xuất 100 tấn quặng thép từ phân xưởng chuyên lên đã được phê duyệt, kế toán làm thủ tục xuất quặng thép. Kế toán khai báo dữ liệu vào phần mềm kế toán, máy tính tự động tính giá quặng thép xuất kho theo phương pháp bình quân liên hoàn và in ra phiếu xuất kho (Biểu 2.8). Từ số liệu đã được khai báo, máy tính sẽ xử lý số liệu ghi vào sổ chi tiết TK152 (Biểu 2.11).

Cuối kỳ, máy tính tự động xử lý số liệu từ các sổ chi tiết lập bảng tổng hợp Nhập - Xuất - Tồn. (Biểu)

- Tại kho, thủ kho căn cứ vào phiếu xuất kho (Biểu 2.8) vào thẻ kho (Biểu 2.10).

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP VIỆT NHẬT
Km 9, quốc lộ 5, Quán Toan, Hồng Bàng, Hải Phòng

Mẫu số : S12-DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

THẺ KHO

Ngày lập thẻ: 31/12/2010

Tờ số: 01

- Tên, nhãn hiệu, quy cách vật tư: Quặng thép
- Đơn vị tính: Tấn
- Mã số : QT

STT	Ngày tháng	Số hiệu chứng từ		Diễn giải	Ngày nhập, xuất	Số lượng			Ghi chú
		Nhập	Xuất			Nhập	Xuất	Tồn	
				Tồn đầu tháng				100	
01	03/12	PN04/12		Nhập kho quặng thép	03	400		500	
02	04/12		PX08/12	Xuất kho quặng thép	04		100	400	
...
09	07/12	PN16/12		Nhập kho quặng thép	07	150		600	
10	08/12	PN18/12		Nhập kho quặng thép	08	50		650	
.....
19	15/12		PX16/12	Xuất kho quặng thép	15		100	500	
...
26	31/12	PN36/12		Nhập kho quặng thép	20	100		400	
				Cộng phát sinh tháng 12	x	700	400		x
				Cộng cuối kỳ				400	

Thủ kho
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2010
Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Đơn vị : Công ty Cổ phần Thép Việt Nhật

Địa chỉ: Km 9 Quốc lộ 5 Quận Hồng Bàng-Hải Phòng

SỔ CHI TIẾT NGUYÊN VẬT LIỆU

Tài khoản: 1521 – Nguyên liệu, vật liệu

Chi tiết : 15211 – Quặng thép

Đơn vị: Tấn

SL tồn đầu kỳ: 100

Tiền tồn đầu: 257.820.000

Ngày	Chứng từ	Diễn giải	SL nhập	T.Tiền nhập	SL xuất	Đơn giá xuất	Giá vốn xuất	SL tồn	T.Tiền tồn
03/12	PN04/12	Nhập mua quặng	400	919.258.000				500	1.177.078.000
04/12	PX08/12	Xuất kho phục vụ sản xuất			100	2.354.156	235.415.600	400	941.662.400
.....
07/12	PN16/12	Nhập mua Quặng	150	330.000.000				600	1.335.000.000
08/12	PN18/12	Nhập mua quặng	50	107.500.000				650	1.442.500.000
.....
15/12	PX16/12	Xuất kho phục vụ sản xuất			100	2.125.000	212.500.000	500	1.062.500.000
.....
31/12	PN36/12	Nhập kho quặng	100	225.436.000				400	928.040.000
		Số phát sinh tháng 12	700	1.575.060.000	400		904.840.000		
		Số dư cuối tháng 12						400	928.040.000

VD 2: Ngày 09/12/2010. Công ty cổ phần thép Việt Nhật mua 500 tấn phôi thép từ công ty thép Đình Vũ.

Tại phòng kế toán, căn cứ vào HĐGTGT số 35874 và các chứng từ có liên quan kế toán khai báo vào phần mềm kế toán để in phiếu nhập kho (Biểu 2.7). Từ số liệu đã được khai báo, máy tính sẽ tự động xử lý số liệu ghi vào sổ chi tiết TK152 (Biểu 2.13).

Cuối kỳ, máy tính tự động xử lý số liệu từ các sổ chi tiết lập bảng tổng hợp Nhập - Xuất - Tồn.

Tại kho, thủ kho căn cứ vào phiếu nhập(Biểu 2.7) vào thẻ kho(Biểu 2.12)
- Ngày 10/09, tại phòng kế toán, theo yêu cầu về xuất 300 tấn phôi thép từ phân xưởng chuyển lên đã được phê duyệt, kế toán làm thủ tục xuất phôi thép. Kế toán khai báo dữ liệu vào phần mềm kế toán, máy tính tự động tính giá quặng thép xuất kho theo phương pháp bình quân liên hoàn và in ra phiếu xuất kho (Biểu 2.9). Từ số liệu đã được khai báo, máy tính sẽ xử lý số liệu ghi vào sổ chi tiết TK152 (Biểu 2.13).

Cuối kỳ, máy tính tự động xử lý số liệu từ các sổ chi tiết lập bảng tổng hợp Nhập - Xuất - Tồn. (Biểu 2.14)

- Tại kho,thủ kho căn cứ vào phiếu xuất kho(Biểu 2.9) vào thẻ kho(Biểu 2.12).

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP VIỆT NHẬT
Km 9, quốc lộ 5, Quán Toan, Hồng Bàng, Hải Phòng

Mẫu số : S12-DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

THẺ KHO

Ngày lập thẻ: 31/12/2010

Tờ số: 01

- Tên, nhãn hiệu, quy cách vật tư: Phôi thép
- Đơn vị tính: Tấn
- Mã số : PT

STT	Ngày tháng	Số hiệu chứng từ		Diễn giải	Ngày nhập, xuất	Số lượng			Ghi chú
		Nhập	Xuất			Nhập	Xuất	Tồn	
				Tồn đầu tháng				150	
01	02/12	PN07/12		Nhập mua phôi thép	02	200		350	
02	03/12	PN09/12		Nhập mua phôi thép	03	100		450	
03	05/12	PN13/12		Nhập mua phôi thép	05	200		650	
....	
04	09/12	PN17/12		Nhập mua phôi thép	09	500		850	
05	10/12		PX11/12	Xuất kho phôi thép	10		300	550	
....	
08	12/12	PN19/12		Nhập mua phôi thép	12	100		300	
09	13/12	PN21/12		Nhập mua phôi thép	13	50		350	
....	
15	21/12		PX19/12	Xuất kho phôi thép			200	250	
....	
				Cộng phát sinh	x	1800	1600		x
				Tồn cuối tháng				350	

Thủ kho
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2010
Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Đơn vị : Công ty Cổ phần Thép Việt Nhật

Biểu 2.13

Địa chỉ: Km 9 Quốc lộ 5 Quận Hồng Bàng-Hải Phòng

SỔ CHI TIẾT NGUYÊN VẬT LIỆU

Tài khoản: 152 – Nguyên liệu, vật liệu

Chi tiết : 15212 – Phôi thép

Đơn vị NVL : Tấn

SL tồn đầu kỳ: **150**

Tiền tồn đầu: **2.305.050.000**

Ngày	Chứng từ	Diễn giải	SL nhập	T.Tiền nhập	SL xuất	Đơn giá xuất	Giá vốn xuất	SL tồn	T.Tiền tồn
02/12	PN07/12	Nhập mua phôi thép	200	3.029.450.800				350	5.334.500.800
03/12	PN09/12	Nhập mua phôi thép	100	1.569.820.000				450	6.904.320.800
05/12	PN13/12	Nhập mua phôi thép	200	3.049.640.000				650	9.953.960.800
.....
09/12	PN17/12	Nhập mua phôi thép	500	7.843.500.000				850	12.929.779.250
10/12	PX11/12	Xuất kho phục vụ sản xuất			300	15.211.505	4.563.451.500	550	8.366.327.750
.....
12/12	PN19/12	Nhập mua phôi thép	150	2.298.350.000				300	4.595.145.000
.....
21/12	PX19/12	Xuất kho phục vụ sản xuất			200	15.209.150	3.041.830.100	250	3.802.287.500
.....
		Số phát sinh tháng 12	1.800	27.228.920.800	1600		24.174.065.800		
		Số dư cuối tháng 12						350	5.359.905.000

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP VIỆT NHẬT
Km 9, quốc lộ 5, Quán Toan, Hồng Bàng, Hải Phòng

Mẫu số B07 - H
(Ban hành theo QĐ số : 15/2006/QĐ-BTC ngày
20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

BÁO CÁO NHẬP XUẤT TỒN KHO VẬT TƯ HÀNG HOÁ

Tài khoản : 152 – Nguyên vật liệu

STT	Tên vật tư	Đơn vị tính	Tồn đầu kỳ		Nhập		Xuất		Tồn cuối kỳ	
			SL	TT	SL	TT	SL	TT	SL	TT
...	I.Nhóm vật liệu chính									
1	Thép phế A1	Tấn	200	1.760.000.000	150	1.320.000.000	320	2.816.000.000	30	264.000.000
....
3	Phôi thép	Tấn	150	2.305.050.000	1800	27.228.920.800	1600	24.174.065.800	350	5.359.905.000
....
5	Quặng thép	Tấn	100	257.820.000	700	1.575.060.000	400	904.840.000	400	928.040.000
	II. Nhóm nguyên liệu									
12	Than đá	Tấn	500	1.000.000.000	1500	3.000.000.000	1700	3.400.000.000	300	600.000.000
....
15	Than bùn	Tấn	100	6.0000.000	300	18.000.000	400	24.000.000	-	-
....
	Cộng			11.705.498.000		135.684.215.600		139.252.992.500		8.136.721.100

Lập, ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người lập biểu

(Chữ ký, họ tên)

Phụ trách kế toán

(Chữ ký, họ tên)

Thủ trưởng đơn vị

(Chữ ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu 2.14

2.2.2: Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu tại công ty Cổ phần thép Việt Nhật

Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu là việc phản ánh một cách tổng quát tình hình nhập xuất nguyên vật liệu thông qua các tài khoản kế toán.

Để phục vụ cho công tác kế toán tổng hợp nguyên vật liệu, hiện nay Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để ghi chép các nghiệp vụ nhập xuất tồn trên các tài khoản kế toán hàng tồn kho.

2.2.3.1. Chứng từ sử dụng:

Công ty áp dụng hệ thống chứng từ do Bộ tài chính ban hành sử dụng trong hạch toán nguyên vật liệu bao gồm các loại: Hoá đơn GTGT, phiếu nhập kho, phiếu xuất kho, và các chứng từ khác có liên quan.

2.2.3.2. Tài khoản sử dụng:

Để hạch toán tổng hợp nguyên vật liệu, Công ty cổ phần thép Việt Nhật sử dụng tài khoản 152- “Nguyên liệu, vật liệu”.

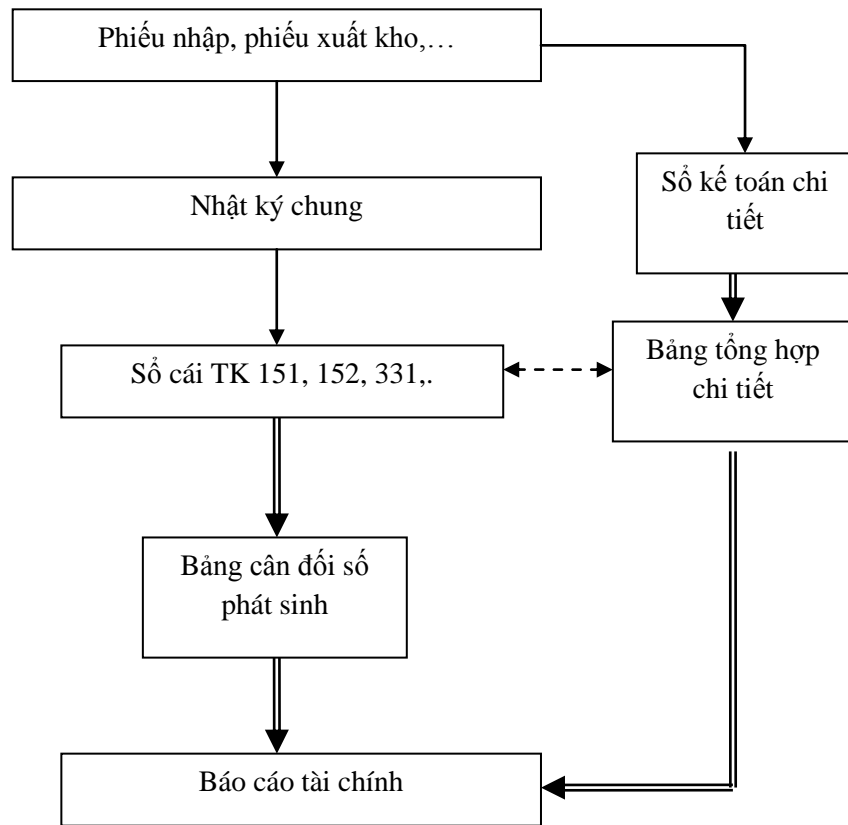
Và các tài khoản liên quan: TK 111, TK 112, TK 133, TK 331, TK 621, TK 627, TK 632, TK 641, ...

Tài khoản 152 “Nguyên liệu, vật liệu”: Tài khoản này dùng để phản ánh giá thực tế nguyên liệu, vật liệu nhập- xuất- tồn.




2.2.3.3. Quy trình hạch toán:

Công ty đang sử dụng hệ thống phần mềm kế toán máy ESOFT theo sổ Nhật ký chung.

Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chung



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày: 
- Ghi cuối quý: 
- Đối chiếu : 

Từ các hoá đơn, chứng từ kế toán, kế toán nhập dữ liệu vào máy tính qua cửa sổ nhập dữ liệu của phần mềm kế toán.

Sau đó, phần mềm kế toán sẽ tự động cập nhật dữ liệu tới sổ nhật ký chung và các sổ cái có liên quan. Từ nhật ký chung vào sổ cái TK152. Khi cần theo dõi theo các loại tài khoản, chứng từ, ... kế toán sẽ sử dụng chức năng tìm kiếm dữ liệu trên phần mềm đó cài đặt sẵn

VD :Ngày 03/12 công ty mua quặng của công ty Cổ phần thép Thái Nguyên theo HĐGTGT số 04384.

Kế toán sẽ khai báo số liệu và phần mềm để in ra phiếu nhập. Từ phiếu nhập (Biểu 2.4) và chứng từ có liên quan sẽ được máy tính xử lý ghi vào Nhật Ký Chung (Biểu 2.15). Từ sổ Nhật Ký Chung ghi vào Sổ Cái Tk 152 (Biểu 2.16), TK133, TK112. Đồng thời kế toán khai báo số liệu vào hệ thống sổ chi tiết nguyên vật liệu (Đã trình bày ở phương pháp thẻ song song).

- Cuối kỳ căn cứ vào sổ cái các TK , kế toán thực hiện các thao tác trên máy lập bảng cân đối số phát sinh.

VD: Ngày 09/12 công ty mua phôi của công ty thép Đình Vũ theo HĐGTGT số 04384.

Kế toán sẽ khai báo số liệu và phần mềm kế toán để in ra phiếu nhập. Từ phiếu nhập (Biểu 2.7) và chứng từ có liên quan sẽ được máy tính xử lý ghi vào Nhật Ký Chung (Biểu 2.15). Từ sổ Nhật Ký Chung ghi vào Sổ Cái TK152 (Biểu 2.16), TK133, TK112. Đồng thời kế toán khai báo số liệu vào hệ thống sổ chi tiết nguyên vật liệu (Đã trình bày ở phương pháp thẻ song song)

- Cuối kỳ căn cứ vào sổ cái các TK , kế toán thực hiện các thao tác trên máy lập bảng cân đối số phát sinh.

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP VIỆT NHẬT

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Tài khoản: Tất cả

Từ ngày 01/12/2010 đến ngày 31/12/2010

Số C từ	Ngày C từ	Diễn giải	Tk đ/ứ	Phát sinh	
				Nợ	Có
.....
PN04/12	03/12/10	Nhập kho quặng thép	152	919.258.000	
			133	91.925.800	
			112		1.011.183.800
.....
PX08/12	04/12/10	Xuất quặng thép đưa vào SX	621	235.415.600	
			152		235.415.600
.....
TP 12	05/12/10	Nhập kho thành phẩm tháng 12	155	5.709.298.588	
HĐ2458	05/12/10	Mua pittong dây của LILAMA	211	250.000.000	
		Thuế GTGT được khấu trừ	133	25.000.000	
		Phải trả nợ bán	331		275.000.000
PC015	06/12/10	TT tiền vật tư theo HĐ 004177	331	57.363.600	
		Chi phí khác	635	34.418	
		Thuế GTGT được khấu trừ	133	3.442	
		Tiền mặt	111		57.401.460
.....
PN17/12	09/12/10	Nhập kho phôi thép	152	7.843.500.000	
			133	784.350.000	
			112		8.627.850.000
PX11/12	10/12/10	Xuất phôi thép đưa vào SX	621	4.563.451.500	
			152		4.563.451.500
.....
		Tổng cộng		731.415.286.056	731.415.286.056

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

Kế toán trưởng

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP VIỆT NHẬT

SỔ CÁI TÀI KHOẢN

Từ ngày: 01/12/2010 đến ngày: 31/12/2010

Tài khoản 152 – nguyên liệu, vật liệu

Ngày	Số CT	Diễn giải	TK ĐƯ	SP nợ	PS có
		Số dư đầu kỳ		11.705.498.000	
.....
03/12	PN04/12	Nhập quặng thép	112	919.258.000	
04/12	PX08/12	Xuất quặng thép phục vụ sx	621		235.415.600
.....
08/12	CT0155	Nhận oxy cho thợ	3311	1.080.000	
09/12	PN17/12	Nhập phôi thép	112	7.843.500.000	
10/12	PX11/12	Xuất phôi thép phục vụ sx	621		4.563.451.500
.....
18/12	CT0159	Nhận oxy cho thợ	3311	1.080.000	
20/12	PN05451	Nhập phụ tùng thay thế	3311	17.812.242	
22/12	PX19/12	Xuất phôi thép vào SX	621		5.364.932.782
23/12	CT0167	Vật liệu phụ	33113	110.523.573	
23/12	PN28/12	Nhập dầu FO	3311	147.561.732	
24/12	CT0174	Vật liệu phụ	3311	36.976.706	
25/12	CT0179	Nhận oxy cho thợ	3311	1.080.000	
26/12	CT0183	Nhập phụ tùng thay thế	3311	463.218.971	
.....
		Cộng số phát sinh		135.684.215.600	139.252.992.500
		Dư cuối kỳ		8.136.721.100	

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Kế toán ghi sổ

Kế toán trưởng

2.2.3. Công tác tổ chức kiểm kê vật tư.

Mục đích của kiểm kê nguyên vật liệu là để xác định lại số lượng, giá trị và chất lượng nguyên vật liệu còn tồn kho, phát hiện chênh lệch giữa sổ sách với thực tế nhằm bảo vệ tài sản và chấn chỉnh công tác quản lý nguyên vật liệu tại Công ty.

Hiện nay, Công ty đã tổ chức kiểm kê toàn bộ nguyên vật liệu 06 tháng một lần tại các kho trong doanh nghiệp. Số liệu kiểm kê trên sổ sách kế toán phải được chuẩn bị từ trước theo từng loại, từng kho hoặc đơn vị quản lý sử dụng tài sản để phân nhóm tổ chức kiểm kê.

Biên bản kiểm kê không chỉ có nhiệm vụ kiểm đếm chính xác số hiện có của nguyên vật liệu, mà còn phải xác định chính xác phẩm chất, tình trạng hiện có của chúng. Kết quả kiểm kê được phản ánh trên Biên bản kiểm kê. Kết quả kiểm kê được tổng hợp, báo cáo lãnh đạo Công ty xem xét và cho phương án xử lý theo quy định chung. Biên bản kiểm kê là cơ sở để kế toán ghi sổ kế toán cho niên độ mới tiếp theo.

BIÊN BẢN KIỂM KÊ NGUYÊN VẬT LIỆU TỒN

Tháng 12/2010

Hôm nay, ngày 31/12/2010 chúng tôi gồm có :

- Ông : Lê Đức Hùng :Thủ kho

- Bà : Bùi Thị Chi :Nhân viên xưởng sản xuất

tiến hành kiểm đếm lượng phôi thép lúc 19 giờ ngày 31/12/2010. Chứng loại và số lượng như sau :

Tên vật tur	ĐVT	Đơn giá	Số sách		Thực tế		Chênh lệch			
			SL	TT	SL	TT	Thừa		Thiếu	
							SL	TT	SL	TT
.....
Phôi thép	Tấn	12.873.533	350	5.359.905.000	100	5.359.905.000	-	-	-	-
Quặng thép	Tấn	1.732.500	400	928.040.000	400	928.040.000	-	-	-	-
Gang	Tấn	9.000.000	200	1.800.000.000	200	1.800.000.000	-	-	-	-
.....
Cộng				8.136.721.100		8.136.721.100	-	-	-	-

Thủ kho Kế toán Kiểm soát Kế toán trưởng Lãnh đạo công ty Lãnh đạo phân xưởng

Biểu 2.17

CHƯƠNG 3:

MỘT SỐ BIỆN PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP VIỆT NHẬT.

3.1. Nhận xét chung về công tác kế toán nguyên vật liệu:

Qua nhiều năm xây dựng và trưởng thành, Công ty cũng gặp rất nhiều khó khăn, song với chiến lược sản xuất kinh doanh nhạy bén và đúng đắn, sự nỗ lực của Ban lãnh đạo công ty cùng với cán bộ công nhân viên, công ty đã có tốc độ tăng trưởng nhanh chóng. Và ghi dấu ấn vững mạnh trên thị trường sản xuất vật liệu xây dựng bằng việc quan tâm đầu tư phát triển thương hiệu.

Trong nền kinh tế thị trường như hiện nay, Công ty đã từng bước khẳng định tính độc lập, tự chủ trong kinh doanh; biết khai thác, phát huy và sử dụng có hiệu quả nội lực tiềm năng sẵn có của mình.

Trong thời gian thực tập tốt nghiệp tại Công ty cổ phần thép Việt Nhật, được sự giúp đỡ nhiệt tình của ban lãnh đạo và các phòng ban, đặc biệt là phòng kế toán tài vụ đã tạo điều kiện cho em từng bước tiếp cận với thực tế công tác kế toán tại doanh nghiệp. Với kiến thức được học trong nhà trường kết hợp với việc liên hệ và tìm hiểu thực tế công tác kế toán nói chung và công tác kế toán nguyên vật liệu nói riêng tại Công ty cổ phần thép Việt Nhật có những ưu điểm và những hạn chế sau:

3.1.1. Ưu điểm.

Cùng với sự phát triển của Công ty, tập thể ban lãnh đạo cũng không ngừng nâng cao chất lượng của công tác quản lý như: áp dụng khoa học kỹ thuật vào nhằm nâng cao hiệu quả công việc, tiết kiệm thời gian, đem lại lợi ích tối đa cho Công ty, góp phần nâng cao đời sống cho cán bộ công nhân viên toàn Công ty và đóng góp một phần không nhỏ vào công cuộc xây dựng đất nước.

***Về tổ chức bộ máy kế toán:**

Bộ máy kế toán của Công ty được tổ chức gọn nhẹ, hoạt động có hiệu quả, thực hiện theo đúng chế độ kế toán hiện hành. Trong phòng tài chính kế toán, các nhân viên kế toán có trình độ, nhiệt tình trong công tác cũng như nhạy bén trong việc xử lý các nghiệp vụ kinh tế phát sinh và tổng hợp thông tin kế toán. Mỗi kế toán viên được phân công nhiệm vụ cụ thể với từng phần hành cụ thể một cách hợp lý. Các kế toán viên phải chịu trách nhiệm trước kế toán trưởng về phần hành của mình, đảm bảo cung cấp thông tin kế toán nhanh chóng, kịp thời, chính xác cho đối tượng sử dụng. Điều này giúp cho công tác quản lý của Công ty nói chung và công tác kế toán nói riêng đã không ngừng củng cố và lớn mạnh.

Công ty cổ phần thép Việt Nhật đã áp dụng tin học vào công tác kế toán với việc áp dụng phần mềm ESOFIT, một phần mềm trong kế toán giúp giảm thiểu công việc ghi chép thủ công hàng ngày đồng thời làm tăng năng suất của công tác kế toán, tiết kiệm chi phí cho doanh nghiệp trong quản lý. Thông tin cung cấp nhanh nhạy tạo sự thông suốt về công tác tài chính kế toán giúp cho người quản lý đưa ra các quyết định kịp thời, chính xác trong hoạt động sản xuất kinh doanh. Ngoài ra làm kế toán bằng phần mềm tạo khả năng cho nhiều người sử dụng đồng thời trên mạng trong cùng một hệ thống kế toán mà vẫn đảm bảo tính bảo mật cao trong công việc của mỗi người.

***Về công tác quản lý thu mua nguyên vật liệu:**

Vấn đề quản lý chặt chẽ các yếu tố đầu vào là yếu tố sống còn đối với mỗi doanh nghiệp, đặc biệt là các doanh nghiệp sản xuất, bởi nó ảnh hưởng đến lợi nhuận của Công ty, đến sự tồn tại của Công ty trong việc cạnh tranh gay gắt với các doanh nghiệp khác trong nền kinh tế thị trường hiện nay. Do vậy việc quản trị doanh nghiệp nói chung và công tác kế toán trong doanh nghiệp nói riêng, đặc biệt là công tác kế toán nguyên vật liệu luôn được các nhà quản lý quan tâm. Nguyên vật liệu được quản lý chặt chẽ từ khâu thu mua, vận chuyển và xuất nguyên vật liệu cho các tổ sản xuất. Công tác thu mua nguyên vật liệu luôn được

đảm bảo về mặt chất lượng, số lượng, đáp ứng ngay khi có yêu cầu, góp phần đảm bảo tiến độ theo hợp đồng.

***Về tổ chức vận dụng hệ thống chứng từ, tài khoản, sổ sách kế toán.**

Hệ thống chứng từ, tài khoản kế toán tại Công ty đang áp dụng theo đúng chế độ kế toán hiện hành. Hệ thống chứng từ được lập, kiểm tra, luân chuyển phù hợp với các nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Đồng thời phản ánh đầy đủ, kịp thời, chính xác, đảm bảo nhanh chóng phản ánh tình hình biến động của Công ty.

Hình thức kế toán công ty áp dụng là hình thức Nhật ký chung. Đây là hình thức đơn giản phù hợp với quy mô của Doanh nghiệp, đồng thời trong điều kiện Công ty đã áp dụng kế toán máy thì giúp hệ thống hoá thông tin chính xác, khoa học. Hệ thống sổ sách báo cáo của Công ty cũng khá linh hoạt và đầy đủ phù hợp với chế độ quy định của nhà nước.

***Về tổ chức công tác kế toán nguyên vật liệu:**

Công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán nguyên vật liệu. Phương pháp này có nhiều ưu điểm vì hàng tồn kho, đặc biệt là nguyên vật liệu luôn được theo dõi, kiểm tra thường xuyên, liên tục, kịp thời, phù hợp với đặc điểm sản xuất kinh doanh của Công ty. Phương pháp này đã giúp Công ty quản lý, theo dõi và kiểm tra nguyên vật liệu chính xác, kịp thời; là một lựa chọn đúng đắn của Công ty.

- Việc xác định mức tiêu hao nguyên vật liệu tại Công ty được tính toán chi tiết cụ thể cho từng loại nguyên vật liệu, nên việc cung cấp nguyên vật liệu cho từng công trình được thực hiện rất nhanh chóng khi có yêu cầu.

Để hạch toán chi tiết nguyên vật liệu, Công ty áp dụng phương pháp ghi thẻ song song, phù hợp với đặc điểm nguyên vật liệu phong phú, đa dạng. Kế toán nguyên vật liệu có thể theo dõi chặt chẽ tình hình nhập xuất tồn nguyên vật liệu, việc quản lý nguyên vật liệu của Công ty đạt hiệu quả cao.

Tóm lại, việc hạch toán nguyên vật liệu tại Công ty đã đạt được những thành tựu nhất định trong việc phản ánh, giám sát tình hình hoạt động của Công

ty cũng như tình hình nguyên vật liệu phục vụ cho sửa chữa tại các công trình giúp các nhà quản trị đưa ra được các quyết định đúng đắn, góp phần quan trọng vào việc đảm bảo hoạt động kinh doanh đồng thời đảm bảo tối đa hóa lợi nhuận cho Công ty.

3.1.2. Hạn chế.

Bên cạnh những ưu điểm đã đề cập ở trên, công tác kế toán nói chung và công tác kế toán nguyên vật liệu nói riêng của Công ty, còn bộc lộ những mặt hạn chế cần khắc phục:

*** Bộ máy kế toán và phần mềm**

- Bộ máy kế toán của Doanh nghiệp còn cồng kềnh, vẫn còn những phòng ban chưa rõ chức năng cũng như các chức năng nhiệm vụ còn trùng lặp
- Phần mềm ESOFT của công ty được ra đời từ năm 2006 và đã có dấu hiệu lỗi thời, không hoàn toàn phù hợp với tình hình của Doanh nghiệp

*** Về hệ thống kho bãi.**

Do Công ty chỉ có bốn kho để lưu trữ và bảo quản nguyên vật liệu với số nguyên vật liệu rất lớn. Có những thời gian nguyên vật liệu mua về dự trữ cho sản xuất thì bốn kho không đảm bảo chứa hết các loại nguyên vật liệu. Trong trường hợp đó thì nguyên vật liệu phải để ngoài sân kho. Với đặc điểm dễ bị ảnh hưởng bởi thời tiết như mưa gió mà không được che đậy cẩn thận sẽ rất dễ dẫn đến tình trạng nguyên vật liệu bị mất giá trị, giảm chất lượng.

Ngoài ra, việc sắp xếp nguyên vật liệu trong kho cũng chưa thật hợp lý bởi nhiều khi chưa xây dựng được hệ thống kho đủ tiêu chuẩn để sắp xếp riêng biệt các loại nguyên vật liệu.

*** Về xây dựng định mức dự trữ nguyên vật liệu.**

Hiện tại Công ty chưa xây dựng định mức dự trữ nguyên vật liệu mà thường có kế hoạch thu mua khi phát sinh nhu cầu. Vì vậy dễ dẫn đến tình trạng là khi dự trữ quá nhiều một loại nguyên vật liệu mà không sử dụng hết ngay gây

nên tình trạng ứ đọng vốn, chất lượng của nguyên vật liệu bị giảm sút. Nếu dự trữ thiếu có thể làm cho doanh nghiệp phải ngừng sản xuất.

***Về tình hình sử dụng nguyên vật liệu.**

Trong công tác quản lý và nâng cao hiệu suất sử dụng nguyên vật liệu thì công tác phân tích tình hình sử dụng và nâng cao hiệu suất sử dụng nguyên vật liệu là một trong những biện pháp cần thiết. Tuy nhiên, tại Công ty công tác này hiện chưa được quan tâm và thực hiện.

***Về trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.**

Hiện nay Công ty chưa thực hiện việc trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho, trong khi đó giá cả nguyên vật liệu thay đổi liên tục. Như vậy, các khoản thiệt hại thực tế xảy ra do vật tư, hàng hoá tồn kho giảm giá sẽ không được bù đắp, không lường trước được những rủi ro trong kinh doanh.

***Về việc phân định kế toán tài chính và kế toán quản trị.**

Kế toán Công ty chưa phân biệt kế toán tài chính và kế toán quản trị. Kế toán quản trị với chức năng chủ yếu là cung cấp thông tin cho các đối tượng trong nội bộ doanh nghiệp nên có thể cung cấp thông tin nhanh chóng và đáp ứng được yêu cầu của nhà quản lý một cách đầy đủ và chính xác nhất khi có yêu cầu. Tại Công ty hiện nay chủ yếu là kế toán tài chính.

3.2. Một số biện pháp nhằm hoàn thiện tổ chức công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty cổ phần thép Việt Nhật.

Để tồn tại và phát triển trong nền kinh tế thị trường như hiện nay, đưa Công ty cổ phần thép Việt Nhật ngày càng phát triển đi lên đòi hỏi các nhà quản lý phải không ngừng đi sâu vào tìm hiểu, phát huy những điểm mạnh của doanh nghiệp và khắc phục những hạn chế còn tồn tại.

Hạch toán kế toán là bộ phận cấu thành của công cụ quản lý điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của mỗi doanh nghiệp, đồng thời cũng là công cụ đắc lực phục vụ cho Nhà nước trong quản lý, lãnh đạo, chỉ đạo kinh doanh.

Chỉ có dựa trên những thông tin trung thực, chính xác của kế toán mới giúp cho các nhà quản trị có thể đưa ra những quyết định đúng đắn, hữu hiệu nhất. Do đó việc nghiên cứu đi sâu vào tìm hiểu để hoàn thiện công tác kế toán nói chung và công tác kế toán nguyên vật liệu nói riêng cần phải tuân thủ những yêu cầu sau:

- Các biện pháp hoàn thiện phải được xây dựng trên cơ sở tôn trọng cơ chế tài chính, tôn trọng chế độ kế toán hiện hành. Tổ chức công tác kế toán ở các đơn vị kinh tế được phép vận dụng và cải tiến cho phù hợp với tình hình quản lý tại đơn vị mình, không bắt buộc phải dập khuôn theo chế độ, nhưng trong khuôn khổ nhất định vẫn phải tôn trọng chế độ hiện hành về quản lý tài chính của Nhà nước.

- Kế toán là khoa học thu nhận, xử lý thông tin phục vụ cho yêu cầu quản lý của các nhà quản trị doanh nghiệp. Do vậy các thông tin về kế toán đưa ra phải chính xác, kịp thời, phù hợp yêu cầu; giúp cho các nhà quản trị đưa ra được các quyết định đúng đắn, đạt kết quả tối ưu. Đây là yêu cầu không thể thiếu trong công tác kế toán.

- Hoàn thiện tổ chức công tác kế toán nhưng phải phù hợp với đặc điểm của doanh nghiệp (đặc điểm sản xuất kinh doanh, trình độ của các kế toán viên, tình hình tài chính hiện tại của doanh nghiệp...) phải đạt được mục tiêu tối thiểu hóa chi phí, tối đa hóa lợi nhuận.

- Hoàn thiện nhưng phải dựa trên cơ sở tiết kiệm chi phí vì mục đích hoạt động của các doanh nghiệp là tối đa hoá lợi nhuận. Để đạt được mục tiêu này, cùng với việc không ngừng tăng doanh thu, doanh nghiệp cần phải có các biện pháp hữu hiệu hạ thấp chi phí có thể được. Đây cũng là một nhu cầu tất yếu đặt ra với các doanh nghiệp trong nền kinh tế thị trường.

Qua quá trình thực tập tại Công ty cổ phần thép Việt Nhật, tìm hiểu về quá trình hình thành và phát triển của Công ty cũng như tổ chức công tác kế toán, bài viết đưa ra một số kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác kế toán, đặc biệt là công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty.

3.2.1: Kiến nghị về bộ máy kế toán và phần mềm kế toán

3.2.1.1: Bộ máy kế toán

Bộ máy kế toán của một doanh nghiệp là tập hợp những người làm kế toán tại doanh nghiệp cùng với các phương tiện trang thiết bị dùng để ghi chép, tính toán xử lý toàn bộ thông tin liên quan đến công tác kế toán tại doanh nghiệp từ khâu thu nhận, kiểm tra, xử lý đến khâu tổng hợp, cung cấp những thông tin kinh tế về các hoạt động của đơn vị. Vấn đề nhân sự để thực hiện công tác kế toán có ý nghĩa quan trọng hàng đầu trong tổ chức kế toán của doanh nghiệp. Tổ chức nhân sự như thế nào để từng người phát huy được cao nhất sở trường của mình, đồng thời tác động tích cực đến những bộ phận hoặc người khác có liên quan là mục tiêu của tổ chức bộ máy kế toán.

Bộ máy kế toán của công ty cổ phần thép Việt Nhật hiện nay gồm quá nhiều phòng ban và mỗi phòng ban nhiệm vụ chức năng hầu hết là không rõ ràng. Có nhiều phòng ban nhiệm vụ và chức năng trùng lặp gây ra việc kém hiệu quả trong công tác tổ chức và quản lý. Việc phân chia lại nhiệm vụ các phòng ban là rất cần thiết vì qua đó có thể tăng được hiệu quả quản lý và nâng cao được sự cạnh tranh của công ty với các đối thủ cạnh tranh

3.2.1.2: Phần mềm kế toán

- Để sử dụng hiệu quả phần mềm kế toán, trước hết doanh nghiệp phải mở các lớp hướng dẫn sử dụng phần mềm, hướng dẫn thêm các nghiệp vụ trước khi sử dụng phần mềm kế toán.

- Mời kỹ thuật viên về phần mềm kế toán cập nhật các chế độ kế toán mới đồng thời hướng dẫn kỹ năng sử dụng phần mềm cho nhân viên kế toán.

- Cập nhật các phiên bản phần mềm mới tránh lỗi thời

3.2.2: Hệ thống kho bãi

Hiện tại hệ thống kho bãi để lưu trữ và bảo quản nguyên vật liệu của Công ty còn thiếu, vẫn phải để ngoài trời, mưa nắng sẽ làm giảm phẩm chất của nguyên vật liệu. Do vậy, Công ty cần xây dựng thêm kho hoặc thuê thêm kho để dự trữ nguyên vật liệu, vừa đảm bảo quản lý tốt hơn về số lượng và chất lượng vật tư, nâng cao giá trị của nguyên vật liệu trong quá trình sản xuất.

Ngoài ra, Công ty cần tính toán đầu tư xây dựng một hệ thống kho theo đúng quy chuẩn yêu cầu bảo đảm nghiêm ngặt các điều kiện về giao thông, an toàn phòng chống cháy nổ, ... thuận tiện cho việc tiếp nhận, vận chuyển, bốc dỡ, xếp hàng, bảo quản, phân loại, đóng gói, kiểm nghiệm, giao hàng.

Đối với các nguyên vật liệu đặc biệt cần có chế độ bảo quản riêng tuân thủ theo đúng yêu cầu của nhà sản xuất hoặc tư vấn chuyên môn để tránh gây hư hỏng và ảnh hưởng đến nguyên vật liệu. Cần có một hệ thống kho đủ tiêu chuẩn, điều kiện để sắp xếp và phân loại nguyên vật liệu một cách khoa học và hợp lý đảm bảo tính an toàn cho từng loại nguyên vật liệu.

Công ty có thể khai thác vốn đầu tư từ nhiều nguồn: nguồn tích lũy nội bộ, nguồn vốn vay ngân hàng,...

Đây là một vấn đề mà công ty cần nhanh chóng lên kế hoạch chi tiết và đầu tư để đảm bảo cho việc quản lý nguyên vật liệu được tốt hơn, dễ dàng cho khâu kiểm soát và kiểm kê nguyên vật liệu.

3.2.3: Xây dựng định mức dự trữ nguyên vật liệu.

Trong nền kinh tế thị trường có sự cạnh tranh khốc liệt như hiện nay, nhiều biến động xảy ra có thể ảnh hưởng đến kế hoạch sản xuất của Công ty và ảnh hưởng đến giá thành sản phẩm. Do vậy, nếu Công ty không xác định mức dự trữ nguyên vật liệu thì kế hoạch sản xuất của Công ty có thể bị ngưng trệ làm ảnh hưởng đến kết quả sản xuất kinh doanh.

Tuy nhiên, nếu Công ty dự trữ nguyên vật liệu quá lớn sẽ làm ứ đọng vốn, gây khó khăn trong việc quay vòng vốn của doanh nghiệp và phát sinh các chi phí liên quan. Ngược lại, nếu dự trữ ít thì khi nguyên vật liệu trên thị trường khan hiếm hoặc giá cả nguyên vật liệu giảm sẽ làm ảnh hưởng đến chi phí sản xuất kinh doanh. Nguyên vật liệu bị thiếu, có thể làm cho doanh nghiệp phải ngừng sản xuất. Vì vậy, Công ty nên xây dựng định mức dự trữ tối đa và tối thiểu cho từng loại nguyên vật liệu, tránh việc dự trữ quá nhiều hay quá ít một loại nguyên vật liệu nào đó.

Việc xây dựng này căn cứ trên kế hoạch, định mức tiêu hao cho từng loại nguyên vật liệu cũng như tình hình, khả năng của Công ty.

- Định mức giá cho một đơn vị nguyên vật liệu trực tiếp phản ánh giá cuối cùng của một đơn vị nguyên vật liệu trực tiếp sau khi đã trừ đi mọi khoản chiết khấu:

$$\begin{array}{l} \text{Định mức} \\ \text{giá của một} \\ \text{đơn vị NVL} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Giá mua} \\ \text{đơn vị} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Chi phí} \\ \text{chuyên chở} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Chi phí} \\ \text{nhập kho,} \\ \text{bốc xếp} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Chiết khấu} \\ \text{(Nếu có)} \end{array}$$

- Định mức lượng nguyên vật liệu trực tiếp cho một đơn vị sản phẩm phản ánh số lượng nguyên vật liệu tiêu hao cho một đơn vị thành phẩm, có cho phép những hao trong định mức:

$$\begin{array}{l} \text{Định mức lượng} \\ \text{NVL trực tiếp cho} \\ \text{một đơn vị sản} \\ \text{phẩm} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Lượng NVL cần} \\ \text{thiết để sản xuất} \\ \text{một đơn vị sản} \\ \text{phẩm} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Mức hao} \\ \text{hụt cho} \\ \text{phép} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Mức NVL cho} \\ \text{sản phẩm hỏng} \\ \text{(cho phép)} \end{array}$$

Từ đó định mức chi phí nguyên vật liệu của một đơn vị sản phẩm được xác định như sau:

$$\begin{array}{l} \text{Định mức chi phí một đơn} \\ \text{vị sản phẩm} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Định mức giá một đơn} \\ \text{vị NVL} \end{array} \times \begin{array}{l} \text{Định mức} \\ \text{lượng NVL} \end{array}$$

Giá tiêu chuẩn về nguyên vật liệu thường được xác định bởi nhân viên phòng kế hoạch vật tư. Nhân viên cung ứng thường tập hợp giá nguyên vật liệu của các nhà cung cấp khác nhau, để từ đó chọn một nhà cung cấp có thể đáp ứng các yêu cầu về chất lượng nguyên vật liệu cũng như giá cả phù hợp.

Lượng tiêu chuẩn về nguyên vật liệu trực tiếp thường được xác định bởi các kỹ sư và giám đốc sản xuất, căn cứ trên tình hình sử dụng thực tế.

Xây dựng được định mức dự trữ sẽ đảm bảo cho nguyên vật liệu vừa đủ, đáp ứng kịp thời nhu cầu sử dụng, hoạt động sản xuất được diễn ra thường xuyên, liên tục, không bị ngưng trệ cũng như nắm bắt kịp thời các cơ hội trong kinh doanh. Ngoài ra vấn đề nguyên vật liệu sẽ ít bị ứ đọng, số vốn đó có thể

quay vòng cho các loại nguyên vật liệu khác hoặc cho các hoạt động tài chính, đồng thời sử dụng tiết kiệm vốn.

Công ty có thể sử dụng Báo cáo dự báo vật tư theo kế hoạch sản xuất, kinh doanh như sau:

Đơn vị:

Bộ phận:

**BÁO CÁO DỰ BÁO VẬT TƯ THEO KẾ HOẠCH
SẢN XUẤT, KINH DOANH**

Tháng Quý.....Năm....

Mã số	Tên, quy cách vật tư	Đvt	Nhu cầu			Số tồn kho thực tế	Số cần nhập bổ sung
			Kế hoạch	Đã sử dụng	Số chưa sử dụng		
A	B	C	1	2	3	4	5

Ngày tháng năm.....

Kế toán trưởng

PT bộ phận báo cáo

Người lập

3.2.4: Về tình hình sử dụng nguyên vật liệu.

Để tăng cường quản lý và nâng cao hiệu suất sử dụng nguyên vật liệu thì một trong những biện pháp cần thiết đó là công tác phân tích tình hình sử dụng và nâng cao hiệu suất sử dụng nguyên vật liệu. Tuy nhiên, tại Công ty hiện nay, công tác phân tích tình hình sử dụng nguyên vật liệu nhìn chung chưa được quan tâm và thực hiện. Vì vậy, Công ty có thể thực hiện việc phân tích tình hình sử dụng nguyên vật liệu như sau:

- Để đánh giá chung các tiềm năng sử dụng nguyên vật liệu, ta sử dụng chỉ tiêu hiệu suất sử dụng nguyên vật liệu.

$$\text{Hiệu suất sử dụng NVL} = \frac{\text{Giá trị sản lượng}}{\text{Chi phí nguyên vật liệu}}$$

Hiệu suất sử dụng nguyên vật liệu biểu hiện một đồng nguyên vật liệu tham gia vào sản xuất trong kỳ đem lại bao nhiêu đồng giá trị sản lượng. Hiệu suất này càng cao chứng tỏ chất lượng công tác quản lý và sử dụng nguyên vật liệu càng tốt.

- Phân tích tình hình cung cấp nguyên vật liệu: để khai thác tiềm năng sử dụng nguyên vật liệu cho sản xuất phải thường xuyên và định kỳ phân tích tình hình cung cấp nguyên vật liệu theo các yêu cầu sau đây:

+ Thường xuyên kiểm tra nguyên vật liệu tồn kho so với định mức dự trữ để giải quyết tình hình định mức không hợp lý.

+ Căn cứ vào tình hình cung cấp thực tế đối chiếu với các hợp đồng đã ký, kiểm tra tình hình thực hiện kế hoạch cung cấp và tiến độ sản xuất để phát hiện việc mất cân đối giữa nhu cầu và khả năng cung cấp, không thể thiếu hụt nguyên vật liệu dẫn đến phải ngừng sản xuất.

Dựa trên cơ sở phân tích một cách khoa học tình hình sử dụng nguyên vật liệu, những phương hướng và biện pháp sử dụng hợp lý, tiết kiệm nguyên vật liệu cần được áp dụng là:

- Không ngừng giảm bớt phế liệu, phế phẩm, hạ thấp định mức tiêu dùng nguyên vật liệu.

+ Công ty cần cải tiến kỹ thuật, đầu tư đổi mới công nghệ, thiết bị. Ứng dụng công nghệ, thiết bị hiện đại vào sản xuất.

+ Công ty cần đào tạo thường xuyên, đào tạo nâng bậc kỹ thuật để nâng cao trình độ tay nghề cho công nhân.

+ Xây dựng hệ thống định mức tiên tiến và hiện thực, đồng thời thực hiện tốt hệ thống định mức tiêu dùng nguyên vật liệu.

+ Xây dựng và thực hiện nghiêm chỉnh chế độ sử dụng, bảo quản, sửa chữa, bảo dưỡng máy móc thiết bị.

+ coi trọng việc hạch toán nguyên vật liệu, phế phẩm.

- Triệt để thu hồi và tận dụng phế liệu, phế phẩm: là một nội dung quan trọng thể hiện sự quán triệt nguyên tắc tiết kiệm trong quản lý kinh tế. Vì nó mang lại hiệu quả cao hơn so với việc sử dụng nguyên vật liệu tự khai thác chế biến.

- Xoá bỏ mọi hao hụt, mất mát, hư hỏng nguyên vật liệu do nguyên nhân chủ quan gây ra.

+ Để thực hiện tốt phương hướng này cần nâng cao trách nhiệm trong công tác thu mua, vận chuyển, bao gói, bốc dỡ, kiểm nghiệm, bảo quản nguyên vật liệu trong kho và cấp phát nguyên vật liệu cho sản xuất.

+ Kiên quyết áp dụng chế độ trách nhiệm và xử phạt nghiêm bằng biện pháp kinh tế, hành chính đối với những người vô trách nhiệm, những hành động làm mất mát hoặc lãng phí nguyên vật liệu.

Thực hiện tốt việc sử dụng hợp lý và tiết kiệm nguyên vật liệu sẽ hạn chế được hao hụt, mất mát, chống lãng phí và góp phần làm giảm chi phí, tăng lợi nhuận cho doanh nghiệp.

3.2.5: Về trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

Để đảm bảo nguyên tắc “thận trọng” trong kế toán, tránh được những tổn thất có thể xảy ra trong hoạt động sản xuất kinh doanh, phản ánh giá trị nguyên vật liệu tồn kho sát hợp với giá trị trường tại thời điểm nhất định, đồng thời góp phần phản ánh kết quả kinh doanh trong kỳ chính xác.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho: là dự phòng phần giá trị bị tổn thất do giá vật tư, thành phẩm, hàng hóa tồn kho bị giảm. Bộ tài chính ban hành thông tư 228/2009/TT-BTC tháng 12 năm 2009, quy định về chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng.

✓ Đối tượng lập dự phòng bao gồm nguyên vật liệu dùng cho sản xuất (gồm cả hàng tồn kho bị hư hỏng, kém mất phẩm chất, lạc hậu một, lạc hậu kỹ thuật, lỗi thời, ứ đọng, chậm luân chuyển...), sản phẩm dở dang, chi phí dịch vụ dở

dang (hàng tồn kho) mà giá gốc ghi trên sổ kế toán cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được và đảm bảo điều kiện sau:

- Có hóa đơn, chứng từ hợp pháp theo quy định của Bộ Tài chính hoặc các bằng chứng khác chứng minh giá vốn hàng tồn kho.

- Là những vật tư hàng hóa thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp tồn kho tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

Trường hợp nguyên vật liệu có giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn so với giá gốc nhưng giá bán sản phẩm dịch vụ được sản xuất từ nguyên vật liệu này không bị giảm giá thì không được trích lập dự phòng giảm giá nguyên vật liệu tồn kho đó.

✓ Phương pháp lập dự phòng:

Mức lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính cho từng loại hàng tồn kho bị giảm giá và tổng hợp toàn bộ vào bảng kê chi tiết. Bảng kê là căn cứ để hạch toán vào giá vốn hàng bán (giá thành toàn bộ sản phẩm hàng hoá tiêu thụ trong kỳ) của doanh nghiệp.

Mức trích lập dự phòng tính theo công thức sau:

$$\begin{array}{l} \text{Mức dự phòng} \\ \text{giảm giá vật tư} \\ \text{hàng hóa} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Lượng vật tư hàng} \\ \text{hóa thực tế tồn kho} \\ \text{tại thời điểm lập báo} \\ \text{cáo tài chính} \end{array} \times \left\{ \begin{array}{l} \text{Giá gốc} \\ \text{hàng tồn} \\ \text{kho theo sổ} \\ \text{kế toán} \end{array} \right. - \left. \begin{array}{l} \text{Giá trị thuần có} \\ \text{thể thực hiện} \\ \text{được của hàng} \\ \text{tồn kho} \end{array} \right.$$

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại theo quy định tại Chuẩn mực kế toán số 02 - Hàng tồn kho ban hành kèm theo Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31/12/2001 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho (giá trị dự kiến thu hồi) là giá bán (ước tính) của hàng tồn kho trừ (-) chi phí để hoàn thành sản phẩm và chi phí tiêu thụ (ước tính).

Đề hạch toán nghiệp vụ dự phòng giảm giá hàng tồn kho, kế toán sử dụng tài khoản 159 “Dự phòng giảm giá hàng tồn kho”. Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập.

Theo chế độ kế toán hiện hành, vào cuối kỳ kế toán năm, khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc thì phải lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

Phương pháp hạch toán kế toán một số nghiệp vụ kinh tế chủ yếu:

- ✓ Cuối kỳ kế toán năm, khi lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lần đầu tiên, ghi:

Nợ TK 632 - Giá vốn hàng bán

Có TK 159 - Dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

- ✓ Cuối kỳ kế toán năm tiếp theo:

- Nếu khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải lập ở cuối kỳ kế toán năm nay lớn hơn khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã lập ở cuối kỳ kế toán năm trước chưa sử dụng hết thì số chênh lệch lớn hơn, ghi:

Nợ TK 632 - Giá vốn hàng bán (Chi tiết dự phòng giảm giá hàng tồn kho)

Có TK 159 - Dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

- Nếu khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải lập ở cuối kỳ kế toán năm nay nhỏ hơn khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã lập ở cuối kỳ kế toán năm trước chưa sử dụng hết thì số chênh lệch nhỏ hơn, ghi:

Nợ TK 159 - Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Có TK 632 - Giá vốn hàng bán (Chi tiết dự phòng giảm giá hàng tồn kho).

Việc trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho sẽ giúp cho việc hạch toán vật tư tại Công ty đảm bảo độ chính xác và thông qua việc trích lập dự phòng, kế toán nguyên vật liệu sẽ nắm bắt được số chênh lệch cụ thể giữa giá trị hàng tồn kho của Công ty hiện có so với giá thị trường.

Công ty có thể sử dụng mẫu bảng kê dự phòng giảm giá hàng tồn kho sau.

Đơn vị:

Địa chỉ:

BẢNG TÍNH DỰ PHÒNG GIẢM GIÁ HÀNG TỒN KHO

Năm....

Stt	Tên vật tư	SL	Theo sổ kế toán		Theo thị trường		Chênh lệch
			Đơn giá	Thành tiền	Đơn giá	Thành tiền	
A	B	1	2	3=1x2	4	5=1x4	6=5-3
	Cộng						

3.2.6: Về việc phân định kế toán tài chính và kế toán quản trị.

Do thông tin kế toán phục vụ cả trong và ngoài doanh nghiệp nên căn cứ vào đối tượng sử dụng thông tin, người ta phân định kế toán thành hai nhánh: nhánh kế toán cung cấp thông tin cho quản lý, điều hành hoạt động trong nội bộ doanh nghiệp được gọi là kế toán quản trị và nhánh kế toán cung cấp thông tin cho những đối tượng chủ yếu ở bên ngoài doanh nghiệp được gọi là kế toán tài chính.

Kế toán quản trị là quy trình đa dạng, đo lường, tổng hợp, phân tích, lập báo biểu, giải trình và thông đạt các số liệu tài chính và phi tài chính cho ban giám đốc để lập kế hoạch, đánh giá, theo dõi việc thực hiện kế hoạch trong phạm vi nội bộ một doanh nghiệp và để đảm bảo cho việc sử dụng có hiệu quả các tài sản và quản lý chặt chẽ các tài sản này, Như vậy kế toán quản trị là một phương pháp xử lý các dữ kiện để đạt được các mục tiêu sau:

- Biết được từng thành phần chi phí, tính toán và tổng hợp chi phí sản xuất, giá thành cho từng loại sản phẩm, từng loại công trình, dịch vụ.

- Xây dựng được các khoản dự toán ngân sách cho các mục tiêu hoạt động.

- Kiểm soát, thực hiện và giải trình các nguyên nhân chênh lệch giữa chi phí theo dự toán và thực tế.

- Cung cấp các thông tin cần thiết để có các quyết định kinh doanh hợp lý.

Từ những phân tích trên ta có thể áp dụng cụ thể vào Công ty cổ phần thép Việt Nhật để phân định rõ kế toán tài chính và kế toán quản trị về nguyên vật liệu như sau:

**Đối với kế toán tài chính nguyên vật liệu:*

- Kế toán tổng hợp và chi tiết từng loại nguyên vật liệu theo số lượng và giá trị theo chế độ ban hành.

- Cung cấp số liệu từng loại nguyên vật liệu chính xác hiện có trong kho tại thời điểm kê báo cáo và tiến hành lập báo cáo tài chính kịp thời.

- Lập bảng kê chi tiết từng loại vật liệu hiện có trong kho phù hợp với chỉ tiêu giá trị vật liệu tồn kho ở Bảng cân đối kế toán.

**Đối với kế toán quản trị nguyên vật liệu:*

Vẫn áp dụng phương pháp kế toán nguyên vật liệu giữa kho và phòng kế toán như Công ty đã thực hiện. Kế toán quản trị nguyên vật liệu phải:

- Xác định giá trị nguyên vật liệu đã sử dụng để sản xuất cho từng sản phẩm trong đó có bao nhiêu là biến phí và định phí.

- Lập các định mức sử dụng nguyên vật liệu và các báo cáo việc sử dụng nguyên vật liệu cho từng sản phẩm xuất ra, phân tích, đánh giá việc sử dụng nguyên vật liệu, tìm ra nguyên nhân.

Nhận thức được vấn đề trên, vì vậy Công ty cổ phần thép Việt Nhật nên phân định rõ kế toán quản trị và kế toán tài chính là hết sức cần thiết. Áp dụng được vấn đề này sẽ cung cấp cho các nhà quản lý của Doanh nghiệp có những thông tin linh hoạt, có những giải pháp khác nhau trong việc đầu tư, phát huy những mặt tích cực đã đạt được và khắc phục những mặt còn tồn tại.

KẾT LUẬN

Đối với Nhà nước kế toán là công cụ quan trọng để tính toán xác định, kiểm tra việc chấp hành quy định của Nhà nước và để điều hành nền kinh tế. Với doanh nghiệp, kế toán là công cụ quan trọng để quản lý hoạt động kinh tế và kiểm soát, bảo vệ tài sản vật tư tiềm vốn trong đơn vị.

Nguyên vật liệu là những đối tượng lao động thường chiếm tỷ trọng lớn trong chi phí sản xuất kinh doanh và có ảnh hưởng trực tiếp đến giá thành sản phẩm của các Doanh nghiệp. Nguyên vật liệu cần phải được đảm bảo tốt từ khâu mua vào, vận chuyển cho đến khâu dự trữ và sử dụng một cách hợp lý nhất sao cho đáp ứng vừa đủ nhu cầu sản xuất, đồng thời cũng đảm bảo cho quá trình sản xuất không bị gián đoạn. Vì vậy, công tác tổ chức hạch toán nguyên vật liệu có được đầy đủ, chính xác, kịp thời và khoa học sẽ là một biện pháp tích cực và có hiệu quả nhất trong việc tính giá thành sản phẩm.

Qua thời gian thực tập tại Công ty cổ phần thép Việt Nhật đã giúp em nắm vững hơn về công tác kế toán nói chung và công tác kế toán nguyên vật liệu nói riêng. Em nhận thấy rằng lý thuyết nhận thức trong nhà trường cần phải đi đôi với việc nắm bắt thực tế trong đời sống kinh tế. Điều quan trọng là phải biết vận dụng những kiến thức đã học để hoàn thiện hơn nữa công tác kế toán trong thực tế một cách sinh động và chính xác nhất.

Vì thời gian không nhiều và trình độ nhận thức có hạn nên khóa luận của em không thể tránh được những thiếu sót. Vì vậy em rất mong nhận được sự giúp đỡ và những ý kiến đóng góp của thầy cô và các bạn để khóa luận của em được hoàn thiện hơn.

Cuối cùng em xin chân thành cảm ơn thầy giáo hướng dẫn Ths. Nguyễn Văn Thụ, các nhân viên kế toán trong phòng kế toán của Công ty cổ phần thép Việt Nhật đã giúp em hoàn thiện khóa luận này.

Sinh viên

MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU	1
CHƯƠNG I: NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TRONG DOANH NGHIỆP	8
1.1: Những vấn đề chung về kế toán nguyên vật liệu trong doanh nghiệp.....	8
1.1.1: Sự cần thiết phải tổ chức công tác kế toán nguyên vật liệu trong doanh nghiệp	8
1.1.2: Khái niệm, đặc điểm nguyên vật liệu.....	9
1.1.3: Nhiệm vụ của kế toán nguyên vật liệu trong doanh nghiệp sản xuất.	9
1.1.4: Phân loại, đánh giá nguyên vật liệu	11
1.1.4.1: Phân loại nguyên vật liệu	11
1.1.4.2: Đánh giá nguyên vật liệu	12
1.2: Nội dung tổ chức công tác kế toán nguyên vật liệu.....	17
1.2.1: Kế toán chi tiết nguyên vật liệu	17
1.2.1.1. Phương pháp thẻ song song	17
2.2. Phương pháp sổ đối chiếu luân chuyển:	20
1.2.3. Phương pháp sổ số dư:	21
1.2.2: Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu	24
1.2.2.1. Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu theo phương pháp kê khai thường xuyên.	24
1.2.2.2. Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu theo phương pháp kiểm kê định kỳ.....	27
1.3. Kế toán dự phòng giảm giá hàng tồn kho.	29
1.3. Kế toán dự phòng giảm giá hàng tồn kho.	30
1.4: Vận dụng hệ thống sổ sách kế toán vào tổ chức công tác kế toán nguyên vật liệu	31
CHƯƠNG II: THỰC TRẠNG TỔ CHỨC KẾ TOÁN	35
NGUYÊN VẬT LIỆU TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP VIỆT NHẬT	35
2.1: Khái quát chung về công ty Cổ phần thép Việt Nhật	35
2.1.1: Quá trình hình thành và phát triển	35
2.1.2: Sản phẩm và quy trình sản xuất	38
2.1.3: Tổ chức bộ máy quản lý	
2.1.4: Tổ chức công tác kế toán tại công ty cổ phần thép Việt Nhật.....	47
2.1.4.1: Tổ chức bộ máy kế toán.....	47
2.1.4.2: Chế độ kế toán áp dụng tại doanh nghiệp	49

2.1.4.3. Tổ chức hệ thống tài khoản tại Công ty.....	50
2.1.4.4: Hệ thống sổ sách kế toán và hình thức kế toán.....	50
2.2: Thực trạng tổ chức kế toán NVL tại công ty Cổ phần thép Việt Nhật.....	54
2.2.1: Kế toán chi tiết nguyên vật liệu	54
2.2.1.1: Thủ tục nhập xuất.....	54
2.2.2.2 Phương pháp kế toán chi tiết nguyên vật liệu tại Công ty.....	67
2.2.2: Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu tại công ty Cổ phần thép Việt Nhật	76
2.2.3.1. Chứng từ sử dụng:.....	76
2.2.3.2. Tài khoản sử dụng:.....	76
2.2.3.3. Quy trình hạch toán:.....	76
2.2.3. Công tác tổ chức kiểm kê vật tư.....	81
CHƯƠNG 3:.....	83
MỘT SỐ BIỆN PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN TỔ CHỨC.....	83
CÔNG TÁC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TẠI	83
CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP VIỆT NHẬT.	83
3.1. Nhận xét chung về công tác kế toán nguyên vật liệu:.....	83
3.1.1. Ưu điểm.....	83
3.1.2. Hạn chế.....	86
3.2. Một số biện pháp nhằm hoàn thiện tổ chức công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty cổ phần thép Việt Nhật.....	87
3.2.1: Kiến nghị về bộ máy kế toán và phần mềm kế toán	89
3.2.1.1: Bộ máy kế toán.....	89
3.2.1.2: Phần mềm kế toán	89
3.2.2: Hệ thống kho bãi	89
3.2.3: Xây dựng định mức dự trữ nguyên vật liệu.	90
3.2.4: Về tình hình sử dụng nguyên vật liệu.	92
3.2.5: Về trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.....	94
3.2.6: Về việc phân định kế toán tài chính và kế toán quản trị.....	97
KẾT LUẬN	99
TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	